

BÁCH KHOA

SỐ 72 - NGÀY 1.1.1960

Trong số này :

NGHIÊM-PHÚ-LƯU	Những quan-niệm viện-trợ kinh-tế hợp-lý của Tây-Đức.
PHẠM-HOÀNG	Thác-Mác: Còn tin-tưởng hay mất tin-tưởng.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chính-trị phải đạo-đức.
PHAN-KHOANG	Vấn-đề cải-cách của Việt-Nam khi mới tiếp-xúc với Tây-phương.
CÓ-LIÊU	Ghép thộn.
ĐOÀN-THÊM	Mơ mộng và lang thang.
TRẦN-VĂN-KHÊ	Lá thư hải-ngoại: Giới-thiệu Việt-nhạc ở Thụy-sĩ.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Điền-sách: « Đường-thi trích dịch ».
LÊ-THÀNH-NHÂN	Bức thư trả lời ông Phạm-Công-Thiện.
BÌNH - NGUYỄN - LỘC, ĐẶNG - TRẦN - HUÂN, PHAN - NAM - XUYÊN, VŨ-HÂN — Một độc- giả ở Côn-sơn.	} Ý-kiến về truyền ngán Việt và ngoại-quốc.
NGUYỄN	
DIỆU-LINH	Cây Giáng-sinh thượng-giới (truyện dịch).
MẠC-THU	Quà tặng Noel (thơ).
KIỀU-YIÊU	Âm Hưởng (họa thơ Đoàn-Thêm).
LÊ-HÙNG	Trương-Tam-Quan (dịch Liêu-trải).
VIỆT-TRƯ	Khép nép (thơ).
KIM-THU	Kèn đưa ma (truyện ngán).
VŨ-HẠNH	Lối cũ về chiều (thơ).
	Người nữ-tỳ (truyện ngán).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu *"Lào-Mạnh-Tiểu"*
— Rượu Tàu *"Tích-Thọ-Tiểu"*

SI-RÔ *"Verigoud"* :

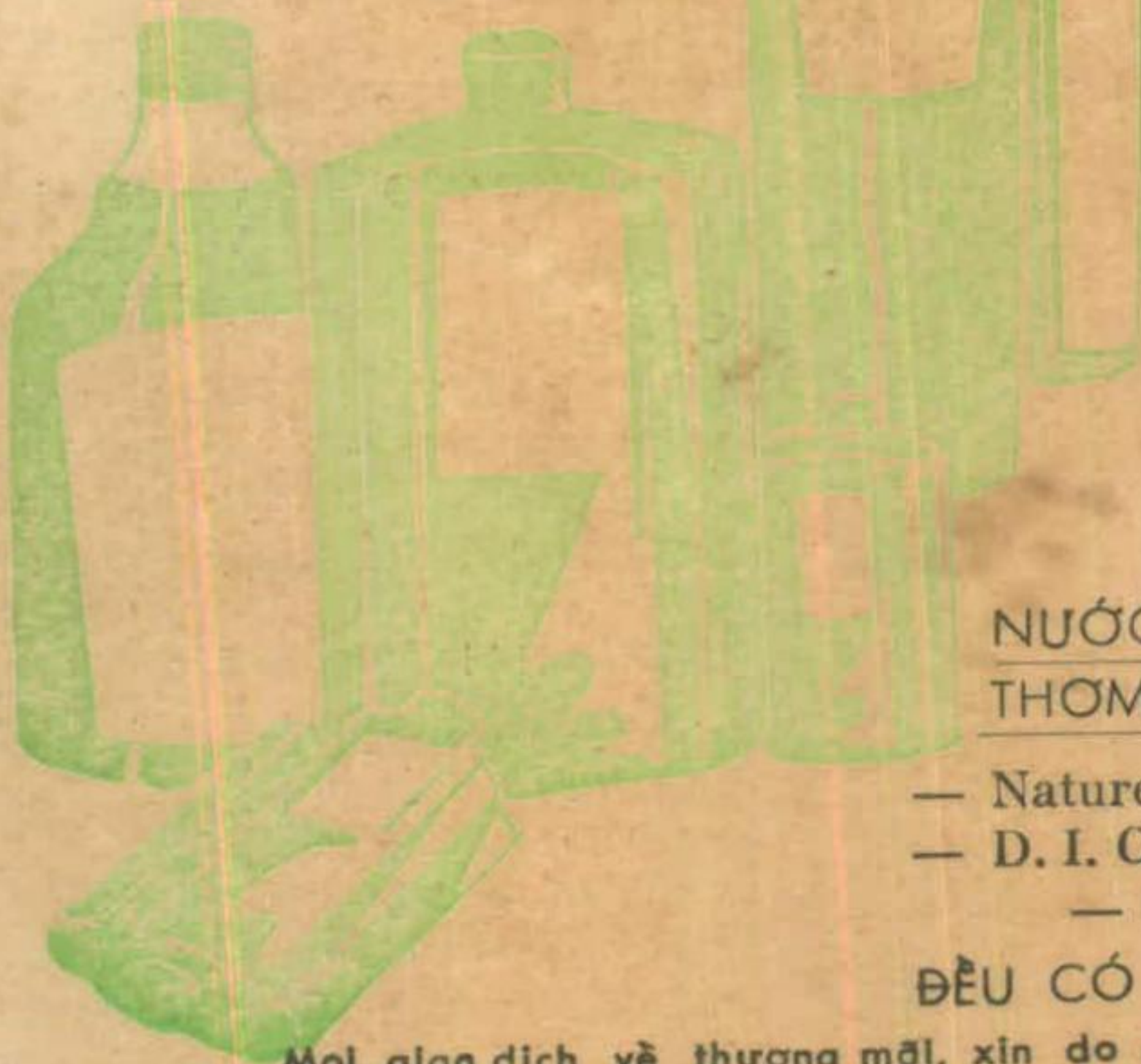
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**
(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

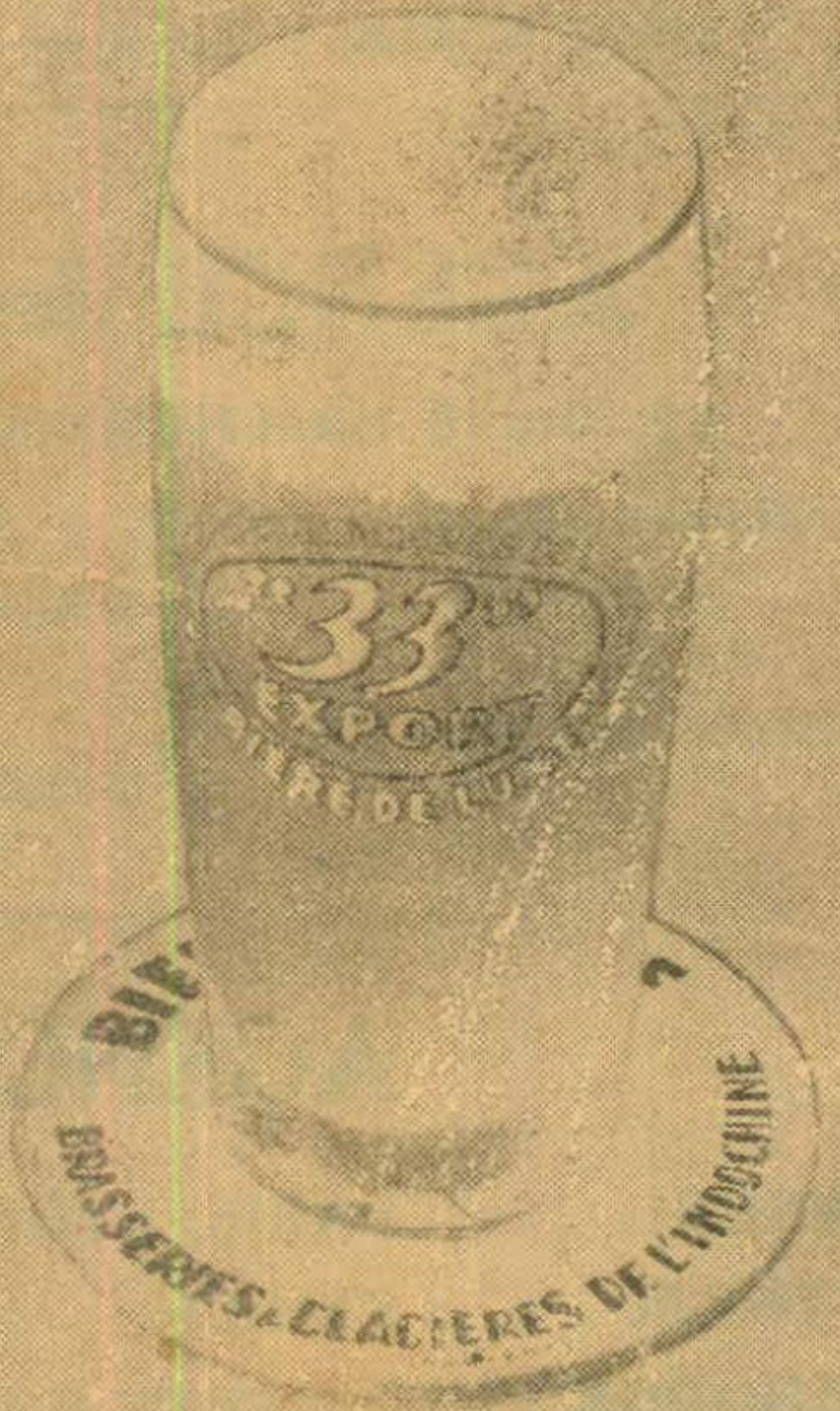
FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

Đại-lý Độc-quyền :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH

LAMBRETTA

MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN

PIECCHI

QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC

MARELLI

MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN AN

OLIVETTI

MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU

LOMBARDINI

PHÂN HÓA-HỌC

MONTECATINI

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tín LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỔNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- { « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lý, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bảo chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

BÁCH-KHOA

Số 72

Ngày 25-12-1959

	Trang
NGHIÊM-PHÚ-LƯU	Những quan-niệm viện-trợ kinh-tề hợp-lý của Tây-Đức 3
PHẠM-HOÀNG	Thắc-mắc : Còn tin tưởng hay mất tin tưởng ? 10
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chính-trị phải đạo-đức 11
PHAN-KHOANG	Vấn-đề cải cách của Việt-Nam khi mới tiếp xúc với văn-minh Tây- Phương. 15
CÔ-LIÊU	Ghép thân 23
ĐOÀN-THÊM	Mơ mộng và lang thang 27
LÊ-THÀNH-NHÂN	Bức thư trả lời Ông Phạm-công Thiện 35
TRẦN-VĂN-KHÊ	Lá thư hải ngoại 39
NGUYỄN-HIỀN-LÊ	Điểm sách : Đường thi trích dịch . 45
BÌNH-NGUYỄN-LỘC, ĐẶNG-TRẦN- HUÂN, PHAN-NAM-XUYỀN, VŨ-HÂN và một độc giả ở Côn-Sơn	Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại- quốc 55
NGUYỄN	Cây Giáng - Sinh thượng giới (truyện dịch) 69
MẠC-THU	Âm Hường (họa thơ Đoàn Thêm) . 74
DIỆU-LINH	Quà tặng Noel (thơ) 73
KIỀU-YIÊU	Trương-Tam-Quan (dịch Liễu-Trai) . 77
LÊ-HÙNG	Kiếp nếp (thơ) 80
VIỆT-TRƯ	Kèn đưa ma (truyện ngắn) 81
KIM-THU	Lời cũ về chiếu (thơ) 85
VŨ-HẠNH	Người nữ tì (truyện ngắn). 86

BÁCH-KHOA SỔ ĐẶC BIỆT

Kỷ-niệm Đệ tam chu niên và Xuân Canh-Tý

TRONG PHẦN KHẢO-LUẬN

Các bạn sẽ thấy :

- Những bài khảo-luận về :
Dân-chủ Chính-trị thế-giới ; Chính-sách Thuê-vụ.
- Những vấn-đề trọng-đại về :
Thanh-niên — Quân-sự — Khoa-học — Âm-nhạc — Dịch-lý.
- Những nhận xét về :
Tình-hình Văn-ngệ, Tình-hình Xuất-bản trong năm vừa qua. Tổng-kết cuộc Phỏng-vấn về truyện ngắn.
- Một tài-liệu lịch-sử :
Cụ Phan-Bội-Châu ở Hàng-Châu.
- Các bài đặc-biệt về năm Tý :
Con Chuột trong văn thơ — Bồn chén trà năm Giáp-Tý — Hoa-xuân.
- Vì sao một bài thơ phải đợi 15 năm mới được đăng trọn vẹn ?
- Một phóng-sự về Tết và một món quà Tết riêng tặng các thiếu-nữ : ông Hoàng-Mộng-Tường qua các thời-đại.
Với các cây bút quen thuộc : Vương-Hồng-Sên—Cô-Liêu, Tiểu-Dân, Huỳnh-Văn - Lang, Hoàng - Minh - Tuynh — Nguyễn-Trần-Huân, Phạm-Ngọc-Thảo — Trần-Văn-Khê — Nguyễn-Văn-Ba — Trương-Đình-Cử—Vũ-Hạnh— Nguyễn-Hiền-Lê — Nguyễn-Ngu-Í — Nguyễn-Thượng-Huyền—Thuần-Phong—Trần-Thúc-Linh — Đoàn-Thêm—Vũ-Thanh-Ly... v.v.v...

TRONG PHẦN VĂN-NGHỆ

Các bạn sẽ thường-thức :

- Một truyện quái dị đầu tiên của Võ-Phiên.
- Truyện văn-ngệ đầu xuân, nổi lòng ray rứt, băn-khoăn của người văn-ngệ trước một sự lựa chọn tác phẩm và sự sống, dù chỉ là sự sống của con vật : « Tác phẩm 99,5 » của Mặc-Thu.
- Một truyện Tết thời thơ ấu, của tất cả mọi người đã sống ở đồng quê đất Bắc : « Cái bong bóng lợn » của Phan-Văn-Tạo.
- « Bơ-vơ », truyện ngắn thời đại của Trang-Thế-Hy.
- Có bao nhiêu bạn sẽ trở thành những con người gổ mết nhọc, còng lưng đỡ « Tấm bao lợn », của Không-Nghị ?
- Nợ nhau một « Phát đạn », một truyện phục-thù cao thượng, truyện dịch của Nguyễn.
- Một phong tục « đáng yêu » của miền thượng : « Cuối ba dùm » truyện ngắn của Vũ-Hạnh.
- Đoạn kết li-kì truyện « Người nữ tì » của Vũ-Hạnh.
- « Hoa lạ », truyện dịch của Quốc-Dũng, một cuộc trả thù ma quái của người bị giết.
- « Nữ lang họ Đậu », một truyện Liêu-trai quái đản mà thương cảm, do Kiều-Yiêu dịch.
- « Lão quán ở dốc từ bi », nạn nhân điển hình của thời đại, của Phan-Du.
- ✱ Những thi phẩm đặc sắc của : Vũ-Hân, Yá-Hạc Nguyễn-Văn-Trung, Á-Nam Trần-Tuân-Khải, Đoàn-Thêm, Đông-Xuyên, Mộng-Trung, Tường-Linh, Huy-Trâm, Huy-Lực, Phan-Lạc-Tuyên, Kim-Thu, Nguyễn-Phan-An v.v...

NGHIÊM-PHỦ-LƯU

NHỮNG QUAN-NIỆM VIỆN-TRỢ KINH-TÊ HỢP LÝ CỦA TÂY-ĐỨC



SỰ phục-hưng kinh-tê nhanh-chóng và toàn-diện của Tây-Đức tại Âu-Châu thật là một thành-tựu vẻ-vang của chế-độ tự-do tư-bản trong thời hậu chiến.

Phục-hồi được một nền kinh-tê tốt-đẹp, nâng cao được số lợi-tức Quốc-Gia và có được một số dự-trữ ngoại-tệ vượt hẳn rất xa số dự-trữ trong 2 năm (1937 và 1938) là 2 năm trước chiến-tranh (1939-1945), Dân-tộc Đức đã nghĩ ngay tới công-cuộc viện-trợ kinh-tê cho các nước khác trong tình đoàn-kết Quốc-tê.

Song trái với một vài nước khác, Tây-Đức đã có những quan-niệm hợp-lý và thực tế hơn về công-cuộc viện-trợ này.

Những quan-niệm đó sẽ làm cho công-cuộc viện-trợ vừa được hữu-hiệu hơn vừa hợp với ước vọng của các nước được viện-trợ mà nhất là các nước chậm phát-triển.

Để tìm hiểu những khía-cạnh riêng về viện-trợ kinh-tê Tây-Đức, chúng ta nên ghi những điểm sau đây qua những lời tuyên-bổ của các chính-khách Đức có trách-vụ trong việc thiết-lập các chương-trình viện-trợ và quản-lý các viện-trợ kinh-tê tại Đức :

- 1.— Tâm-lý của một cuộc viện-trợ kinh-tê.
- 2.— Những con số viện-trợ của Tây-Đức.
- 3.— Quan-niệm của Tây-Đức về viện-trợ kinh-tê.

I.— TÂM-LÝ CỦA MỘT CUỘC VIỆN-TRỢ KINH-TẾ

Viện-trợ giúp một nước có nền kinh-tế chưa phát-triển là một hành-động cao-đẹp.

Song cách thức giúp ra sao đó cũng là một điểm rất quan-hệ, có khi quan-hệ hơn cả số tiền hay số dụng-cụ muốn giúp.

A-/ Một thái-độ thịch nghị : Không sử-dụng danh-từ «kém mở-mang».

Theo tờ báo New Zürcher xuất-bản ở Zugrich (Thụy-Si) vào tháng 10-1958 thì trong các văn-kiến liên-quan tới việc viện-trợ kinh-tế tại Tây-Đức, tất cả các báo-chí các cơ-quan chính quyền, và các đoàn thể tư-nhân đều hết sức tránh dùng danh-từ giúp đỡ các nước «kém mở mang», vì danh-từ «kém mở mang» này có một ý-nghĩa có thể gây cho các dân-tộc được viện-trợ một mặc-cảm không tốt là họ đã kém sút hay yếu kém đối với các nước viện-trợ. Dùng danh-từ như vậy tinh-thần tự-ái dân-tộc có thể coi là bị tổn-thương và vì đó sẽ có thể gây lên những phản-ứng hay nghi-kỵ không có lợi cho mọi công-cuộc xây-dựng kinh-tế hữu-hiệu.

Về điểm này cũng nên nhắc rằng chính Tổng-Thống Nam-Dương SOKARNO, trong khi qua thăm một số Quốc-gia tại Á-Đông vừa rồi, trên đoạn đường từ Nhật-Bản về nước, Tổng-Thống cũng đã tuyên-bồ rằng Tổng-Thống không thích các nước Âu-Mỹ gán cho Nam-Dương danh từ «Quốc-gia kém mở mang». Theo Tổng-Thống thì danh-từ này có ý nghĩa coi Nam-Dương là một Quốc gia «đàn em» và sút kém phải đứng vào hàng

các «tiểu-nhược-quốc» để cầu xin các viện-trợ kinh-tế.

B-/ Thiện-chí giúp đỡ thật sự...

Chúng ta nên công-nhận rằng một số Quốc gia tại châu Phi, châu Á hay châu Mỹ La-Tinh đã nhận được viện-trợ kinh-tế là do các lý-lẽ sau đây :

— 1. Vị-trí chiến-lược của các Quốc-gia này.

Hiện nay hai khối Quốc-Gia đối-lập trên thế-giới là các nước tự-do tư-bản và các nước trong phe Xã-hội Chủ-nghĩa.

Một số các nước đã nhận được viện-trợ là vì các nước đó có một địa-thế chiến-lược quan-trọng hoặc trong kế-hoạch bảo-vệ mặt trận dân-chủ, hoặc trong chiến-lược tấn công vào các nước trong khối đối-lập Xã-hội Chủ-nghĩa ; sự-kiện đó là nguyên-ủy chính-yếu của chương-trình viện-trợ hiện nay có tính-cách quân-sự.

Số tiền viện-trợ này để trang-bị hay huấn-luyện quân-đội, để thiết-lập các căn-cứ điểm quân-sự hay hệ-thống giao-thông hay hàng-không chiến-lược làm khi đã chiếm 2/3 trong tổng số viện-trợ hàng năm.

— 2. Vị-trí kinh-tế của các nước này.

Vị-trí kinh-tế này cũng rất quan-trọng hoặc vì các nước đó có nhiều nguồn tài-nguyên chưa được khai-thác triệt-đề. Hoặc vì các nước đó, do dân số khá quan-trọng, nên có thể trở thành một thị-trường tiêu-thụ rất hấp-dẫn của mọi kinh-doanh tư-bản.

Phần nhiều các nước này không có công-kỹ-nghệ hay chỉ có một tiểu-công-nghệ hay thủ-công-nghệ thôi. Còn về nông-nghiệp thì các nước này chỉ có một nền nông-nghiệp

theo lối cổ-truyền thôi chứ chưa có nền nông-nghiệp tự-động-hóa hay cơ-giới-hóa.

Nên các nước đó cần-thiết các sản-phẩm công-kỹ-nghệ và đương-nhiên có thể trao-đổi các tài-nguyên phong-phú thiên-nhiên sẵn có để nhập-cảng các sản-phẩm công-nghệ sau này.

Vậy viện-trợ các nước đó lắm khi còn là để tranh lấy các thị-trường tiêu-thụ cần-thiết cho việc phát-triển công-kỹ-nghệ của các nước đã có nền công-kỹ-nghệ tiên-tiến rồi.

Nếu sản xuất mà không có nơi tiêu-thụ thì hàng họ sẽ ứ-đọng lại. Mà hàng họ ứ-đọng lại thì việc sản-xuất sẽ bị đình-chỉ và sẽ gây lên mọi xáo-trộn kinh-tế và xã-hội trầm-trọng...

— 3. *Vị-trí xung-yếu trong cuộc chiến-tranh tâm-lý.*

Lắm khi sở viện-trợ đã được cấp-phát vì các Quốc-gia Âu-Mỹ đã thông-hiểu rằng công-cuộc chống-cộng đầu tiên phải là một công cuộc chiến-tranh tâm-lý.

Tại làm sao lại là chiến-tranh tâm-lý? Vì trong các giai-đoạn của cuộc chiến-tranh «lạnh» hiện nay thì các mục-tiêu chính-yếu phải là việc thu hút các dân-tộc chưa đứng vào phe nào cả, nhất là các dân-tộc tại Phi-Châu, Á-Châu và miền Nam và Đông Nam Á-Châu.

Mà muốn thu hút các dân-tộc đó thì phải thu-hút trên khía-cạnh tâm-lý trước đã, nghĩa là phải viện-trợ để:

— Nâng-cao mức sống của các dân-tộc này để các dân-tộc đó khỏi «rơi» vào những cạm-bẫy tuyên-truyền thu-hút của khối Xã-hội Chủ-nghĩa.

— Chiếm lấy cảm-tình và lòng tin-tưởng

của các dân-tộc đó là các yếu-tố căn-bản của mọi thành-công trong việc thu-hút các Quốc-gia này vào khối ảnh-hưởng của khối Tự-do Dân-chủ.



Chính theo tờ báo New Zurcher kể trên và một số báo chí khác Âu-Mỹ thì, thông hiểu những sự-kIỆN căn-bản kể trên, các giới cầm quyền Tây-Đức đã cố-gắng trong nhiều cơ-hội để tuyên truyền rõ-rệt rằng:

— Thiện-chí của Đức là giúp đỡ thật-sự các nước chậm phát-triển trong tình đoàn kết tương-thân, tương-ái giữa các dân-tộc.

— Viện-trợ của Tây-Đức không phải xuất-phát tại các dục-vọng Thực-dân hay Đê-quốc. Vì Tây-Đức không bao giờ mơ-ước xâm-lăng kinh-tế nước nào cả và cũng không mơ-ước thiết-lập hay chi-phối các thị trường tiêu-thụ tại các nước chậm phát-triển này.

Trước cuộc tấn-công kinh-tế của khối các nước Xã-hội Chủ-nghĩa tại miền Nam Á-Đông và tại Châu-Phi thì thái-độ thận-trọng này của Tây-Đức rất đáng chú-ý. Vì ngay trong lãnh-vực kinh-tế, chỉ có những sự đoàn kết tôn-kính chân-thật lẫn nhau trong tình thân-thiện thực-sự mới có thể đem lại được nhiều kết-quả khả-quan và tránh được mọi khó-khăn hay xuyên-tạc phá-hoại dưới mọi hình-thức thôi.

Các nước theo chủ-nghĩa Xã-hội vẫn đương tấn-công kinh-tế vào các nước chậm phát-triển. Thái-độ thận-trọng này của Tây-Đức sẽ giúp khối Tự-Do đem được thêm các thắng lợi trong công cuộc viện-trợ kinh-tế các nước khác.

II.— NHỮNG CON SỐ VIỆN TRỢ CỦA TÂY-ĐỨC

Tại Tây-Đức toàn thể các đảng-phái chính-trị, kể cả các đảng-phái đối-lập với chính-phủ đều cổ động cho việc viện-trợ kinh-tế các nước khác.

Ý-kiến này cũng là ý-kiến của toàn thể các giới công-kỹ-nghệ, các xí-nghiệp và các công-đoàn Tây-Đức.

Họ đã nhiều lần hô-hào chính-phủ Bonn nên viện-trợ tài-chánh, viện-trợ kỹ-thuật và đầu-tư cho các nước khác trong đó có Ấn-Độ, các nước trong khối Á-Rập thông-nhất, Thổ-Nhi-Kỳ, Hi-Lạp và một số nước khác tại Phi-Châu và tại Á-Châu.

A-/ Số tiền viện-trợ

— 1. Theo các bản thông-kê đã thiết-lập thì trong 5 năm nay cho tới đầu năm 1959, tổng số tiền đầu tư, số tiền dụng-cụ và sản-phẩm công-nghiệp khác do Tây-Đức đã trả hay đã viện-trợ cho các nước khác đã lên tới con số là 17 tỷ Deutch Marks.

— 2. Trong số đó, riêng nước Do-Thái, đã nhận được viện-trợ dưới mọi hình-thức vào khoảng 1 tỷ 400 triệu D. M. Từ nay cho tới 1966 số tiền viện-trợ nay đã dự-trù tăng lên tới 3 tỷ 450 triệu.

— 3. Riêng số tiền viện-trợ dưới hình-thức xuất-cảng các dụng cụ trang-bị cơ-bản công-nghệ và sản-phẩm công-nghiệp khác đã lên tới 9 tỷ 500 tiền D.M. trong số đó thì có từ 80 tới 90% đã gởi sang các nước có nền công-nghiệp kém phát-triển.

— 4. Vì khả-năng tài-chánh của Tây-Đức

rất tốt đẹp nên chính các cường-quốc như Mỹ và Anh cũng đương kêu gọi Tây-Đức cộng-tác thêm với 2 Quốc-Gia này để thiết lập các chương-trình viện-trợ tổng-quát cho các nước khác.

B-/ Một nền tài-chánh quá tốt đẹp.

Tây-Đức là một nước trong đó có bao nhiêu tội nhân chiến tranh đã bị tử hình. Sự tàn phá chiến tranh tại đây đã lên tới con số khủng khiếp là 400 triệu thước khối đồ vỡ. Do những cuộc oanh tạc liên tiếp hầu hết các cơ sở kỹ nghệ đều đã bị phá trụi hết.

Điều kỳ lạ nhất là tuy là một nước thua trận nặng nề như vậy, thế mà do sự phục-hưng kinh-tế nhanh chóng, do sự cần-cù chịu đựng gian khổ để hàn gán các vết thương chiến-tranh, tới cuối năm 1957, Tây-Đức đã có thừa một số ngoại-tệ dự trữ là 4 tỷ 500 triệu Mỹ - kim. Trong khi đó thì các nước thắng trận khác tại Tây Âu như Anh, Pháp, Bỉ, Hòa-Lan, Đan-Mạch v.v... đương cơ-cực trong cảnh thiếu-thốn các ngoại-tệ cần-thiết vì cán cân chi-phôi của các nước này đã mất thăng bằng một cách trầm-trọng.

Tổng số Mỹ-kim kể trên lại đã tăng thêm lên nhiều vào khoảng đầu năm 1959. Vì vậy đồng tiền Mark của Đức hiện nay là một đồng tiền vững chắc hơn cả các đồng Bảng của Anh và đồng Phạt-lăng của Pháp (kể cả đồng Phạt-lăng «nặng» hiện nay).

Người ta tự hỏi rằng, với các sự - kiện kinh-tế và tài-chánh tốt đẹp đó của Tây-Đức, thì sau cuộc đại-chiến 1939 - 1945 vừa qua, theo thực trạng kinh-tế hiện tại, ở Tây Âu nước nào là nước đã thắng trận hay thua trận thật sự...

Thua trận về chiến-tranh rồi lại thắng trận về kinh-tế thật là một sự kiện then chốt đáng làm gương cho các nước khác trong lãnh-vực kinh-tế.

III.— QUAN NIỆM CỦA TÂY-ĐỨC VỀ VIỆN TRỢ KINH-TẾ

Sau khi đã chịu đựng được một cách bền-bĩ biết bao nhiêu gian khổ để :

- vượt mọi khó khăn hầu như nan giải,
- sáng tạo được một cuộc phục-hồi Kinh-tế kỳ lạ như thế.

Sau khi đã có một tâm-lý viện-trợ hợp-lý, Tây-Đức còn có những quan-niệm về viện trợ kinh-tế rất thích hợp với một sở ước vọng tha-thiết của các dân-tộc muốn được viện-trợ.

Những quan-niệm hợp tình, hợp lý đó đã được bày tỏ rõ rệt qua những lời tuyên-bổ đầy nhiệt tình xây dựng của các nhân vật có trách vụ quan trọng trong công cuộc soạn thảo, áp dụng và kiểm soát việc áp dụng các chương-trình và kế hoạch viện trợ kinh-tế của Tây-Đức...

Theo những đề-cương chính-yếu tổng-quát của Chính-phủ Tây-Đức thì các chương-trình viện-trợ này phải dựa theo các căn-bản tương thân tương trợ và đoàn-kết thật sự trong công cuộc khuếch-trương giao-dịch kinh-tế và viện trợ kỹ-thuật với các quốc-gia cần viện-trợ.

Những nguyên-tắc căn-bản do Tây-Đức đương áp dụng trong việc soạn-thảo các chương trình viện trợ có điểm rất hợp lý như sau đây :

A-/ Viện-trợ kỹ-thuật

Về phương diện này, theo Tây-Đức thì việc đơn phương cấp các học bổng để đào luyện hộ một số chuyên-viên tại các trường

học ở Đức chưa đủ. Còn cần phải thiết-lập ngay tại các quốc-gia được viện-trợ những trung tâm đào luyện kỹ-thuật cho những chuyên viên đó do các giáo sư Đức hay giáo sư các nước khác giảng dạy.

Như tại Ấn-Độ muốn giúp nước này, Tây-Đức đã khởi công xây dựng một trung tâm đào luyện kỹ-thuật đại quy-mô. Trung tâm đó không những đào luyện cho các sinh-viên Ấn-Độ, mà còn sẽ có thể hấp dẫn các sinh-viên của các nước khác ở Á-Châu muốn theo học tại Ấn-Độ những chương-trình kỹ-thuật và khoa học trên thuyết-lý cũng như trên bình-diện thực-hành.

B-/ Viện-trợ kinh-tế

Về nguyên-lý động-tác, về mục-tiêu chủ yếu, cuộc viện-trợ này có nhiều đặc điểm nên ghi nhớ.

Theo Ông M. D. GROSS Tổng Thờ-Ký của các cơ-quan kinh-tế Đức về Á-Đông thì :

1—. Ngoài tính cách kinh-tế và tài-chính, các chương-trình viện-trợ cho các nước Đông-Á còn cần phải có tính cách *chính-trị* nữa. Có chính-trị thì mới tìm hiểu được nguyện vọng thực-sự của các nước bạn và những nhu-cầu cấp-bách của các nước này để khuyến-khích và thúc đẩy các nước đó trên đường tiến-bộ khoa-học cũng như về kỹ-thuật.

2—. Mục-tiêu chính-yếu của công cuộc viện-trợ là phải nâng cao được mức sống của giới bình-dân trong các quốc-gia còn chậm tiến, các giới này là đối tượng chủ yếu cần nâng đỡ cấp bách.

HAI ĐIỂM THEN CHỐT CỦA ÔNG GROSS

Ngoài các điểm kể trên còn 2 đặc điểm sau

đây là 2 điểm then chốt ít khi có ghi trong các kế-hoạch đã có từ trước tại các nước Âu-Mỹ khác.

Theo ông Gross muốn giúp thật sự cho các nước bạn còn cần phải chú ý nhất tới :

1.— Việc giúp các quốc-gia cần viện-trợ làm tăng thêm được năng-xuất binh-quân và số tổng lượng sản-phẩm để xuất cảng của các quốc-gia này.

2.— Muốn vậy thì các quốc-gia cấp viện-trợ phải cần áp-dụng một kế-hoạch rộng rãi để thu mua một cách trực-tiếp với tính cách ưu-tiên mọi sản phẩm do các nước chậm tiến đó sản-xuất.



Giúp cho các tiểu-nhược-quốc tăng được năng xuất lao-động binh-quân rồi lại tăng cả tổng sản lượng nông công-nghiệp lên dù chỉ là một nền công-nghiệp mới phôi-thai thôi.

Rồi thì... muốn cho nền nông công-nghiệp đó được chống khuếch-trương và phát-triển, lại cố gắng tự ý thu mua các sản-phẩm tất nhiên chưa được hoàn - hảo và rẻ tiền của các nước đó...thật là những biện-pháp tương trợ hữu hiệu ít khi thấy đề-cập tới... Chính Ông GROSS cũng đã tỏ rõ ý-kiến rằng các biện-pháp kinh-tế đầy màu sắc chính-trị và tâm-lý này rất cần thiết và rất tiếc rằng các nước tiền-tiến Âu-Mỹ chưa áp dụng tới hay không muốn áp dụng tới...

CUỘC VIẾNG THĂM Á-ĐÔNG CỦA PHÓ TỔNG-THÔNG ERHARD

Vào hạ tuần tháng 10 năm 1958, Phó Tổng Thông Tây-Đức kiêm Tổng - trưởng kinh-tế cũng đã qua thăm Việt-Nam, Nhật-Bản và

một số nước khác tại Đông-Nam-Á.

Theo lời tuyên-bổ của vị cứu-tinh cho Tây-Đức hay vị anh-hùng trong công cuộc phục hưng kinh-tế Đức thì Phó Tổng-Thông Tây-Đức cũng có những ý-kiến tương đồng với các ý-kiến kể trên của ông Gross.

Rời Việt-Nam sang Nhật-Bản, tại Tokyo ngày 30-10-1958 ông Erhard đã tuyên-bổ nên thay đổi các ý-niệm và phương-pháp viện-trợ kinh-tế. Theo ông thì không nên chỉ nghĩ đến các khía cạnh thương mại thôi mà cần nhất còn phải nghĩ ngay tới việc tăng-gia mọi lãnh vực sản-xuất của các nước được viện-trợ.

Xét thấy tình-trạng xã-hội nhiều nơi còn thấp kém tại miền Nam Á-Đông, nên khi tới Colombo ngày 15-11-1958, Phó Tổng-Thông ERHARD lại tuyên-bổ thêm rằng :

— nên tăng-cường thêm các công cuộc mở mang về phương-diện xã-hội để cải thiện đời sống của giới bình-dân,

— ngoài việc khuếch-trương nông-nghiệp còn cần nên cấp bách kỹ-nghệ-hóa các nước này nữa.

IV.— KẾT-LUẬN

Những đề-cương tổng-quát của các chính khách Tây-Đức là :

1— Không nên thiết-lập các trung-tâm kỹ-nghệ lẻ loi quá quan-trọng, mà phải cung cấp nhiều các dụng cụ trang-bị cần-thiết cấp bách cho các ngành sản-xuất và cho việc trang-bị nhiều kỹ-nghệ nhẹ rồi tiến tới việc thiết-lập các kỹ-nghệ tiểu và trung quy-mô.

2—. Nên áp dụng mọi biện-pháp cần thiết không những :

— Để khuyến-khích sản-xuất, cải tiến kỹ-thuật, tăng-gia tổng sản lượng.

— Mà còn để thu mua các sản-phẩm đó.

Như vậy thì các nền kỹ-nghệ phối thai của các nước này mới có thị-trường tiêu thụ, mới «sống» được và phát-triển lên được.

Khi đã phát-triển rồi thì sẽ khuyến-khích được các tác-động « làm nhanh, làm nhiều, làm tốt và làm rẻ ».

3—. Trên mọi lãnh-vực kinh-tế nên đặt trọng tâm công-tác không phải vào các khía cạnh thương-mại mà vào mục-đích nâng cao mức sống và hạnh-phúc của đại chúng. Chỉ có căn-cứ điểm then chốt đó mới có thể đem lại thắng lợi cho công cuộc viện-trợ kinh-tế này.

Từ năm 1956 tới nay, ngoài kế-hoạch Co-

lombo đã có nhiều kế-hoạch viện-trợ của Âu Mỹ cho các nước chậm phát-triển.

Những quan-niệm viện-trợ của Tây-Đức, nhất là các điểm :

— thiết-lập các kỹ-nghệ tiểu và trung quy-mô tại các nước miền Nam Á-Đông,

— cố gắng tự thu mua các sản-phẩm của nền kỹ-nghệ mới phối thai đó,

thật là một chính-sách tốt đẹp thích hợp với thực-trạng hiện tại của nhiều nước tại Đông-Nam Á-Châu.

Chính sách đó khác hẳn với chính-sách viện-trợ có mục-tiêu ích-kỷ chỉ muốn biến miền này thành những thị-trường tiêu thụ sản-phẩm công-nghệ của các nước Âu-Mỹ.

NGHIÊM-PHỦ-LƯU

PHẠM-HOÀNG sưu-tập

Danh - ngôn, danh - lý

KHIÊM-NHUỘNG

- o Chỉ huy là một công vụ ; muốn chỉ huy có kết quả cần phải tập bỏ tính ích-kỷ chật-hẹp, tính tự-phụ vô-lý và tính vụ lợi quá đáng.
- o Chúng ta nên tránh nói về mình và lấy mình ra làm gương cho thiên hạ — Không gì đáng ghét bằng người lúc nào cũng đưa mình ra làm thí-dụ — Gương mẫu chỉ thấy đem lại kết-quả khi nào chính bản chất nó xứng đáng cho người ta chú-ý và tôn-trọng ; khi bạn tưởng rằng với những lời quả-quyết suông và những lời tự khen mình, bạn có thể khiến cho người ta chú ý lời bạn và tôn trọng bạn hơn, thật bạn đã phạm một sai lầm nghiêm trọng về tâm lý ; vì lẽ óc phê phán bao giờ cũng nằm sẵn trong đầu người ta và sẽ nổi dậy để hủy hoại cái hiệu-quả bạn muốn thu lượm được (Courau)



Còn tin-tưởng hay mất tin-tưởng ?

Có người bảo chúng ta hiện nay còn tin tưởng.

Có người bảo chúng ta hiện nay mất tin tưởng.

Tranh-luận « còn », « mất » có thể là vấn-đề quan-trọng. Song vấn-đề quan-trọng hơn có lẽ là phải làm sao cho người dân tin tưởng. Làm sao cho người dân tin tưởng, phải chăng đó mới là vấn-đề thiết-thật và cấp-bách ?

Xin kể một câu chuyện.

Hồi trước chiến tranh thứ hai, phóng-viên một một tuần-báo danh tiếng Pháp được phái sang điều tra tinh-thần của người dân Nhật tại đất Nhật. Phóng-viên ấy thuật lại một sự việc xảy ra đã được chứng-kiến. Một du khách người Âu-châu tới viếng nước Nhật, tới khi trở về nước thì mượn xe kéo đưa mình từ khách-sạn đến bến tàu, có lẽ để hưởng cái thú ngồi xe kéo lần cuối cùng trên đất Phù-tang. Không ngờ tới bến, tàu đã sửa-soạn nhỏ neo chạy, người du khách vội vã lên tàu... Tàu chờ người du khách ra khơi đã khá xa thì thấy bốn xuồng máy của cơ-quan tuần-cảnh đuổi theo và ra lệnh cho tàu ngừng chạy. Cả tàu nhớn nhác. Đoàn tuần cảnh lên tàu, yêu cầu thuyền-trưởng cho tập-hợp tất cả hành-khách, và người đoàn-trưởng cung kính gửi trình mọi người :

— « Trong số quý-khách, có vị đã quên trả tiền người phu xe kéo mình từ khách-sạn ra bến tàu. Xin vị ấy vui lòng thanh-toán cho ».

Vị khách đang-trí chợt nhớ lại, hốt hoảng xin lỗi và vội-vàng thanh-toán một quăng xe đáng giá... hai xu, nhưng cũng là một quyền-lợi quan-trọng đáng cho tuần cảnh Nhật huy-động một lực-lượng hùng-hậu để bảo-vệ.

Muốn cho người dân tin tưởng mạnh, nếu người dân còn tin tưởng, muốn cho người dân tin-tưởng lại, nếu người dân mất tin tưởng, phải chăng cần cho người dân thấy rằng quyền-lợi của họ được bảo-vệ với bất luận giá nào, và dù quyền-lợi của họ chỉ đáng giá có... hai xu ?

CHÍNH-TRỊ PHẢI ĐẠO-ĐỨC

L.M. YVES DE MONTCHEUIL S.J.
HOÀNG - MINH - TUYNH dịch

Cha Yves de Moncheuil S.J., trong một cuốn sách nhan-đề : « Giáo-hội và thế-giới hiện nay » (L'Eglise et le monde actuel) đứng trên cương vị Ky-tô giáo, có đem lại một giải-thích cho vấn-đề rất phức-tạp và khó-khăn trước lương-tâm của những nhà chính-trị dù thuộc hay không thuộc Ky-tô giáo, là vấn-đề : « Chính-trị và đạo-đức ». Và lập-trường của vị giáo-sĩ Dòng-Tên thật dứt khoát. Chúng tôi xin trích-dịch một đoạn dưới đây để hiển quý-vị độc-giả thưởng lãm.

Chúng tôi cũng xin ghi thêm mấy lời về tác-giả. Cha Yves de Moncheuil là một nhà thần-học danh tiếng của giáo-hội Pháp đã từng làm giáo-sư các trường đại-học và đào tạo được nhiều lớp thanh-niên trí-thức Pháp. Sách vở ngài viết đã gây ảnh-hưởng rộng lớn không những trong nước Pháp mà trong cả hoàn-cầu. Ngài bị quân đội quốc-xã Đức bắt giam và xử tử hình trước ngày đình chiến.

CÓ một số người, mặc dù, vẫn tin có một qui tắc đạo đức tuyệt đối, vẫn tin qui tắc đạo đức ấy có tính chất bắt buộc đối với một người tự coi số mệnh của mình vượt trên khuôn khổ một xã hội trần tục, mà vẫn tự bảo : có hành vi xấu về phương diện đạo đức vì là hành vi tội lỗi trước đạo đức Ky-tô giáo, nhưng lại là hành vi tốt về phương diện chính trị vì là hành vi có lợi ích cho quốc gia.

Họ kể ra một số thí-dụ : những phương-thệ gian dối nhà nước dùng để vô nọ, không giữ lời cam-kết, vi phạm hiệp định đã kết thúc với ngoại quốc, hành quân diệt trừ địch thủ chính-trị v.v...

Và họ cho đó những hành-vi hợp tình, thuận-lý. Tuy nhiên, phải nhìn sự việc gần-gần hơn và trước hết, phải nhớ lại cho đích xác thế nào là chính-trị, vì thật ra câu giải

đáp tùy thuộc quan niệm của mọi người về chính-trị.

Chính-trị là gì ?

Đối với một số người, chính trị là cách thế sử dụng người, hoặc trong các nghị hội, hoặc trong đám quần chúng, để đạt được các mục tiêu đã nhằm từ trước, bất luận là những mục tiêu nào. Có những kỹ-thuật để sử dụng vật chất vô tri giác, thì cũng có những kỹ-thuật để sử dụng người, và khi sử dụng những kỹ-thuật ấy trên bình diện quốc thì gia chính là làm chính-trị vậy.

Quan-niệm chính-trị như thế là sai lầm. Cồ nhiên, có một kỹ thuật chính-trị, có một khoa-học, hay đúng hơn, có một nghệ-thuật sử-dụng người, nhưng đó chỉ là một cái gì thứ yếu, và người ta chỉ có thể nhìn nhận giá-trị của nó, sau khi đã nhận định rõ ý-nghĩa chân xác của chính-trị.

Mục-đích của Nhà nước nhằm (điều ích, điều lợi, điều lành, gọi là *điều thiện chung* cho toàn-thể quốc-dân ở hiện thế, nên khoa-học của Nhà nước trước hết phải là khoa-học thâm-cứu, coi xem điều thiện chung cho toàn-thể quốc dân ở hiện thế đó là cái gì; khoa-học ấy ấn-định cách tổ-chức phải ra sao cho xứng hợp với loài người sống ở hiện thế và cho xứng hợp với số mệnh của loài người không phải chỉ sống ở hiện thế mà thôi. Ngoài ra, khoa-học chính-trị còn là một khoa học chú ở sự tìm tòi những cách thức khả dĩ thực hiện được điều thiện chung, điều thiện lý tưởng và hoàn hảo cho quốc dân trong một thời gian nào và trong một khu vực nhất định nào. Khoa học ấy ấn định cho xã hội loài người một lý tưởng hiện nay mới thấy biết được mà chưa đạt được; đồng thời khoa học ấy cũng giúp người ta nhằm vào một tương lai tốt đẹp hơn, mà thực hiện được những điều có thể thực hiện được ngay từ bây giờ...

Do đây, có nhiều thứ chính trị : có thứ chính trị theo nghĩa hạ cấp, chính trị của kẻ khéo sử dụng người để đưa họ tới bất cứ đâu; có thứ chính trị của kẻ quá trọng lý thuyết, muốn ức chế người ta theo lý thuyết mình không chịu sửa soạn tinh thần và thời gian để nói làm cho lý thuyết đi tới chỗ bại hoại ; có thứ chính-trị chính-xác của kẻ nhận thức được lý tưởng chân thật của xã hội loài người phát hiện rõ rệt trong một thời gian nào và biết có thể thực hiện được những gì trong thời gian đó. Kẻ ấy biết những thực hiện của mình bao giờ cũng thiếu sót và chỉ coi như có giá trị tạm thời, như một nấc thang để đưa mình lên cao nữa, khi có thể được.

Có thể nói, như người ta thường nói rằng chính trị là khoa chú ở hòa giải, thỏa hiệp, lấy hòa giải thỏa hiệp làm cốt cách không ? Nếu hiểu hòa giải thỏa hiệp là sự tìm đôi thế quân bình giữa các lực lượng, và lợi quyền thì tiếng gọi ấy không đúng. Điều chính không phải là tìm đôi một lực-lượng hợp thành giữa các lực lượng đối lập nhau, mà điều chính là hướng dẫn các lực lượng ấy. Song, nếu hiểu hòa giải, thỏa-hiệp là sự tìm đôi những điều khả dĩ thực hiện được cho một xã hội loài người, thì khoa chính-trị quả đúng là khoa hòa giải, thỏa-hiệp miễn là không coi đó là những hòa giải thỏa-hiệp vĩnh-viễn chung quyết, ngoài và trên không còn có gì đáng tìm đôi nữa.

Trong chính-trị, có hai điều phải coi là tương đối : lý tưởng là tương đối không phải là tuyệt đối, vì lý tưởng có thể ngày một rõ rệt, ngày càng thâm sâu hơn ; thực hiện là tương đối không phải là tuyệt đối, vì thực hiện không bao giờ ngang bằng lý tưởng mình theo đuổi. Nhưng hai tương đối, khi phát triển, lại chỉ phôi lẫn nhau. Thực hiện được những điều có thể thực hiện được trong một thời gian nào đó, có nghĩa là

trong mai sau còn có thể thực hiện được hơn nữa và điều thực hiện được bây giờ coi là lý tưởng đó, thật ra vẫn còn cách xa với lý tưởng. Càng biết mình cách xa với lý tưởng, càng thấy cần phải nỗ lực thực hiện. Đó là nguyên lý để cho người ta tiến bộ không ngừng về cả hai mặt : lý tưởng và thực hiện.

Một khi đã thấy những điều có thể thực hiện được, tự nhiên phải nghĩ tới phương-thế để thực hiện, nghĩa là đèn kỹ-thuật chính-trị. Nhưng kỹ-thuật chính-trị không còn thể coi được là một cứu cánh hay một phương-tiện để thực hiện bất luận cái gì. Nó chỉ có thể dùng để thực hiện điều thiện chung, làm cho lý tưởng thâm nhập thực tại.

Điều bất công bao giờ cũng bất chính

Trong những điều kiện đó, vấn đề hành vi tốt về phương diện chính trị mà xấu về phương diện đạo đức phải đặt ra một cách khác hẳn. Điều cần tìm dũi cho quốc - gia, như trên đã dẫn, là điều thiện chung, nghĩa là điều kiện thuận tiện cho sự phát triển của loài người, điều kiện thuận tiện cho sự phát triển của đạo đức. Do đây, điều làm lợi cho kẻ này mà làm hại cho kẻ khác không thể coi là điều tốt được, điều hy sinh không

thật là điều hy sinh cho một giá trị cao cả hơn, mà chỉ là từ bỏ một điều thiện chủ-yếu hoặc nuông chiều thị-dục thấp hèn có hại cho kẻ khác...

Những hàng vi cho là hay về phương diện chính trị và dở về phương diện đạo đức đó, thật ra dở cả về phương diện chính trị lẫn đạo đức, vì lẽ trái nghịch với điều thiện chân-thật của quốc gia. Sở dĩ người ta cho những hành vi trên là hay về phương diện chính trị, là vì người ta tìm điều hay cho quốc gia ở chỗ không thể có điều hay được...

Tất cả những việc làm để xây dựng một xã hội bất công, tất cả những việc bất công người phải hy sinh cho quần chúng hoặc bất đảng phái này phải hy sinh cho đảng phái khác, tất cả những việc bỏ dở thị dục thấp hèn của kẻ này kẻ khác hay của tất cả quốc dân, tất cả những điều đó đều xấu về phương diện chính trị cũng như phương diện đạo đức. Điều thiện làm lẽ sống cho xã hội, phải là một điều thiện thật và không có điều thiện thật nào mà lại không phải là điều đạo đức chủ yếu, biết tôn trọng một trật tự xã hội công bình và biết sắp đặt đảng cấp cho các giá trị.

- o Người lãnh đạo bao giờ cũng phải cao-thượng và cố gắng trở nên cao-thượng : nhưng người ta chỉ có thể cao-thượng khi người ta biết từ bỏ mình. Lacordaire nói: *« Trên thế gian, mọi sự vĩ đại đều thiết lập nên bằng tiếng kêu gọi của nhiệm-vụ và mọi sự hèn-hạ đều gây dựng nên bằng tiếng kêu gọi của quyền lợi. »*
- o Sứ mệnh giao phó cho người lãnh-đạo là sứ mệnh thực hiện điều thiện chung : nên khi quyết định, người lãnh-đạo không bao giờ để cho lòng kiêu ngạo, tính bất nhất, hay quyền lợi riêng chi-phối mình.

CHÁNH-TRỊ PHẢI ĐẠO-ĐỨC

Hai quan-niệm về điều thiện của một quốc-gia

Xét cho sâu xa, đối với cá nhân cũng như đối với xã-hội, có hai quan-niệm về đạo đức đối lập nhau.

Theo quan-niệm thứ nhất thì điều hay, điều tốt, ít là ở trần thế này, là sự khoái-lạc, phú-quí, uy quyền v. v... Đạo đức cầm chỉ cách dùng một vài phương tiện để đạt tới những điều hay, điều tốt đó, khiến phát sinh ra xung đột giữa một bên là đạo đức, một bên là điều hay, điều tốt của cá nhân và của xã-hội. Đạo đức là một trở ngại trên con đường tiến tới chỗ đạt được điều hay, điều tốt của trần thế mà người ta đồng-hóa với hạnh phúc. Người ta cảm thấy đạo đức là một ngăn cản khó chịu ; nếu người ta có tôn giáo thì người ta từng-phục ngăn cản đó vì đó là ý Trời, song người ta chịu đựng nó chứ không thừa nhận nó.

Theo quan niệm thứ hai thì đạo đức không những cầm chỉ cách dùng một vài phương-tiện — vì đó chỉ là một hậu quả phát sinh do lòng thuận theo đạo đức — mà trước hết còn biện-minh cho rõ nghĩa chân thiện. Đạo đức ấn định cái gì là cái làm cho con người trở nên cao thượng, chỉ-dẫn cách thức phải ăn ở sao cho xứng đáng với chức phận của kẻ làm người. Những điều trái nghịch với đạo đức có thể cho con người được hưởng khoái lạc, nhưng khoái lạc này hạ phẩm giá con người xuống, nên không thể gọi được là điều hay, điều tốt chân thật được. Đó có thể gọi là điều hay, điều tốt cho sự ích kỷ, cho sự dâm dục, cho sự tham lam, nhưng quyết không phải là điều hay điều tốt cho chính bản thân con người. Cồ nhiên con người vẫn cảm thấy thích thú những điều hay, điều tốt ấy, nhưng thật tâm không muốn ; con người không coi đó là điều hay, điều tốt cho mình, vì biết nó ở chỗ khác. Do đây, không thể có xung đột giữa đạo đức và chân thiện vì

phàm điều gì đã là bất chính thì không còn là chân thiện nữa...

Hoặc có người nói : có trường hợp có thể xảy ra xung đột được, như trường hợp một quốc gia vì cần duy trì quyền lợi hay bảo vệ sự sinh tồn của mình, mà phải vi bội lời hứa hay đồng lõa trong một cuộc xâm lăng bất chính. Đó há chẳng phải là một hành vi tuy bất hảo về phương diện đạo đức, nhưng tối hảo về phương diện chính trị theo đúng nghĩa, vì thật ý không phải là đạt tới một điều bất hảo mà đạt tới một điều tối hảo sao ? Một quốc gia há chẳng có quyền gìn giữ sự sống còn của mình sao ? Ở đây, cần phải đáp lại rằng điều thiện hảo, dù thiết thật đến đâu cũng không còn là điều thiện hảo, nếu khi đạt tới được nó hay gìn giữ được nó, phải hy sinh một điều thiện hảo khác ở trên một cương vị cao hơn. Không thể chỉ quan tâm nguyên đến cái mình giữ được hay có được, còn phải lưu ý đến cái giá mình phải trả để giữ được hay có được...

Do đây, không có xung đột giữa điều thiện chân thật của một quốc gia với đạo đức, mà chỉ có hai cách hiểu : cách hiểu theo quan niệm duy vật và cách hiểu theo quan niệm duy thần về nghĩa điều thiện.

Đối với khoa chính trị chân chính là khoa chính trị lấy điều thiện chân thật làm mục tiêu thì điều hay, điều tốt về phương diện đạo đức nhất thiết phải là điều hay, điều tốt về phương diện chính trị (và như vậy không có nghĩa là bảo rằng chỉ cần có căn tính thiện hảo là đủ để trở nên một nhà chính trị sâu sắc.)

Trích trong cuốn : "L' Eglise et le monde actuel" của L.M. Yves de Moncheuil S.J.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

Chung quanh vấn-đề cải-cách của Việt-Nam

khi mới tiếp-xúc với văn-minh tây-phương (1)

PHAN-KHOANG

Vì sao các đề - nghị duy - tân không được thực - hiện ?

TRONG bài trước, chúng tôi đã nói đến những người Việt-nam có tinh thần cải-cách duy tân khi nước nhà mới tiếp-xúc với tây-phương, thời Tự-đức, và những ý-kiến của họ.

Đôi với thời cuộc, bây giờ Triều-đình và các quan chức không đồng ý nhau. Một số thầy cần phải cải-cách, duy-tân như bài trên đã nói, một số khác nhất định không chịu chạy theo văn-minh Tây-phương. Trong số này có các ông Trương-đăng-Quê, Nguyễn tri-Phương, Võ-trọng-Bình v.v... và ở

trên là bà Từ-dũ. Ba ông ấy đều là những vị lão-thần, thạc vọng, đã lập nhiều huân công, trải thờ hai ba triều, nên vua Tự-đức và bà Từ-dũ rất kính trọng. Xem như khi ông Trương-đăng-Quê đã về hưu rồi, mà việc nước có gặp điều gì khó-khăn, vua còn cho người đến hỏi ý-kiến ông. Vua lại là người con rất hiếu, đôi với ý muốn của bà Từ-dũ, ít khi làm trái.

(1) Tài-liệu dùng trong bài này phần nhiều lấy ở Đại Nam Thiệt-lục chánh-biên.

Còn sĩ-thứ trong nước thì hầu hết không hiểu gì thời-thế thiên hạ, cứ tưởng các nước Âu-châu thuộc những văn-hóa dã-man, không biết lễ nghĩa, nên đều không muốn dung nạp họ, học hỏi theo họ. Nghe đâu trong một khoa thi Hội thuở ấy, vua ra đầu đề : «Việc duy-tân có lợi cho Nhật-bản không ?» hầu hết đều trả lời «không». Lại năm Kỷ-Vị (1859), nhân quân Pháp và Y-pha-nho đánh Đà-nẵng lần thứ hai, vua dụ hỏi ý-kiến trong ngoài, bọn các ông Tô-Linh, Phạm-hữu-Nghị, Trần-văn-Vi v.v... trả lời nên công, thù, không nên hòa, đại ý rằng : «Tình cảnh quân giặc ở Quảng-Nam, Gia-Định và địa thế hai nơi ấy đại đồng tiểu dị, ở Quảng-Nam, chiến thuyền họ nhiều mà đã vào sâu trong sông, có thể vây đánh được,... vậy xin sức thứ-thần Quảng-Nam nghiêm bị, đợi họ vào sâu nữa, rồi cùng họ đánh một trận trên đất, toàn thắng, rồi lần-lượt tiểu trừ, chứ nếu hòa thì bỏ cầm đạo, cho thông thương, họ được dựng giáo-đường, lập phố chợ, trăm điều giáo-hiêm sẽ từ chữ hòa mà rinh ra.» Ấy người ta sợ việc bỏ cầm đạo, sợ việc cho thông thương như thế đó !

Riêng vua, vua cũng thấy nước nhà cần phải canh tân mới tiến tới và mong cứu vãn được tình thế. Xem việc vua bênh vực ông Nguyễn-trường-Tộ mặc dầu dư-luận bài xích ông này như đã nói trong bài trước, thì thấy rõ ý ấy. Lại như năm Tân-Trị (1881), nhân ông Tu-soạn Phan-Liêm mật tâu xin mở thương-cuộc, lập hội buôn, khai mỏ, học tập tiếng

nói và kỹ-nghệ, cơ xảo ngoại quốc, vua sai Cơ-mật duyệt lại, Cơ-mật tâu : khoản khai thương không tiện, còn các khoản kia xin tư các tỉnh hiểu xét, có ai xin khai mỏ và đi học thì tâu về, sẽ nghĩ... Vua sắc rằng : «....Kẻ lão thần lo việc nước, chẳng việc gì là chẳng xét kỹ, nhưng nên làm thế nào cho ngày càng thêm tiến tới, nếu không tiến tức là thoái». «Làm thế nào cho ngày càng tiến tới», «không tiến tức là thoái», vua Tự-đức cũng hiểu rõ cái lẽ biến hóa và ưu liệt, thắng bại của việc đời lắm. Vua cũng có tinh thần phần đầu, chứ không phải cam chịu yếu hèn, thất bại một cách tiêu cực. Như sau khi hòa-ước Nhâm-Tuất đã hồ-giao, biết người Pháp dòm ngó 3 tỉnh phía tây Nam kỳ, vua sai ông Phan-Thanh-Giản vào sung chức Kinh lược ba tỉnh ấy để gây lòng tin cậy với người Pháp mà giữ đất cho khỏi bị xâm lăng, trước khi đi, ông Phan tâu bày cho vua biết chánh sách của mình là giữ đúng theo hòa ước, vua đáp : «Ta cũng muốn hòa bình cho dân được yên ổn, nhưng không nên vì lẽ ấy mà khuất phục tình hình một cách thụ động». Rồi vua nói tiếp : «... các người là những bậc lão thành có kinh nghiệm có thể xét biết khi nào nên dùng phương pháp bắt thường, sao lại đổi với việc gì cũng chịu bề thất bại như thế ? Phải nghĩ đến cách làm thế nào để phục-hưng». Ý vua là phải tìm mọi cách để lấy lại Nam kỳ, dù có phải dùng cách bắt thường cũng đừng ngại, chứ không chịu tuân xuôi theo hòa ước như ông Phan-Thanh-Giản. Nhưng tinh thần tốt ấy đã không ích lợi gì cho đại cuộc.

Chúng ta nên nhớ rằng chế-độ quân-chủ nước ta xưa kia, tuy theo nguyên-tắc, là độc đoán, nhưng trên thực-tế thì bất cứ việc quân quốc trọng đại gì cũng phải do «đình nghị» (Hội - đồng đình - thần thảo luận và quyết nghị) rồi mới tâu lên vua tài định. Vua Tự-Đức một phần vì tuân giữ tục lệ ấy, một phần vì là người ít quá cảm, ít quyết đoán, lại bị ảnh hưởng của bà Từ-Dũ, các vị lão thần và dư luận kia, nên trong lúc việc nước khó khăn, vua không có một quyết-định gì mạnh bạo, hoặc bảo thủ, hoặc canh tân. Đọc các trương sử trong giai-đoàn này, người ta không thấy một lời nói, một hành-động nào của vua phản đối việc canh-tân. Chỉ có điều mẹ, các vị lão thần kia, và đa số quan chức, sĩ phu trong nước không muốn canh tân, Vua cũng xuôi theo. Mà bà Từ-dũ và các vị lão thần kia thì, vì uy - thế, nên ý-kiến đã ảnh hưởng lớn đến các đình-thần, quan chức. Và, ấy là những ý-kiến thích hợp với cái não «nhân tuấn», «nhưng cự» của đa số con người Á-đông; «xưa bày, nay làm», thật là khoẻ-khoăn, dễ-dàng ! Thêm vào đó, vì không hiểu biết thời-thế thiên hạ và giá-trị của văn-minh Tây-phương nhiệm những học-thuyết như «tôn vương, nhượng di» của Nho học, nên người ta không chịu học theo văn-minh mới.

Muốn có một ý-niệm rõ-rệt về thái-độ của phe bảo-thủ bây giờ, xin xem quyết-nghị này của họ đối với một lời thỉnh cầu cải cách sau đây :

Sử chép : Năm Nhâm-Thân (1872), Cơ-mật và Thương-bạc tâu xin mở sở

buôn bán ở ba cửa biển Đà-nẵng, Ba-lạt, Đổ-sơn. Đình thần nghị rằng : mở cuộc buôn bán có năm điều lợi mà cũng có tám điều khó. Năm điều lợi là : 1.) Nhóm dân ở bờ biển, nhân đó bền vững bờ cõi ta ; — 2.) Chứa của nơi dân, ngụ binh ở việc buôn bán ; — 3.) Hăng buôn dọc bờ biển, tin tức thông nhau, đông tây tiếp ứng, ngăn được giặc biển ; 4.) hăng buôn lập ra, thuyền chiến phải nhóm tại đó, đã đuổi được giặc (bể) lại bảo hộ được thuyền vận-tải nữa ; — 5.) Ta với ngoại-quốc thông thương, trao đổi hàng hóa, lâu ngày tin nhau, nhờn đó mà xét được tình trạng các nước. Tám điều khó là : 1.) Mở hăng buôn, nhóm kẻ giàu, tất phải có thành quách, súng ống, binh bộ, tàu thủy để hộ vệ, mà ta nay của hết, sức cùng, chi phí không đủ ; — 2.) Binh thủy và binh bộ phòng ngoài bể phải cấp lương hậu hơn cách thường, nay lính theo đánh giặc lương ăn theo lệ cũ, thành ra kẻ hậu người bạc, sinh điều ta oán ; — 3.) Phải cần người tài giỏi, trí cao quán đốc việc buôn bán mới có thể phủ ủy các người buôn xa và ứng tiếp các nước : 4.) Gắng gượng mở hàng, linh tinh từng phỏ, sao cho bền vững được ; 5.) Vượt biển buôn bán, phải xuất tiền công thì dân mới vui theo, mà bây giờ nhiều việc, không nên phí của kho mà ép dân ; 6.) Chứa của nơi xa xôi, chắc là dân giàu sợ, không tới, chỉ những nhà buôn nho-nhỏ chịu mở cửa hàng thì lại làm mối cho giặc ; 7.) Nhóm dân ở bờ biển mà không người trọng trấn để giữ trị, nếu có người khác đến giành, trong chúng

nó chắc có kẻ tố tình với giặc, như vậy là đề lo cho nhà nước về sau ; 8.) Xưa nay ta chưa thành lập cuộc buôn mà còn có kẻ chở trộm đồ quân trang vào sông và đem lên thiết-cầm ra biển, huống chi nay có cuộc buôn tự hội người các xứ, ắt có nhiều kẻ gian dối, sẽ gây họa chiến tranh. Và sử chép tiếp : Khó nhiều, lợi ít, chưa nên làm vội. Việc ấy bèn thôi !

Xem đó, chúng ta thấy rằng đình-thần cũng đã nghiên-cứu kỹ-lưỡng văn-đế, nghiên-cứu một cách khoa-học nữa, chứ không phải vì thành-kiến mà từ khước một cách nhác-nhớn. Nhưng lòng thiên về bảo thủ, không muốn canh-tân thật quá rõ-ràng. Ấy là thái-độ và tâm-lý của đa số đình-thần và quan chức nó khiến các đế-nghị cải cách không thực hiện được.

Một nguyên-do quan-trọng khiến phe duy-tân không được dư-luận tán thành, vì duy-tân là học hỏi mà, người Pháp từ năm 1856 đến năm 1883, cứ tiếp tục dùng bạo-lực gây tai họa này đến tai họa khác cho Việt-Nam, khiến Triều-đình và sĩ-phu oán hận, rồi không chịu học, bắt chước họ, hoặc cùng họ thực hành những công tác gì, dầu có ích lợi cho ta. Thật là một ý-niệm sai-lầm, tai hại, nó đã làm trễ nải sự tiến bộ của dân-tộc trong một thời gian. Ấy là trái ngược với người Nhật-bản lúc mới tiếp xúc với Tây-phương : họ cũng tha-thiết bảo-vệ nền văn-hóa của họ, không chịu hòa theo Tây-phương, nhưng họ biết rằng muốn được như thế thì phải học cái hay, cái giỏi của người ta đã rồi mới đủ mạnh, đủ giàu để chống đối được

với người ta mà giữ mình. Không giống nhau chỉ chừng ấy mà kết quả cho hai dân tộc khác nhau biết chừng nào !

Hòa-ước Giáp-Tuất (1874) thật là một cơ-hội hội tốt để nước Việt-Nam tiện thực hành các việc canh tân cần thiết, nhưng Triều-đình đã bỏ qua. Theo hòa-ước này, Chánh-phủ Pháp tặng nước ta 5 chiếc tàu hơi còn mới nguyên và đủ máy móc, súng ống, cùng 100 đại bác, 1000 súng tay ; lại hứa sẽ phái các nhà chuyên-môn các ngành sang giúp Chánh-phủ ta tổ chức lại lực quân, thủy-quân, tài-chánh, thực hành những công tác cần thiết, và các Giáo-sư để mở một trường Cao-đẳng tiểu-học ở Huế, và cấp cho binh-thuyền, súng ống, nếu nước Nam cần trao 5 chiếc tàu kia rồi, Pháp cũng để Triều-đình ta sử dụng 5 sĩ-quan hải-quân (là Dutreuil de Rhins, Du-fourcq, Lelièvre, Hamelin v.v...) để họ điều khiển các tàu ấy và huấn luyện thủy-thủ Việt-Nam. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, thấy thái-độ lạt-lẽo và ác-ý của quan chức ta đối với họ, 5 sĩ-quan ấy không chịu luyện tập thủy-thủ Việt-Nam nữa, rồi từ chức—Còn khoảng hứa các nhà chuyên môn sang giúp và cấp cho tàu súng thì vì Triều-đình ta đã không khi nào nhớ vả, nên nó cũng thành vô hiệu !

Năm 1880, người Pháp để cấp tiền văn-đế đặt đường giầy thép nối Sài-Gòn với Hà-Nội và Hải-Phòng, đi qua Huế, dài độ 2000km, họ chịu hết phí tổn và chỉ xin ta cấp cho cây thông lấy ở núi Quảng-Yên để làm trụ,

Triều-đình không chịu. Năm 1882, người Pháp đề nghị làm con đường xe lửa từ Hà-Nội đi Hải-Phòng, 2 kỹ-sư là Viénot và Schröder đã đến nghiên cứu xong, nhưng viện Thương-bạc (cơ quan Ngoại giao) trả lời bác bỏ.

Hình như vua Tự-Đức và đình-thần nghĩ rằng nếu phải cải cách duy-tân thì cũng chỉ nên học hỏi, nhờ cậy một nước khác, ngoài nước Pháp, họ đã nghi ngờ quá lắm rồi, nên cứ tưởng rằng không lẽ kẻ địch lại thành thật bày dạy cho mình để rồi «gậy ông đập lưng ông».

Các mưu-tính duy-tân lật-vật của triều Tự-Đức

Vậy đứng trước tình-thế nguy nan của nước nhà, đã trông thấy rõ sự cần thiết phải tự cường, tự tân, Triều-đình Tự-Đức không hành động gì cả, chỉ ngồi bó tay để chờ thời-cuộc đưa đẩy sao ?

Bây giờ vua, quan ta nghĩ đến việc cầu cứu một nước khác như Trung-Quốc, Anh, Đức, Y-Pha-Nho để đánh đuổi người Pháp nhiều hơn là lo cải cách duy-tân với sự bày dạy của người Pháp. Nhiều lần, nhiều đại-thần đã được phái sang Hương-Cảng, bí-mật thương-thuyết với Toàn-quyền Hương-Cảng, Lãnh-sự Đức, Lãnh-sự Y-Pha-Nho, trong khi ấy quân lính Trung-Hoa đã đến can-thiệp thật sự ở Bắc-kỳ. Nhưng một nước non-nớt trên việc quốc-tề như Việt-Nam thuở ấy làm sao đòi phó được với ngoại-giao của một cường quốc như nước Pháp. Vì vậy, hễ vua tôi vua Tự-Đức hỏi ra

một mưu tính ngoại-giao gì là liền bị người Pháp chặn lại ngay, nên các cuộc vận động ấy không đưa đến kết quả gì hết; còn Trung-Hoa thì đương suy yếu, cũng không thắng được quân Pháp ở Bắc-kỳ.

Về mặt cải cách, Triều-đình Tự-Đức chỉ cho thi-hành một cách miễn-cưỡng những phương-pháp nửa chừng, những sự duy-tân lật-vật.

Sử chép : Năm Giáp-tý (1846), nghĩa là sau khi đã mất ba tỉnh phía đông Nam-kỳ hai năm rồi, Triều-đình định lệ thường, phạt học trò học tập chữ và tiếng Pháp. Lại khiến vệ Thủy sự, sở Vô-khò lựa tám người cần thiết, siêng, khéo và mạnh-mẽ để phái theo tàu máy học tập chế tạo, cho Viên-ngoại Hoàng-văn-Xưởng, Chánh-đội Lê-văn-Mân sung chức Chánh, Phó quản-lý.

Năm Bính Dần (1866), khiến hai tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang lựa trong thuộc viên công tượng hoặc học trò, người nào siêng năng, có tư khéo, chừng 20 người, cấp cho lương ăn, áo mặc rất hậu, tới Gia-định (thuộc Pháp) học tập các nghề công xảo.

Năm ấy, theo lời xin của Đặng-Huy Trứ, Tá-ly bộ Hộ, đặt Bình-chuẩn-ti để trông nom việc buôn bán.

Vua đề ý đến việc dịch sách Tây, hỏi viện Cơ-mật, Cơ-mật xin cho đời Linh-mục Nguyễn-Hoàng đến kinh dịch sách và dạy cho học trò.

Lại ủy giám-mục Gauthier, ông Nguyễn-Trường-Tộ cùng hai viên quan

sang Pháp rước giáo-sư và kỹ-thuật-gia để về lập một trường học theo lối Âu-tây. Năm Mậu-Thìn (1868), Giám-mục Gauthier ở Pháp về, đem về ba giáo-sư (giáo-sĩ tình nguyện làm giáo-sư) và một nhà kỹ-thuật cùng nhiều sách và dụng cụ để dạy Cách-trí. Nhưng bấy giờ 3 tỉnh phía tây Nam-kỳ mới mất, Triều-đình đương bận rộn, không nghĩ đến việc thành lập trường học nói trên nữa.

Cũng năm Mậu-Thìn, sau khi 3 tỉnh phía tây Nam-Kỳ mất, Triều đình phái bốn Lê-Văn-Hiến 5 người vào Gia-định học chữ Pháp với Giáo-sư Trương-vĩnh-Ký. Năm ấy, sức các học-thần phải thường dạy học trò những điều binh, tài, thao lược, nông điển thủy lợi; các giáo-chức giao quan thượng ti xét hạch (có đủ tư-cách không), tâu lên.

Năm Kỷ-Tị (1869) định lệ sát hạch người học chữ Tây, chia hạng để thưởng, phạt.

Năm ấy, đình-thần tâu rằng: «Đạn, trái phá là đồ lợi khí việc binh, xin hỏi các địa-phương có người nào quen nghề chế tạo đạn và tính chừng độ đạn đi được mấy, đều cho tới bộ Binh đầu đơn, bộ sẽ xét thiệt rồi tâu xin lượng thưởng phẩm hàm. Lại xin lập cuộc công-xảo tại sở Đốc-công, hề người nào biết rõ máy móc tàu hỏa, chế máy cưa và biết nấu đồng đúc súng thì không nệ nội, ngoại tịch-dân, đều mộ cho đông để sung vào sở ấy. Vua y.

Năm Quý - Dậu (1873), bấy giờ thế người Pháp đã đe dọa đến Bắc-

kỳ, vua khiến các đại-thần trong ngoài xét kỹ nếu có người nào học thức, tài trí, hiểu biết tình thế, công việc, chữ và tiếng ngoại quốc và có thể cang-đáng được việc ngày nay thì phải tâu lên.

Năm Mậu-Dần (1878), nghĩa là bốn năm sau Hòa-ước Giáp-Tuất, và sau thông lục các điều khoản, nghị định học chữ và tiếng ngoại quốc sau đây: Từ đệ nhà quan chừng 20 tuổi qua học ở Hương-cảng hoặc nước Tây thì chiều lệ cấp tiền lộ phí, hạn 5 năm thi về, Triều-đình xét như học được chữ, tiếng một nước hay là học được một nghề, như đóng tàu, đúc súng, chế đồ binh khí; khai mỏ, tập quân thì chiều lệ «Tú-tài hạch đậu» mà bổ Cửu phẩm; học được chữ và tiếng 2 nước hay học được 2 nghề thì chiều lệ «Cử-nhân không phân sỏ» mà bổ; học được chữ và tiếng 3 nước hay là học được 3 nghề thì chiều lệ «cử-nhân có phân sỏ» mà bổ; đều cho ra làm quan ngay.

Năm Kỷ-Mão (1879), sai ông Nguyễn-Thành-Ý đi Pháp dự cuộc đấu xảo và đem học trò qua học ở trường cơ-khí Toulon.

Năm ấy, khiến các địa-phương xét mộ những người muốn học tập chữ và kỹ nghệ nước Pháp rồi tâu lên. Lại nhân có sứ-bộ Y - pha - nho đến Huế thương-ước trở về, Triều đình gửi theo họ 20 thanh-niên sang Âu-châu học tập kỹ-nghệ, võ bị, nhưng vào đến Sài-gòn, vì người Pháp can thiệp, cuộc du học ấy phải đình bãi. Để giữ thể diện, người ta đặt ở trường Chasse-

loup Laubat một lớp học riêng gọi là lớp Huê (Cours de Huê) để các thanh-niên ấy ở lại học tập chữ Pháp !

Năm Tân-Tý (1881), sai Phạm-Bính Thị-lang bộ Lễ sang Hương-cảng đặt mua tàu và đem 12 học trò gửi học ở trường người Anh.



Trong lúc nước nhà cần ngay những cuộc cải cách lớn lao, và những sự biến đổi tận gốc rễ trong các trị-pháp nữa, vua Tự-Đức và triều-thần chỉ cho thi hành những phương-pháp nửa chừng, những mưu tính duy-tân lật-vật như thế, tất nhiên đã không mấy-may ích lợi gì cho đại cuộc.

Nhìn sang các nước láng giềng đồng văn như Nhật-Bản, Trung-Quốc khi mới bị bắt buộc phải tiếp-xúc với Tây phương, người ta thấy sự phản-ứng cũng như ở Việt-Nam, thế mà rồi kết quả lại khác nhau. Cả ba nước vốn đều theo chính sách bề quan tòa cảng, không muốn dung nạp văn-hóa Tây-phương, Nhật-Bản càng nghiêm khắc hơn. Nên ở Trung-Quốc thì phong-trào « diệt dương cừu giáo », ở Nhật thì phong - trào « tôn quân, nương di », ở Việt-Nam thì « bình Tây, sát tả » đều có tính cách bài ngoại triệt để, đã được phát-động mạnh-mẽ để đối phó với người Âu-châu khi họ mới đến. Các cuộc giết hại người Âu-châu, giáo sĩ, giáo-đồ, đốt phá giáo-đường, phá hủy đường giầy thép, đường sắt v.v... xảy ra ở Trung-Quốc, ở Nhật-Bản còn kịch-liệt và nhiều hơn ở Việt-Nam nữa.

Nhưng ở hai nước kia, quốc-dân và nhà cầm quyền sức tỉnh sớm hơn ở

nước chúng ta. Ở Trung-quốc sau khi Nam - kinh điều - ước (1842) nhượng Hương-cảng và mở 5 thương-cảng cho Anh thông thương, trong quan trường có một số nhân-vật như các ông Tăng-Quốc-Phiên, Tả-Tôn-Đường, Lý-Hồng-Chương đứng lên lập ra nào là Pháo-binh-doanh để dạy thuật súng ống, Quảng-phương ngôn quán để dạy các ngoại-ngữ, nào là xưởng đóng tàu, trường dạy hải quân, nào là phái học sinh xuất dương du học, trong khi ấy Chánh-phủ cũng lập ra Đông-văn-quán để kẻ học-giả đến học tập học-thuật các nước, và phiên dịch các sách Âu-tây. Nhưng đó chỉ là những cải cách yếu ớt, thấp hẹp đối với nhu-cầu của tình-thế, và chỉ chuyên về võ-bị, về phần nông-cạn của kỹ-nghệ chế tạo, nên không đủ để văn hồi được thời cuộc. Ở Nhật-Bản, sự cải cách triệt-để hơn, trong mọi ngành hoạt-động và cơ-cấu tổ-chức quốc gia, xã-hội, đến các trị-pháp nữa, người ta đã thay cũ đổi mới một cách đầy đủ, thích nghi, và từ vua, quan đến sĩ thứ đều được khích lệ bởi một tinh-thần hăng-hái, mới mẻ, nhờ đó họ đã kịp thời theo được thiên-hạ.

Ở Việt-nam ta, đã không có được hạng người sáng suốt như Minh-Trị, Y-Đặng, cùng các tinh-thần chung như ở Nhật-bản đã đành, mà trong quan-trường cũng không có được những hạng người lịch duyệt, và đóm-thức như Lý-Hồng-Chương, Tả-Tôn-Đường, Tăng-Quốc-Phiên của Trung-quốc. Chúng ta có thể tự an ủi với lẽ rằng Nhật-Bản, Trung-Quốc đất rộng, người đông gấp mấy nước ta, nên phải có nhiều người tài trí hơn, và hạng quan

chức như họ Lý, họ Tả, họ Tăng đều là những vị trọng trấn ở những địa-phương rộng lớn, có đủ phương-tiện về địa-bản, về quyền hành, về tài chánh để hoạt động.

Và lại, còn vấn-đề thời-gian và hoàn-cảnh nữa.

Chúng ta có làm được gì là trong khoảng thời-gian từ năm 1862, mất ba tỉnh Nam-kỳ, cho đến năm 1883, Trung, Bắc-kỳ bị bảo hộ. Vì từ đây, chủ-quyền đã mất, quyền ngoại giao không còn, chúng ta không thể mưu tính gì được nữa, ngoài sự học hỏi người Pháp.

1862-1883. Hai mươi năm trời. Dài hay ngắn? Đủ hay không đủ để cải cách duy-tân mà cứu vãn tình-thê. Cứu vãn tình-thê đây nghĩa là chỉ mất Nam-kỳ, mà còn giữ được Trung, Bắc. Dầu sao, người ta thấy một điều kiện là tối cần cho sự thực hiện mưu toan ấy : sự có mặt của một hay nhiều cường-quốc khác, ngoài nước Pháp,

Điều kiện ấy, Việt-nam cũng không có. Thê mà sau khi chiếm toàn cõi Nam-kỳ (1867), người Pháp liền dòm ngó đến Bắc-kỳ, khiến vua tôi vua Tự-đức phải ngày đêm lo nghĩ tìm phương đối phó, không tin cậy người Pháp và không muốn học hỏi gì họ nữa.

Nhật-bản là một quần đảo nghèo, không nằm trên con đường đi từ Âu-Châu sang Viễn-đông, nên không bị các nước Âu-châu dòm ngó, chỉ Hoa-kỳ cần nó làm nơi tạm trú trên con đường hàng hải từ Cựu-kim-sơn sang

Thượng-hải, nhưng bây giờ Hoa-kỳ không có tham vọng về đất đai. Thê mà liền sau khi ký hiệp-ước thương mại với Hoa-kỳ (1852) Nhật đã đề cho các nước Anh, Pháp, Nga v...v... đến buôn bán như người Hoa-kỳ vậy. Trung - quốc, đồng thời nhượng Hương-cảng cho Anh, đã phải mở cửa cho các nước khác như Pháp, Hoa-kỳ, Thụy - điển vào thông - thương. Nhờ đó mà thê-lực mỗi cường-quốc bị hòa hoãn, không một nước nào một mình dám tỏ ra những tham vọng gì bất chính về đất đai, cũng như ở Xiêm, nhờ cái thê «lưỡng hồ cạnh thực» mà họ giữ được độc lập. Ở Việt - nam, trái lại, thủy chung chỉ một mình người Pháp, tha hồ làm gió làm mưa, nước Việt-nam yếu - ớt kia làm sao chống cản nổi ?

Hình như vua Tự-đức và triều-đình cũng thấy điểm đó, vì không chỉ các bản điều-trấn của các sĩ-phu ái quốc như Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn Lộ-Trạch đã nói đến nhiều, mà nhiều vị đại thần cũng đã thiết tha yêu cầu mở rộng cửa để đón mời các nước Âu-châu. Vì thế, người ta thấy Triều-đình vua Tự-Đức đã đặt vấn-đề « kết thân với các nước khác, để chống chê với người Pháp, để học hỏi » nặng hơn vấn-đề « cải cách, duy-tân với sự bày dạy của người Pháp ».

PHAN-KHOANG

BÀI SAU : *Các cuộc vận-động ngoại giao để kết thân với các cường quốc của vua Tự-Đức.*

GHÉP THẬN

☆ ————— CÔ - LIÊU

GHÉP thận là một phương pháp y khoa lấy bớt một quả thận của người khỏe mạnh đem ghép cho một người khác bị hư thận. Công việc ghép thận là một công việc khó khăn của khoa giải phẫu. Trước đây năm năm người ta đã thí nghiệm lấy trái thận của một người mẹ đem ghép cho con, kết quả cậu bé chỉ sống được 25 ngày. Nhiều vụ ghép thận khác đều thất bại trừ một trường hợp cho bác sĩ Merril ở Boston (Hoa kỳ) thực hiện được kết quả mỹ mãn vào khoảng tháng 2 năm 1959. Ngày 26 tháng 6 năm 1959 mở một kỷ nguyên mới cho khoa ghép thận. Giáo sư Hamburger đã đem lại nhiều hy vọng cho y học nhờ những

khám phá mới mẻ về bạch huyết cầu và nhờ điều kiện sinh lý đặc biệt của trường hợp ông thực hiện công việc giải phẫu. Ông đã thành công mỹ mãn về việc ghép thận cho một người bệnh tên là Georges Siméon tại bệnh viện Necker ở Pháp. Người cho quả thận chính là người anh đẻ sinh đôi với Siméon, nghĩa là có những điều kiện sinh lý rất gần với con bệnh, một yếu tố thành công của công cuộc giải phẫu.

Georges Siméon đau thận đã lâu năm. Triệu chứng của bệnh ấy là sự mỗi một bồn thẩn. Cách đây hai năm bệnh thêm trầm trọng, người bệnh thấy buồn nôn, chóng mặt và nhức đầu. Trong một lít máu có đến 3,45 gờ-ram chất dơ, người thường

GHÉP THẬN MỘT HY-VỌNG...

chỉ có khoảng 0,40 gờ-ram mà thôi. Vậy là số mệnh người bệnh đã đếm từng ngày. Thận chỉ hoạt động có 5 phần trăm năng suất trung bình của nó, thành thử không bài tiết được những chất độc trong người đúng với mức bình thường. Hai quả thận của Siméon đã hư quá, chỉ còn một phương pháp cuối cùng và quyết liệt là cắt đi, thay thế bằng một quả thận lành mạnh. May nhờ có người anh song sinh sẵn lòng tặng em quả thận của mình, tuy biết làm thế là giảm bớt đời sống của mình. Vì khả năng bài tiết sẽ giảm sút rất nhiều không chắc còn đủ lực để giữ cho cơ thể chống lại với vi trùng thâm nhập.

Công việc giải phẫu phải làm trong 4 giờ rưỡi. Bàn tay thần thực hiện việc cắt tử hoàn sinh ấy chính là bàn tay giáo sư Hamburger.



Thời gian giải phẫu người anh để lấy quả thận ra mất 2 giờ 30. Thời gian giải phẫu người bệnh mất 4 giờ 30. Hai loại công việc đều thực hiện trong hai phòng mổ khít bên nhau.

Trong một phòng người anh được trăn mình dưới một hồ nước thuốc làm cho nhiệt độ trong người hạ xuống 29 độ. Nhiệt độ thấp làm cho cơ thể thêm sức lực chịu đựng, nhờ vậy quả thận sắp cắt ra cũng mạnh thêm. Quả thận cắt rồi (quả bên trái) đem qua phòng bên ghép cho người bệnh. Người ta còn để nguyên quả thận cũ, chỉ cắt động mạch và tĩnh mạch để khâu vào với trái thận mới. Công việc xong xuôi mới lấy thận cũ của người bệnh

ra. Một «vật để thăm dò» được cho vào trong ống dẫn xuống đường tiểu để biết động tác của trái thận mới, vật này cách một hôm sau sẽ bị tống ra ngoài.

Đại để công việc giải phẫu là như thế nhưng bí quyết sinh lý lại ở chỗ khác, vì y khoa cũng chưa biết tường tận tại sao đã thành công, và tại sao từ trước đến nay những cuộc giải phẫu thí nghiệm đều thất bại.



Tuy nhiên người ta phải chú ý đến hai yếu tố đã đóng vai trò quan trọng trong sự thành công, phương pháp đình chỉ hoạt động của bạch huyết cầu và điều kiện song sinh của hai người được giải phẫu.

Vấn đề then chốt về y khoa giải phẫu là một hiện tượng sinh lý : cơ thể người ta vẫn cố đặc tính bài trừ hay tìm cách bài trừ những chất lạ không phải chính nó cấu tạo ra bằng những tế bào của nó. Từ nay y khoa phải xét nghiệm sự kiện ấy dưới một góc cạnh khác trước. Sự khó khăn là cơ thể tìm cách bài trừ cả những phần tử đem ghép vào để cứu sống nó cũng như những loại nọc độc giết hại nó. Sự phản ứng máy móc của cơ thể trước một chất lạ là một hiện tượng sinh lý gọi là tế bào thôn phệ (phagocytose).

Bạch huyết cầu hay là leucocyte có khả năng nuốt và thủ tiêu những chất lạ như độc tố tế bào chết. Đó là nguyên tắc động tác tế bào thôn phệ. Bạch huyết cầu do tủy xương đào tạo ra, nhưng nhiều tế bào thuộc về các cơ quan trong người đều có khả năng khử độc như bạch

huyết cầu, người gọi ta chung là bộ phận réticuloendothélial.

Như vậy điều kiện chính của sự thành công khi ghép một bộ phận khác vào cơ thể là phải làm sao đình chỉ hoạt động của bạch huyết cầu và bộ phận khử độc liên hệ.

Năm 1958, nhờ một trường hợp tình cờ hy hữu, người ta được chứng kiến sự đình chỉ tác động tế-bào thôn phệ sau đây: Một bác học Nam Tư bị nhiều phóng xạ, cơ thể không còn khả năng trừ khử những chất lạ lẫn vào trong người. Trong trường hợp ghép thận trên đây người ta lại cần sự ngưng hoạt động ấy để bảo vệ trái thận lạ vừa ghép vào. Như vậy mục tiêu chính là phải trung lập hóa trong một thời gian tùy xương không cho sản xuất bạch huyết cầu, nhưng không làm tê liệt hẳn. Giáo-sư Hamburger dùng tia xạ beta của chất đồng vị Cobalt có phóng xạ tính. Người ta có thể đoán biết được sự hạn định độ lượng quang tuyến phải tính vì đến mức nào. Cơ thể bị đặt vào tình trạng cực kỳ hiểm nghèo, sức chống cự giảm xuống tối thiểu, cơ thể sẽ là cửa ngõ mở rộng cho vi trùng vào hoành hành. Vì thế

phải thực hiện những điều kiện bảo vệ phi thường cho người chịu ảnh hưởng phóng xạ đó. Không khí trong gian phòng phải có máy điều hòa, lọc sạch và bơm vào dưới một sức ép nặng hơn ở ngoài trời; phải dùng đèn phát ra tử ngoại tuyến để làm cho tinh khiết. Thầy thuốc đi vào phòng phải dùng những biện pháp để phòng cẩn mật, Đồ ăn, thức uống, đồ dùng đưa vào cho bệnh nhân đều phải qua một sự kiểm soát đặc biệt. Người ta cho rằng sự ấn định độ lượng tia xạ cho vào trong người là yếu tố chính trong sự thành công. Tuy nhiên yếu tố thứ hai, — căn nguyên sinh lý của hai cơ thể để sinh đôi — cũng có vai trò quan trọng.

André, người anh, và Georges, người em là trẻ sinh đôi trá hình, nghĩa là không phải cùng một cái trứng tách làm đôi, đó là hai cái trứng cùng được thụ thai. Dấu in tay của họ khác nhau, loại máu cũng hơi khác chút ít. Một miếng da của André đem ghép cho Georges để thí nghiệm thì 25 ngày sau da ấy bị cơ thể Georges loại ra. Trong trường hợp sinh đôi thực sự, hai người cùng do một tế bào nguyên thủy mà ra, người ta hy vọng không có

- o Thiếu khiêm tốn, sức mạnh trở nên tàn bạo; chỉ duy khiêm tốn có thể giảm bớt hiểm nguy, tiêu trừ nghịch cảnh và giúp người ta nhìn nhận, cùng sửa chữa lỗi lầm.
- o Người lãnh đạo chân chính không bao giờ nói về mình, không bao giờ nói «tôi». Người ấy tự hòa mình vào tập thể và nói «chúng ta». Bao lần cái «tôi» còn là mối lo lắng chính của người ấy thì người ấy vẫn lấy chính mình làm mục-tiêu cho hành động và vẫn ít nhiều lợi dụng việc làm của kẻ khác. (L.M. Courtois)

phản ứng tế bào thôn phệ hay phản ứng rất ít. Nhưng đối với anh em Siméon người ta chỉ có thể dự đoán rằng dù sao cơ thể của họ thành phần hóa học cũng rất gần nhau, sẽ có nhiều đặc điểm giống nhau làm cho việc tiếp ghép thuận tiện.



Sự tiến triển của tác động bài tiết trong cơ thể người được ghép thận vẫn còn nhiều điểm chưa thể giải thích được. Sau khi chiếu tia xạ độ vài giờ số bạch huyết cầu gần như không có. Rồi nước tiểu trở lại gần mức bình thường, thành phần chất dơ trong nước tiểu hạ xuống tận 0,32 gờ-ram một lít.

Nhưng từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 22 bệnh tình trở nên nguy ngập, đã có lúc người ta tưởng hết hy vọng. Rồi, bất thần, ngày thứ 23 bệnh nhân lại trở lại bình thường, sự bài tiết nước tiểu, thành phần chất dơ trong nước tiểu, thành phần chất dơ trong máu v.v... tất cả đều ở mức

trung bình. Người ta không hiểu vì lý do nào.

Có bác sĩ thực hiện cuộc giải phẫu cho rằng tình trạng khủng hoảng trong tuần lễ thứ 3 có thể bởi nguyên do cơ thể phản ứng để bài trừ những vật lạ đem ghép vào nó. Có thể trong một tương lai rất gần người ta sẽ biết được những điều kiện nào làm cho cơ thể chấp nhận một trái thận khác đem ghép vào mình.



Sau công cuộc giải phẫu kết quả đẹp đẽ đó, giáo sư Hamburger bước lên hàng những nhà chuyên khoa danh tiếng. Tia sáng rọi vào y khoa đem lại nhiều hy vọng tương lai cho khoa giải phẫu, nhất là khoa ghép thận mà tới ngày 26 tháng 6 1959 chưa có phương pháp nào đáng tin cậy.

CÔ-LIÊU

Lược dịch theo Témoignage Chrétien
số 799 ngày 30-10-59

o Khi có sự trục-trắc xảy ra thì chín người trong số mười người có khuynh hướng muốn giải thích sự trục-trắc bằng những lý do ở bên ngoài họ, và chứng minh kẻ bên cạnh mới là kẻ có lỗi.

Khi ta muốn được thăng tiến ở đời và muốn được xứng đáng với chức vụ thì ta phải cố gắng đứng ở trong số chín người ấy mà phải là kẻ thứ mười biết thành thật, thẳng thắn can đảm nhìn nhận mình đã sai lầm... và biết tìm cách sửa chữa sai lầm.

Ai cũng sai lầm được ; không ai có thể làm việc một cách trọn vẹn và tự phụ là không thể sai lầm ; nhưng ít ra khi được người báo cho biết hoặc khi chính mình tự biết có sự trục-trắc, thì phải cố gắng làm cho công việc được thông suốt và không tìm cách chữa mình. (Camille Cavallier)

MƠ - MỘNG và LANG-THANG

o— ĐOÀN - THÊM

A I chẳng có lúc lang thang mơ mộng, song ít người tự hỏi vì những lẽ gì, chính tại ở những trường-hợp đó, chúng ta không muốn một óc suy luận.

Nhiều bạn bị chắt vắn, mới chịu nghĩ giấy lát và cho biết đại-khái : bước chân ra đi, để tránh những sự bức rộc hay tắc ngắt trong gia-đình ; trông mây ngấm trăng để đỡ phải lo âu, tính toán...

Nói một cách khác, là muốn thoát ly thực-tế, giải phóng lý-trí thường bị ràng

buộc trong những lẽ lỗi, mực thước, khuôn khổ, mà trở lại hồn-nhiên thẳng-thích, trạng-thái tự-do êm dịu nhất của con người.

Đời sống càng chật vật, công việc càng bề bộn, hoặc trách-nhiệm càng nặng nề, tinh-thần sao khỏi có lúc mệt nhọc, hoang-mang ? Vì thế, chúng ta phải tìm cách phóng tâm, và chẳng lấy làm lạ rằng Tôn-thống một cường-quốc Mỹ-Châu có khi đọc truyện phiêu-lưu, trinh-thám ?

Song không lẽ chỉ có những lý-do tiêu-

cực, lãng quên hay trốn tránh ? Chắc còn những thú-vị hay ích-lợi gì nữa, để những cơn đường gió bụi cũng có sức quyến rũ, và những giờ phút nhìn trời cũng đưa tới say sưa ?

Ở phạm-vi tâm-lý man mác, sự thăm dò rất khó khăn vì nguyên-nhân động-lực tùy tính-tình, hoàn-cảnh và thời-gian mà thay đổi, nên chẳng thể khám phá ra gì, nếu không tạm căn cứ vào một vài trường hợp, dù khách-quan hay chủ-quan. Cho nên tôi đã nhớ lại bạn Chương, một người ưa mơ mộng, và tự vấn mình, một kẻ thích lang thang.

x
x x

Mới độ 10, 11 tuổi, Chương đã chán những trò chơi lặt vặt của nhiều bạn như đánh bi, đá cầu ; học ai chẳng biết, Chương hay xới đất trồng cây, làm vớt bắt bướm, treo cây bắt chim, hay tập thả diều : anh lúi húi hoặc mãi miết chơi, tôi chỉ theo chân và giương mắt nhìn. Về sau, Ba anh thấy mất nhiều thời giờ, mua truyện bắt anh tập xem. Anh lại cúi mũi đọc, đọc cả lúc ra chơi ở sân trường, đọc cả ở trong lớp, quyển tiểu-thuyết giấu nơi ngăn bàn ; tôi ngồi cạnh cũng được ghé mắt, song phải đảm đương nhiệm-vụ canh gác, nếu thầy giáo nhìn anh, thì tôi lấy khẩu tay thích cho anh một cái để ngẩng đầu lên.

Chẳng bao lâu, hễ nói chuyện, anh chỉ nhắc lại những đoạn hay nhất trong Thuyết - Đường, Chinh - Tây, Ngũ-Hồ Bình-Nam... Có lúc anh muốn khóc như Lý-nguyên-Bá để múa chùy nặng ngàn cân, hoặc tung một vòng tre và bảo đó

là càn-khôn-quyên của Na-Tra ; có bận lại đâm tôi hai ba cái : hỏi vì sao, anh cho biết tại tức Tần-Cối mưu hại Nhạc-Phi, nên buộc tôi làm họ Tần để đánh báo cho họ Nhạc. Tôi nghĩ nếu cứ ép mãi tôi làm thái-sur nhà Tống để trừng phạt cho hả giận, thì tôi đành dứt tình xa anh mà bảo vệ cái lưng. Nhưng nào có phải một mình tôi được biến ra dị-nhân Trung-Quốc : bạn B bị gán tên Ngưu-Cao, bạn X được phong làm nguyên-soái Cáp-tô-Vân, bạn M trắng trẻo phải nhận là Phàn-lê-Hoa để anh làm Tiết-định-Sơn.

Nhưng con trưởng Tiết-Nhân-Quí, sau đó lại biến ra những cow-boys hai máng hai súng, hoặc Arsène Lupin đeo kính một mắt. Song tới hồi anh 17, 18 tuổi, thì tất cả anh-hùng hiệp-sĩ đồng tây nhường chỗ cho René của Chateaubriand, một kẻ chuyên việc thương mây khóc gió ; nhìn phong-cảnh chỉ muốn những màu sắc lơ mờ, coi mọi người như có tâm-hồn xa lạ nếu không thấp kém vì quá thiết-thực ; ưa lánh bạn bè để lẻ bóng trong tịch-mạc, rạo rức chẳng biết vì đâu và u uất trong ước mơ yêu đương vớ vẩn : người đẹp của anh, lúc là một nữ tài-tử trong phim nào đó, lúc là một cô nhõ phơ phất qua đường. Đời mất anh mơ màng, nhất là khi anh chụp ảnh, hai tóc mai để dài cho giống Rudolph Valentino, đi chơi một mình cũng mang cuốn sách nhỏ, một ngón tay thọc vào giữa các trang như để cho biết rằng đương đọc tới chỗ đó ; trong những dịp tiếp xúc với phụ-nữ, lơ ra có cô nào coi dễ thương mà lại niềm nở thân mật, anh yên trí ngay rằng cô đã chú trọng đặc-biệt tới anh, khiến anh theo đuổi hoài, cả trong mộng-tưởng : anh bắt

người ta sống với anh ở một cõi xa xăm nào đó. Rồi đến khi anh gặp những sự thất vọng, về tình cảm cũng như trong cuộc tiến-thủ mưu-sinh, anh càng trốn sâu hơn vào đáy lòng để ấp ủ mối sầu. Dù khi anh lăn mình vào hội-họa hay âm-nhạc, anh chỉ tìm những màu sắc âm-thanh nào hợp với tâm-trạng, để mỹ-thuật-hóa nỗi-niềm u-uất. Anh đọc sách triết-lý hay tôn-giáo, cũng ngả theo những khuynh hướng yếm-thể và chỉ lượm lặt thêm những lý lẽ để xa lánh cuộc đời mà anh sẵn sàng coi như vô-vị, mặc dầu ít chịu tìm hiểu.

Nhân một hôm thổ lộ tâm-sự để cậy tôi giải quyết giúp một vài vấp-đề khó xử, anh đã cùng tôi ngược dòng biển chuyển trong tâm-hồn anh từ hồi thơ ấu, và xác nhận kết-quả sự phân-tích mà chúng tôi vừa thử đồng-thời, anh cũng thấy đúng, những nguyên-nhân sau đây của tâm-trạng tả như trên.

Anh đã bước chân vào cõi mộng từ nhỏ, vì sẵn bộ thần-kinh tế-nhị và khuynh-hướng về đời sống nội-tâm: anh đã sớm ưa sắc hoa, tiếng chim ca, cánh dều lơ lửng hơn là hòn bi, quả cầu, những đồ chơi quá tầm-thường. Rồi anh mê truyện vì thấy người và cảnh siêu-quần hay huyền-diệu, có những vẻ cao đẹp mà anh sẵn lòng cảm phục vì giàu thiên-lương, nhưng chẳng thấy ở-quanh mình. Để thỏa mãn khát-vọng tự-nhiên, anh cố cụ-thể-hóa hoặc linh-động-hóa bằng cách bắt chước các nhân-vật thời xưa hay trên màn ảnh, mong các bạn và anh biến thành ra họ, đặt mình vào địa-vị họ để tự dối và mua vui.

Thói quen chuyển-hóa đó, càng được

áp dụng một cách say mê hơn, khi tuổi xuân làm bùng sôi huyết mạch. Đối-tượng mộng ở thời kỳ đó, là mỹ-nhân; khi anh không có can đảm hay phương-tiện chinh phục, anh trả thù thực-tế và tự đền bù sự thất bại bằng chiến-thắng tưởng tượng; nếu anh được ưng thuận, anh tô điểm để tôn thờ, gán cho người yêu những đức-tính siêu-nhân hay vẻ đẹp tuyệt-trần mà nàng chẳng có: kỹ-nữ A năm 1939, được anh coi như một Kiều, đáng thương mến hơn người tài-hoa bạc mệnh của Nguyễn-Du. Tóm lại, ở cả hai trường-hợp, anh đều cần mộng; anh nhìn đời qua ảo-tưởng, như kẻ nhìn phong-cảnh qua lớp sương mờ, để thấy những nét màu mà anh coi là nên thơ.

Chính về thơ mộng đó đã quyến rũ anh, và khiến anh tin rằng đã đi tới sự đẹp. Thực ra, khả-năng mỹ-thuật của anh cũng nhờ đó mà nảy nở được phần nào, trong nét vẽ hay cung đàn ủy mị. Nhưng khi quen sống lẫn quất ở đáy lòng thẳm kín, mỗi cảm-giác, mỗi hình-ảnh đều nhuộm màu ảm đạm, thiếu quang-minh của lý-trí, khác nào cỏ hoa trong hang tối thiếu ánh sáng mặt trời, nên chẳng thấm tươi. Đứng giữa một vùng non nước, anh chỉ để mắt đến làn mây vẩn, cánh hoa rơi, và cũng như trong cuộc hòa-tấu vang lừng, anh chỉ nghe rõ tiếng vĩ-cầm rền-rĩ. Có chi lạ, nếu giữa đời sống ào-ạt hay tung-bùng, anh vẫn thấy bị thương hay chán ngán?

Tôi thú thực cũng nhiều hồi tôi đã gần như anh, có mắt không nhìn, có tai không nghe, đi qua một chỗ đông mà vẫn để trí lảng vảng tận đâu đâu, trong lúc giảng-sư khản tiếng giảng thuyết, tôi còn theo

chiếc lá rụng qua khung cửa ; giữa đám tiệc cưới, trăm ngăm nhớ tới một người xưa : huống chi những lúc đứng ngồi một mình trong phòng vắng ? Tôi chỉ muốn lơ lửng theo mây, phất phơ như cánh buông trước gió ; lâu dần thành trể nãi học hành, không ưa vận động, biếng ăn rồi ít ngủ, sức khỏe hình như kém đi và rất dễ buồn vô cớ, nhưng chết một nỗi là lại thấy thú-vị trong những giờ phút bâng khuâng hay ngây ngất.

Cũng may cho tôi, ngẫu-nhiên gặp một cụ giáo cũ, cụ hỏi thăm, rồi nhân bàn chuyện gần xa, tôi kể cho cụ rõ tâm-trạng. Cụ cười mà bảo tôi : « anh tưởng là một trạng-huống nên thơ, đó chỉ là một thứ bệnh, anh tra cứu lại các sách về bệnh tâm-lý (psychologie pathologique) hay đúng hơn, thì nên đi hỏi thầy thuốc ». Tôi có nghe cụ, và cũng đã nhận định rõ cùng mấy anh em trường Y-Khoa, rằng tôi đương qua một thời-kỳ tinh-thần xuống dốc (état de dépression) mà thanh niên hay mắc nhất là vào khoảng 18-25 tuổi : nếu để kéo dài, rất có thể thành bệnh thần-kinh (névrose).

Tôi cũng lo và cố chống lại mơ mộng, bằng nhiều cách : học « gạo », đọc những loại sách dạy sống lành mạnh như Luyện trí (L'Éducation de la volonté của Payot hoặc Comment former un esprit của Dr. V. Pauchet) ; tôi cố học toán-pháp tuy không thích lắm, và gạt bỏ đồng tiểu-thuyết... Nhưng cũng chưa dứt hẳn được thói quen nghĩ vớ vẩn ngoài giờ làm việc, và tập lý luận khô khan mãi cũng nhúc nhàu. Sau một hồi tự xét khá lâu, tôi mới sức nhớ một điều rất tầm-thường, nghĩ ra rồi thì thấy như hiển-nhiên : muốn thoát đáy lòng và cõi mộng, phải ngoi ra thực-tế, sống với cảnh và

người chung quanh. Vĩ lấy Chương, tôi đã quên mất bản-tính, hay đúng hơn, thói quen đã có từ nhỏ : lang thang trên các ngã đường.

x

x x

Tôi còn nhớ hồi lên tám, chín, mười tuổi, ngày nào cũng sốt sắng cắp sách đi học, không phải vì được mở mang đầu óc, nhưng vì từ nhà đến trường, được qua ba bốn đường phố khá dài, để tò mò ngấm-nghía bao nhiêu thứ không có trong gia-đình.

Những cửa hàng tạp-hóa lúng củng đồ-vật, chẳng biết tên gọi là chi, song hộp và lọ nhiều thứ xinh đẹp, giá được làm đồ chơi, chắc thích lắm ; — những bức tranh sặc sỡ đầy Quan-Công mặt đỏ râu dài và Chu-Du đeo lông trĩ... mà chú lái Quảng-Đông mỗi sớm treo la liệt trên tường, ở những vỉa hè đông đúc.... ; những đám rước rực rỡ, những đám ma đen trắng, những người hành-khất bán con, anh phu-xe say nắng lăn ra chết, người té ngã đã đau còn bị thiên-hạ cười ồ, con khỉ nhẩy múa trên lưng dê làm trò xiếc.... tất cả các cảnh vật đều khiêu gợi tính tò mò, xui giục ước ao, hồi hộp, sợ hãi, thương xót, và nhất là ngạc-nhiên... Biết đâu tôi đã chẳng sống hơn ở nhà, và hiểu biết được nhiều hơn trong lớp ?

Lớn tuổi hơn, tôi đã có dịp đọc một số sách để ngấm lại về ích-lợi của sự nhàn-du. Tôi đã từng theo Charles Wagner quan sát ở dọc đường (Le long du chemin) thơ thần cùng chú nhỏ P. Nozière hay cụ cư-sĩ Bergeret của Anatole France, ở các

vườn bông hay bờ sông vắng, nghĩ gần nghĩ xa như J. J. Rousseau (*Rêveries d'un promeneur solitaire*). ... Và tôi cũng nghiệm rằng nhiều khi có vấn đề nan-giải, ngồi trước bàn chỉ bóp trán hoài, nhưng nếu thủng thảng ra đi, nhiều ý-kiến bỗng dưng nảy bật: hình như thân-thể vận động, huyết mạch lưu thông, thì tâm-não cũng được kích thích. Song nếu thế, thì làm việc mất rồi, chớ không phải là giải trí nữa: dù sao, nhờ có đi lại mới tìm tòi dễ dàng, và cũng thấy vui thích.

Vui thích này, do sự cởi mở một nỗi lòng băn-khoăn bối-rối, quả đã khác xa của tuổi thơ ấu, khi ngẫu-nhiên chẳng tìm mà thấy sự mới lạ trong đời sống chung quanh. Nhưng may mà tâm-trạng thời qua vẫn còn có thể trùng lai, nhờ sự tiến-hóa không ngừng của văn-minh hiện-đại. Xưa kia, tôi chợt thấy thì mãi ngắm chiếc xe hơi nhỏ xíu bằng thiếc sơn đỏ, những con pu-pê cỡi trần bằng nhựa cứng; ngày nay bao nhiêu xe Land-Rover, xe Mercedes, xe Desoto, để chơi cũng lắm mà để dùng cũng khỏi, những đào Geisha Nhật-bản lộng lẫy xiêm y và bao nhiêu loại pu-pê khác phô trương màu sắc. Thuở nhỏ, chẳng ai cho mà tôi cũng thích, bây giờ không có phương tiện sắm, tôi vẫn vui vì thấy đẹp, và mừng

thăm cho ai đủ tiền mua.

Nhu-cầu cộng-đồng hoan-lạc, chính là một động-lực đưa gót chân đi, mà ít khi chúng ta nhận thức. Nhiều lần tôi tản bộ, chỉ gặp những người là người lững thững như tôi, thẽ mà cũng tươi cười khoan khoái, có lẽ chỉ vì trông thấy nhau chung hưởng thanh-bình. Muốn thử, ngược lại càng đúng như vậy; phim điện-ảnh dù hay biết mấy, nếu khán-giả lựa thừa, tất tôi không háo hức bằng khi người xem nô nức trước rạp tượng bưng. Xét ra mỗi chúng ta vốn ưa hợp-quần để tìm vui sống, một sự khó được trông thấy ngà vời vọi, âm u. Trông chú bé lẳng quăng thả bóng trên cỏ, mọi người già trẻ đều mặc áo lạnh nhưng bày thiếu-nữ thướt tha óng ả gấp bội chị em lớp trước, những thanh-niên xúm quanh sạp báo la liệt văn-hóa bốn phương, những cặp vợ chồng son dập dìu sánh bước... cảnh sầm-uất đó, dầu không phải là chợ tết đầy hoa, vẫn khiến tôi quên những nỗi niềm riêng để hòa mình vào cuộc sống chung. Có đứng giữa sóng người qua lại, cũng như trước trùng-dương dào dạt, mới cảm rõ giữa xã-hội nhân-quần, bản-thân chỉ là một thành-phần không đáng kể.

Đáng kể hơn, và rất cần chú trọng, là

- o Một người bao giờ cũng chỉ là một người, và mỗi ngày người ấy đều phải nhớ như vậy — Nếu người ấy không biết tự kiểm điểm mình và tự đặt mình vào chỗ của mình thì không sao khỏi sa vào tính kiêu ngạo; nỗ lực của người ấy sẽ không kết quả vì không thể nào thu hết được mọi sự vào trong cái trí lự hẹp hòi của mình và bởi kẻ kiêu ngạo đã đánh mất cái khiêu rất quý là cái khiêu biết nghe điều phải, điều hay. (L.M. Courtois)

cảnh sinh-hoạt của các tầng lớp xã-hội mà chẳng có mấy sách báo tả cho chúng ta đầy đủ xác thực, nên ta phải có mục kích được chừng nào hay chừng ấy. Thiếu dịp du lịch trong toàn cõi, ít ra cũng có thể tập quan sát ngay ở gần nơi ta cư trú, nhất là ở các giới sống khác ta, dù giàu hay nghèo, bất cứ làm nghề gì, tại khu nhà cao cửa rộng hoặc hang cùng ngõ hẻm, của đồng-bào cũng như mấy chục vạn ngoại-kiểu chôn nhau cắt rốn cạnh ta bao đời nay. Nghĩ cũng thiếu sót thực: tôi ở Hà-nội ngót 40 năm và tuy đi lại khá nhiều, vẫn còn bao nhiêu đường phố và cảnh đời chưa từng để mắt. Đối với người nước khác, chắc tôi phải am tường hay có ý-niệm rõ-rệt về những văn-đề dân-sinh trong khu-vực hai triệu người chung đụng hàng ngày với tôi ở Saigon: nhưng nếu bị chắt vắn, liệu chừng tôi có khỏi ngỡ ngàng không? Tôi đọc sách, thường thấy người Âu Mỹ yêu quý thành phố của họ và còn lắm khi hãnh-diện là người Parisien, người Berlinois hay New-yorkais. Tại sao tôi vô tình? nhưng muốn sinh tình tất phải biết cảnh. Như vậy, lẽ nào tôi rút lui mãi vào thâm-tâm tôi như con ốc thụt vào vỏ kín, hoặc ấp ủ mộng đẹp bốn phương của những trượng-phụ dễ động lòng mây gió: biết xa thì còn chi bằng, nhưng nếu chưa được, vì sao chẳng chịu biết gần?

Nhưng cảnh-vật chung quanh còn dành cho tôi một kho vô-tận, khó lòng khám phá hết, vì thời-đại tiến nhanh hơn tôi nhiều quá, vì thời-giờ của tôi ít mà không-gian thì bao-la. Dính mũi vào nhiều tủ kính quầy hàng, hoặc len lỏi vào các chợ, tôi sinh-trưởng ở thành-thị mà vẫn như người nhà quê ra tỉnh xem đấu-xảo. Tôi

thú thực, có nhiều đồ đạc máy móc lạ mắt, chẳng hiểu để làm gì, ngay tên gọi cũng không rõ: vốn ngữ-vựng mà tôi thâm góp bao năm, cả các tự-điển hiện nay, cũng đều quá nghèo nàn so với số vật dụng hóa-phẩm mà phương tây hàng ngày sáng chế. Ngay đến những thứ hàng quen, như đồng-hồ, cây viết máy, luỡi dao cạo, tôi có chịu lờ dờ một hai giờ, mới biết còn bao thứ rẻ tiền hơn và chẳng kém Oméga, Parker hay Gillette.

Thú nhất, và cũng nực cười nhất, là một hôm tôi tìm ra được ở ngã đường gần phố tôi, một tiệm bán đủ sách báo: tôi không ngờ nó đã ở đó từ bao lâu mà chưa hề để ý, nên mỗi khi cần, cứ mất tiền xe đi tới tiệm xa. Đồng-thời, tôi phải nhận ra một khuyết-điểm lớn: tôi cũng còn nhớ địa-dư năm châu, mà khu phố mình chưa từng thăm viếng. Thảo nào, khi một người ngoại-quốc hỏi thăm đường Calmette ở đâu, tôi phải chạy hỏi hộ ông Cảnh-sát; ngoại-kiểu cảm ơn tôi, với một cái cười nhích mép đầy ý-nghĩa không tốt đẹp gì.

Cho nên, khi thân-thể hoặc tâm-thần mỗi mệt, tôi tạm lánh vào mộng-tưởng, vì một mảnh trời xanh, tiếng sáo du-dương hay bóng hình di-vãng có hiệu-quả nhiệm-mầu tiêu tán sự chán nản nhất thời của cuộc đời phức-tạp. Song tôi chẳng dám triển miên, và muốn khỏi quẩn luyến cõi lòng, không gì bằng mở mắt đưa chân, dẫn mình vào đám đông người.

Lúc xấu trời, con ong cái kiến chui vào tổ trú ẩn cho qua cơn gió trái; nhưng rồi cũng phải bò ra, vì non nước cỏ hoa còn tươi sáng. Và cũng cần phải kiếm đồ ăn.

Đ. T.

BÁCH - KHOA

« SỞ KÝ - NIỆM ĐỆ - TAM CHU - NIÊN »

SỞ XUÂN CANH - TÝ

Mong đợi các bạn đọc đã từng theo dõi, khuyến khích nâng đỡ tạp chí Bách-Khoa trong 3 năm qua, sẽ gửi thư về tòa soạn chỉ dẫn cho các ưu, khuyết điểm về cả nội dung lẫn hình thức, để Bách-Khoa bước sang năm thứ tư kịp thời cải tiến cho xứng đáng với lòng tin yêu của bạn đọc hơn nữa.



BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

đã có tập 5 (48.60)

Giá 105\$ và 110\$



Có bán tại các hiệu sách và
tại Tòa-soạn BÁCH-KHOA
160, Phan-dình-Phùng — Saigon

BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN - HÀNG

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*góc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Về bài « Nhân đọc Sandor Petofi » của Ô. Phạm-Công-Thiện

Thư trả lời của

Ô. Lê - Thành - Nhân

L.T.S. Sau khi đăng bài « Nhân đọc Sandor Petofi... » của Ô. Phạm-công-Thiện trên Bách-Khoa số 70 (ngày 1-12- 1959) chúng tôi nhận được bài sau đây của Ô. Lê-thành-Nhân. Ô. Lê-thành-Nhân cũng nhận rằng Ô. Phạm-công-Thiện đã « có nhiều nhận xét rất đúng » tuy nhiên Ông vẫn còn chưa thỏa mãn về nhiều điểm. Chúng tôi xin đăng nguyên-văn bức thư trả lời, để bạn đọc biết rõ những điểm mà Ô. Lê-thành-Nhân còn thắc mắc.



TRONG báo Bách-Khoa số 70 ra ngày 1 tháng 12 năm 1959, Ông đã có nhã ý viết một bài phê bình đầy đủ về bài báo Sandor Petofi, linh hồn của hai cuộc Cách-mạng đăng trên nguyệt san Sinh-Lực số 10 ra ngày 25-10-1959 do tôi viết. Tôi thành thật cảm ơn Ông rất nhiều và lãnh hội những ý kiến quý báu chung quanh câu chuyện.

Bài báo kể trên tôi đã viết cách đây hơn ba năm trong một lúc nhàn rỗi và đã bỏ quên trong hộc tủ cho đến ngày đưa đăng trên báo S L. Sự cách biệt thời gian đó đã

làm tôi thấy ngại, vì những tài liệu dùng để tham khảo bị mất hết. Khi viết, tôi còn ở Huế, bây giờ ở Tuy-hòa. Và vì thế khi đưa đăng trên SL, tôi đã có ý tìm các tài liệu để sửa chữa lại, vì một tác phẩm cách khoảng thời gian đến ba năm chắc chắn không thể nào tránh được những sự sơ-suất những khuyết điểm về hành văn cũng như về những chi tiết nhỏ không để ý đến. Cuối cùng tôi không tìm ra nên cứ cho đăng liều để kịp số báo. Vì thế mà có bài chỉ trích của ông Phạm-Công-Thiện.

Sau khi đọc kỹ bài phê bình của Ông, tôi nhận thấy ông có nhiều nhận xét rất

đúng. Tuy-nhiên cũng còn có nhiều điểm làm tôi không được thỏa mãn. Tôi xin lần lượt trình bày ở đây những ý kiến để cùng ông xác định lại những điểm trên tinh thần học-hỏi và cầu tiến.

Trong suốt bảy trang báo, ông đã mở xẽ kỹ càng và nếu tôi không lầm thì cái chủ đích của Ông là đánh một tiếng chuông báo nguy về việc đề xuất-xứ các bài trích dịch, phỏng theo...

Tôi đã căn cứ trên tài liệu của các tạp chí ngoại quốc, và một sổ sách nhỏ do Bộ T.T. ấn hành để viết bài «Sandor Petofi...» Tôi đồng ý với Ông là bài cáo luận đã có nhiều đoạn phỏng dịch theo tạp chí pháp ngữ mà ông đã dùng làm dẫn chứng. Nhưng thật ra, xuất xứ của bài báo đó không phải hoàn toàn xuất xứ từ bài của Maurice Croizard, mà còn do một sổ tài liệu khác (tôi không được nhớ rõ) và một vài ý kiến cá nhân cùng cái bố cục do chính tôi sáng tạo ra. Tôi không đề xuất xứ là vì thế. Ông gá, cho tôi cái tội đạo văn ngoại quốc như trường hợp của Mel d'Orval thì cũng có hơi quá đáng đấy. Chính vì chỉ lấy ý, lấy tài liệu, đôi khi tôi đã dịch thoát cho nên một vài đoạn tôi không dịch đúng theo nguyên văn của các bài báo ngoại quốc. Có đoạn tôi tự ý thêm, đoạn khác tôi tự ý cắt xén đi, vì theo nhận thức chủ quan của tôi, đoạn đó không cần thiết hoặc vì một vài nguyên do khác. Ông căn cứ vào đó để nói tôi kém Pháp Ngữ thì tôi cũng đành chịu. Và lại trình độ hiểu biết về một ngoại ngữ không biết đến đâu là vừa.

Nhân nói đến vấn đề xuất xứ các bài biên khảo, cáo luận về văn học ngoại quốc hoặc một vài danh nhân nào đó, tôi cũng

xin có một vài ý kiến. Chắc ông cũng đồng ý với tôi là tất cả các bài biên khảo về văn học ngoại quốc hoặc về một vấn đề nào đó thuộc về các nước ngoài thì người viết đều dựa vào các tài liệu ngoại ngữ. Chúng ta ở trên đất Việt chắc chắn không thể nào biết được những sự biến chuyển về mọi mặt của các nước ngoài, nhất là những câu chuyện xảy ra cách đây hàng mấy chục năm. Nếu lỡ ông dựa vào một tài liệu quá khích hoặc có những nhận định sai lầm thì bài biên khảo của ông không tránh được những khuyết-diểm trên. Ngược lại, ông chọn được một tài liệu đúng đắn, sâu sắc thì bài nào của ông nhất định có giá trị. Hầu hết các bài biên khảo những vấn đề nước ngoài đều nằm trong trường hợp đó.

Đối với một bài báo ngắn đăng trên một tờ báo, tôi ít khi thấy đề xuất xứ hoặc đưa ra cả lô tài liệu tham khảo. Và lại nếu có đưa ra cũng ít người chịu khó tra lại từng chi tiết một. Trường hợp của Ông chẳng hạn. Trong báo *Phổ-thông* số 4, tôi có thấy Ông cho đăng một bài nói về thi sĩ *Petofi*. Nếu trí nhớ tôi không kém thì hầu hết ý kiến, trừ những bài thơ Ông đã trích đăng, đều của tác-giả bài báo mà Ông đã đem ra làm dẫn chứng. Lỗi hành văn cũng giống, nếu ông chịu khó đọc lại trang 87, 88, 89.. thì sẽ nhận thấy rõ. (1) Tôi đã để ý tìm chỗ để xuất xứ nhưng

(1) Theo Ô. Phạm-công-Thiện cho biết thì Ô. Lê-thành-Nhân, nếu không dụng-ý xuyên tạc, cũng đã quá lầm lẫn khi quyết đoán rằng bài Petofi trên *Phổ-thông* số 4 là lấy của Maurice Croizard. Thực ra hai bài khác hẳn nhau (so sánh là thấy ngay), vì viết bài trên đây, Ông Phạm công-Thiện đã tham-khảo một sổ sách báo khác hẳn với bài của Croizard. Và lại nếu cùng một "xuất xứ" thì bài Petofi trên *Phổ-thông* số 4 tất phải giống hệt bài Petofi trên *Sinh-lực* số 10 rồi!

(Chú-thích của Tòa-soạn)

không thấy đâu hết cả. Tôi đoán chắc ông không có ý đạo văn ngoại quốc mà có lẽ vì một lý do nào khác.

Điểm thứ hai trong bài phê bình, ông đã chịu khó chú ý đến những sơ suất của ấn công. Đầu tiên Ông nhận xét rất đúng về chữ CORSE thay vì CORSO. Chữ Danube Le Corso mà viết như vậy ông Ông nói cũng phải. Tôi tiếc rằng không còn có một bản thảo nào khác để so sánh lại thử xem sao. Từ trước đến nay, những sự sai lầm nhỏ của ấn công tôi ít khi chú ý, nhưng bây giờ ông đã làm cho tôi sáng mắt ra để rồi phải cẩn thận như ông mới được. Trường hợp chữ Magyare cũng vậy.

Về đoạn thơ, tôi bỏ câu kia không dịch đến vì muốn nhấn mạnh hai chữ Nô-Lệ và Tự-Do. Nếu có câu kia vào thì sẽ làm ngán cách và như thế sẽ loãng ý. Tôi có chấm nhiều chấm sau câu tiếp đó nhưng không thấy trong bài báo. Căn cứ vào đó ông đặt câu nghi vấn về việc tôi không dịch nổi câu chữ Pháp *C'est l'heure à présent ou jamais* hay *Maintenant ou jamais, vous avez le choix* thì cũng có hơi buồn cười và khe khắt đấy.

Rouget de Lisle không làm thơ. Tôi đồng ý. Gia tài văn nghệ của ông chỉ có bài quốc ca Pháp *La Marseillaise*. Nhưng chẳng riêng gì những người làm thơ mới có công trình sáng tạo và được người ta gọi như vậy. Thế thì người viết văn, soạn nhạc, họa không có công trình sáng tạo sao?

Những tác phẩm của những người đó không được gọi là công trình sáng tạo sao?

Đoạn nói về yêu sách của thi-sĩ, tôi nhớ có đọc một bài báo nhưng không còn nhớ

tên gì và ở trang nào. Nếu tôi được ở gần thủ đô có nhiều thư viện như ông bây giờ thì quý biết mấy. Tiếc rằng tình của tôi không có thư viện nào cả và cũng chẳng có nhà sách nào bán báo chí ngoại ngữ. Những tác phẩm của ông đã đọc có lẽ vì quá sùng kính thi sĩ nên không có nói đến, hoặc vì ông dễ tính nên cho những sự điều đình của thi sĩ và nhà xuất bản không có những điều khoản khó khăn nên ông thần thánh hóa nhà thơ chăng?

Ông cho tôi nhục mạ dân-tộc Hung-Gia-Lợi, dù chỉ vô tình. Cũng may ở nước ta không có mấy người Hung nên tôi được sống yên, nếu không, có ngày vì tình yêu nước tha-thiết của người Hung mà tôi không khéo bị mất mạng. Thật ra tôi dùng chữ Mọi rợ để ám chỉ dân Magyare vào thế kỷ thứ XVII, XVII thì cũng có hơi quá đáng đấy, nhưng tôi chắc họ cũng không van-minh gì.

Câu nói về Vienne và Hung-Gia-Lợi, tôi đề cập tình hình kinh tế mà ông gán cho tôi muốn đề cập tình hình chính trị, thì tôi thật không biết đường nào mà rờ. Ông đọc lại chắc sẽ thấy rõ.

Tôi thành thật cảm ơn Ông đã sốt sắng phê bình bài báo của tôi. Tôi xin thâu nhận. Những sơ hở mà ông đã nêu ra trong bài đăng ở Bách-Khoa số trước đều do tính không thận trọng của tôi. Tôi trả lời bức thư này không có ý thương-xác và tranh-luận với Ông và chỉ muốn làm sáng tỏ một vài điểm tôi không được thỏa mãn lắm qua bài phê bình của Ông. Mong Ông hiểu cho và xin ngừng hân ở nơi đây.

3.XII.1959

LÊ-THÀNH-NHÂN

Hãng TRƯỜNG

XUẤT - NHẬP - CẢNG

ĐẠI - LÝ

Văn-Phòng tại SAIGON : : NHA-TRANG :
11, đường Pasteur 39, đường Phan-bội-Châu
Điện-thoại : 20.432 : QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long
Địa-chỉ Điện-tín : : ĐÀ-NẰNG
ETRUNIMEX SAIGON : : 52, Bền Bạch-Đẳng

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»
«TIỀN-PHONG» — «THÔNG-NHỨT» — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON - NHA-TRANG - QUI-NHƠN - ĐÀ-NẰNG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng



HÃNG

NAM-THANH

VÀ

THERMOR

31, Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON

Đ. T. : 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu ăn.

lãnh cát nhà đèn,
chạy dây đèn nhà,
đèn đường, và lắp
hệ-thống đèn.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

LÁ THƯ HẢI-NGOẠI

—o TRẦN-VĂN-KHÊ

Anh Ng.,

ĐI Thụy-sĩ về đã mấy hôm rày, vì còn chưa lại sức nên chậm viết thư cho bạn. Nhưng bạn thử nghĩ : trong 10 hôm, đi xe lửa gần 3.000 cây số, nói chuyện về Việt-nhạc và hát bội trong 8 nơi khác nhau, thâu thính 4 buổi nói chuyện về Việt-nhạc cho đài phát thanh Gio-neo (Genève), ra mắt khán giả đài vô tuyến truyền hình, dự hơn mười lăm buổi tiệc, gặp gỡ hơn mấy chục giáo sư Đại-học, nhạc-sĩ, nhạc học giả, tiếp báo chí, và nhân viên đài phát thanh Thụy-sĩ đến phỏng vấn, bao nhiêu công việc ấy mà chỉ có một mình tôi gánh vác thì sức chịu đựng của con người cũng có một giới hạn. Vì thế mà sau hai tuần ở Thụy-sĩ, tôi thấy thối mệt, nhưng cơ thể có bị xài xể đôi chút thì bù lại tinh thần được phần khởi vô cùng.

Muốn nói lại với bạn rõ-ràng cuộc hành trình của tôi, phải một thiên hồi-ký, chớ trong một bức thư, dầu là thư dài đến đâu cũng không thể nói hết cho bạn rõ những việc đã làm, những điều mắt thấy tai nghe.

Bạn có thể tưởng-tượng được chăng ? Một gánh hát, một giàn nhạc đặt trên vai của một người, một gánh hát mà từ ông bầu, anh kép, người đàn phụ họa, đến người dọn lờp cũng là một, một giàn nhạc mà từ đàn kìm, đàn cô, đàn tì-bà đến đàn tranh đều do một nhạc công biểu diễn. Người ấy lo gởi hành lý tại các nhà ga, lo sắp đàn, lên dây, viết bài giới thiệu, vào đài phát thanh cũng như đài truyền hình vừa nói vừa đàn, vừa hát, vừa tiếp xúc với các giới, vừa lo cho mọi việc được hoàn hảo, người ấy như cái máy chạy đều mười mấy giờ trong mỗi ngày, không nghỉ. Nhưng hôm nay, người ấy thỏa lắm bạn ơi ! Tự đặt cho mình có một nhiệm vụ đòi với toàn thể dân tộc và văn nghệ nước Việt, đem văn hóa nước nhà trình bày tại ngoại quốc để cho họ bắt đầu tìm hiểu, thương yêu, âm nhạc và dân tộc Việt, người ấy thấy đã một phần nào, đạt được mục đích của mình.

Không thể đi vào chi tiết, tôi chỉ nói qua đại khái những việc tôi đã làm, vài nhân vật

tôi đã gặp và vài kết quả đã thu thập được cho bạn biết để mừng vì chuyến đi này, bạn tuy ở xa nhưng bạn đã góp phần không nhỏ vào đây.

Nói chuyện về hát bội tại trường Đại-học Basel (Ba-zel) trường Bách-khoa Zu-rich (zuy-ri-khơ) và viện Bảo-tàng Berne (Bec-nơ) tôi sơ thảo căn nguyên và lịch sử của lời hát bội, cho rọi những phim màu mà nhờ nhiều nhà hảo tâm, như anh T.T. nhờ các bạn nhiếp ảnh như anh Lê-Dân nhờ toàn ban Khánh-Hồng và Minh-Tơ, nhờ tình bạn của Ng., mới có được để cho người dự thính thấy qua vài y phục và cách hóa trang của lời hát bội. Tôi đã nói qua các điệu hát khách hát nam, hát bài, hát niêu, cách nói lời tuồng lời bốp tôi cho người dự thính thấy qua vài bộ đi, cách xòe quạt, cho họ nghe giọng cười của vai trung, vai nịnh, phân tách mạch lạc và tiết điệu của những câu hát khách nhịp ngoại, những câu trống nhịp hát nam (Rạp các phách tịch, các tịch, tịch các v.v...). tôi đề cập đến hát chèo, hát cải lương, nhắc đến cô điệu khiến gánh «Đông-nữ», nhắc đến câu Năm dặt bài Thất tứ bi hùng. Rồi tôi cho họ nghe. Bài hạ bâng đàn cô, bài Lưu-thủy trường vừa ca vừa đàn kìm, bài Phong xuy trịch liêu của câu Năm vừa ca vừa đàn tì bà, bài Bắc cung Ai và bài Thất tứ bi hùng vừa ca vừa đàn tranh.

Tại Genève (Giơ-neo) Neuchâtel, (Nơ-sa-ten) Moutier, (Mu-chê) Reconvilier, (Rơ-công-vi-li-ê) Porrentruy (Po-răng-tờ-ruy), tôi nói chuyện về Việt nhạc, nói qua các nguồn ảnh hưởng qua các điệu bình dân như hò, hát trống quân, quan họ, hát xẩm, hát chèo, hát chầu vơ đến các điệu nhạc cổ truyền như hát ả đào, ca Huế, đàn trứ tử, hát trềng, hát bội, và nhạc triều đình. Cuối

cùng tôi lại nói phớt qua lời nhạc mới đã chịu ảnh hưởng Âu-nhạc và đang tìm đường lời. Nhưng lẽ tất nhiên trong 1 giờ rưỡi hoặc 2 giờ đồng hồ làm sao nói cặn kẽ hay là đầy đủ được. Cấn nhất là làm cho thính-giả đứng chân và nhận rằng tuy Việt-nhạc khác hẳn Âu-nhạc, nhưng nó cũng có chỗ tế nhị, tinh vi của nó. Và tôi đã thành công, vì sau buổi nói chuyện tại Basel, Bác sĩ Schlager (Sơ-la-gơ) mời tôi về nhà riêng để đàm đạo. Bác sĩ là một nhà chuyên môn nhạc Nam-dương ông có sáng tác nhiều bài cho dương cầm mà nhạc hưởng rất đặc biệt Á-châu. Hôm đó có cả một họa sĩ và một nhạc sĩ khác. Câu chuyện đi sâu vào lý thuyết và đến gần 3 giờ sáng ông và tôi như đã quen biết nhau lâu lắm rồi. Ông đã gọi điện thoại khoe trước với các nhà khảo nhạc tại Zurich (zuy-ri-khơ) để nhờ viện khảo nhạc Zurich thu thanh vài bài nhạc nên lúc tôi đến Zurich ông giám-đốc viện khảo nhạc và giáo sư Couradin (Cu-ra-đin) nhờ tôi dàn để các ông thu thanh giữ lại ít bài. Hiện viện mới mở một ngành nhân chủng nhạc học (ethnomusicologie) chứ từ trước viện chỉ chuyên khảo nhạc Âu-châu từ thời kỳ Trung-cổ đến nay. Giáo sư Couradin cảm ơn tôi và nói rằng : « Những bài nhạc Việt sẽ được coi như là những hạt giống đầu tiên mà ông gieo vào vườn nhân chủng nhạc học. Sau này vườn ấy có được hoa nhiều trái lạ nhưng hạt giống đầu tiên vẫn quý. » Ông nhạc trưởng giàn nhạc của Thụy-sĩ Rô-măng (Chef d'orchestre de l'orchestre de la Suisse romande), một giàn nhạc quán huyên danh tiếng bên Âu-châu đến bắt tay tôi tại viện nhân chủng học Giơ-neo mà khen : « Quả thật, Việt-nhạc rất khác Âu-nhạc. Nhưng nhờ ông, chúng tôi nhận thức được những điểm tế nhị trong các điệu Bắc, Nam chúng tôi thấy rằng từ cách

hát đến chữ nhân (nấn) Việt-nhạc rất đẹp.» Không thể kể cho bạn nghe tất cả những lời khen. Cũng có lời khen khách sáo theo thường lệ. Nhưng cũng có lời khen chân thành và nhất là nếu người đến khen là một nhạc sĩ, là một khách tri-âm, thì tôi thấy sung-sướng lắm.

Trong lúc đi, có nhiều chuyện bất ngờ. Khi rời nước Pháp tôi chỉ dự bị để trình bày nhạc xưa tuồng cổ nước Việt cho các học giả, nhạc-sĩ, nhà khảo-nhạc tại Thụy-sĩ. Đến Moutier, (Mu-chê) tôi được thơ ban tổ chức tại Reconvilier (Rơ-công-vi-li-ê) cho hay rằng có 150 học sinh nam nữ từ 12 đến 15 tuổi đến dự thính. Thành ra những hệ thống âm giai, những tính vi trong tiết tấu, những tiếng láy, luyện đến đẹp qua một bên, tôi phải nhân mạnh về địa dư, nhân chủng học và trong các điệu nhạc trình bày, tôi phải thêm 3 lời ru em Bắc, Trung, Nam, tôi nói đến mấy bài hát và trò chơi trẻ em bên nước Việt như trò cùm nùm cùm nịu, tau tí tay tiên, đồng tiền chiếc đĩa... và trò chơi chi chi chành chành, cái đánh thổi lửa, con ngựa chết chương v.v... Các học sinh lấy làm thích thú và trong một giờ rưỡi đồng hồ ngồi chăm chỉ nghe. Ông giám đốc trường cảm ơn và khen tôi có thể làm cho các em nhỏ ngồi im. Tôi hỏi một trong mấy em đến xem đàn : « Khi này các em có thầy lâu không ? ». Một em trả lời : « Dạ không. Hay quá ! » (Oh non monsieur, c'était bien !) ông giáo Junod (Juy-nô) người tiếp tôi, nói : « Sự thật thường phát ra từ miệng của trẻ con ».

Chuyến đi này, tôi gặp hầu hết người Việt tại Thụy-sĩ trừ những sinh viên Việt từng học tại Fribourg. (Phơ-ri-bua). Đến Genève (Giơ-neo) tôi được anh Cao-Mạnh-Khiêm hiện



Nhạc-sĩ TRẦN-VĂN-KHÊ

làm chủ một tiệm cơm Việt tại đây đem xe đến tận nhà ga đón tôi và tuy gia đình anh đông con, anh giữ tôi ở lại với anh. Trong thơ gởi cho tôi, anh đã viết :

« Mời anh lại ở đây, ăn ở có hết là bao, nhưng cảm tình dân tộc thật chan chứa, có thể trên cả tính toán. » Mặc dầu bạn nấu ăn cho hiệu cơm, trong mấy hôm tôi có mặt tại Genève chị Khiêm thay anh một mình làm bếp, để anh lái xe, chở đàn đưa tôi đến phòng thu thanh, phòng truyền hình, đi thăm những người Việt tại Genève, nhờ thế mà tôi có gặp tại phòng báo chí của đến liên hiệp quốc, ông Võ-Thành-Minh, người Việt tuyệt thực và thổi sáo tại bờ hồ Léman dạo nọ, đưa tôi lên tận Zurich (zuy-ri-khơ), cách Genève gần 300 cây số ở đây nghe tôi nói chuyện về hát bội,

Trích dịch báo Journal die Jura (ngày 11 - 11 - 1959) bài : « Ông Trần-Văn-Khê, một người nghệ-sĩ, một nhà thông thái và một khách hào hoa »

(...) Hiện nay, ông Trần-Văn-Khê sống ở Paris ; từ nơi này, ông đi khắp châu Âu để giới-thiệu quê hương mình, cùng câu ca điệu hát với nhạc-thuật rất cô-kính và rất tề-nhị của đất nước. Ông đã biết thích ứng hẳn với thói tục của nền văn-minh chúng ta, nhưng không vì thế mà ông chối bỏ nền văn-minh của dân-tộc Việt. Và cuộc biểu diễn xuất sắc của ông khiến chúng ta khó chịu ít nhiều: thêm một lần nữa, chúng ta ý-thức rằng nền văn-minh Tây-phương chẳng phải là nền văn-minh duy nhất, cũng không phải hẳn là nền văn-minh đẹp nhất và tiên nhất..

Không nhất định rằng hễ mình biết lái một chiếc ô-tô kiểu mới nhất hay một chiếc xe thiết-giáp, hay một chiếc máy bay phản-lực là mình là người văn-minh đầu. Nhưng chắc-chắn như vậy — nếu về nhiều ngành nghệ-thuật và về vài môn kĩ-thuật, người ta chỉ hiểu chừng... phần nửa hay một phần tư những gì mà ông Trần-Văn-Khê hiểu thì người ta mới là người có văn-hóa và ở một trình độ văn-minh cao ? Và mỗi ngày chúng ta càng thấy cái cảm-tưởng này day dứt chúng ta là : đám người mèn-rợ chẳng phải thường ở nơi mà người ta tưởng chúng ở đâu.

Nhưng đây lại là một vấn-đề khác.

M. R.

chụp ảnh cho tôi, nhưng tôi lại không may về khoản chụp ảnh vì anh mắc vào máy ảnh một cuộn 20 ảnh mà cứ định ninh là 36 ảnh, nên 16 ảnh, anh Khiêm chụp tôi không có một ảnh nào ra hình cả và cũng vì thế mà không gởi về được cho bạn một vài tấm kỷ niệm.

Anh Khiêm lại cho tất cả người Việt tại Genève biết giờ tôi lên đài truyền hình và nhờ thế mà trong lúc tôi nhìn máy truyền hình, tôi tưởng như mình đang nói chuyện với bao người đồng hương về âm nhạc của đất nước. Làm sao trong một bức thư mà nói hết cả sự dự bị để truyền hình, tranh cánh họ dùng làm «phông» và hình ảnh phim để chiếu lên cùng với tiếng đàn chỉ nói tất rằng những người Việt tại Thụy-sĩ đều hài lòng và anh Khiêm nói với tôi rằng lên màn ảnh truyền hình quốc phục mình trông rất đẹp, mây chữ nhân (nân) đàn tranh (thập lục) nghe rất rõ ràng.

Hầu hết — có lẽ là tất cả người Việt tại Genève đến viện nhân chủng học nghe tôi nói chuyện về Việt nhạc, các anh chị em đều hài lòng và mời tôi về nhà ông bà T.Q.H. một nhân viên của Liên-hiệp-quốc tại Genève đãi một bữa để cho người Việt tha hương gặp gỡ và nói chuyện văn nghệ nước nhà.

Hôm sau, sáng chưa nhật tôi phải thức sớm lên đường đi Berne (Bec-nơ) và 11 sáng hôm đó tôi nói chuyện về hát bội tại phòng họp của Bảo-tàng-viện Berne. Lúc lên sân khấu, nhìn xuống thấy vợ chồng bác sĩ N. hiện là bác sĩ nha khoa tại Lausanne (Lô-zan) và vợ chồng anh Đ. hiện làm kỹ-sư tại Zurich (Zuy-ri-khơ) và một chị người Việt, không ngại đường xa đã đi hàng trăm cây sò, lên núi xuống đèo, để nghe một người Việt nói về kịch trường nước Việt, để ủng hộ tinh thần cho diễn giả, cho câu chuyện thêm phần hào hứng.

Một điều khác đáng mừng là chính các anh chị em người Việt cũng nhận thấy rõ những điểm tế nhị của Việt nhạc mà muốn có một bản luận án của tôi về Việt nhạc cổ truyền để có dịp biết thêm hầu trả lời một cách thích đáng cho người ngoại quốc muốn tìm hiểu Việt nhạc. Nhưng bản luận-án mà ngày xưa tôi mượn tiền bà con anh em để in ra một ít trong lúc đệ trình, nay đã hết và công việc hiện thời của tôi là đang lo in luận án ấy ra do tiền của Bảo tàng viện Guimet (Ghi-mê) một bảo tàng viện chuyên về các văn đề Á châu và tiền của Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học của Pháp phụ cấp. Tạm thời các anh chị em bên ấy chỉ có thể đón nghe 4 buổi truyền thanh của tôi về Việt nhạc với bốn đầu đề sau này :

- 1.— Việt nhạc khác Âu nhạc ở điểm nào ?
- 2.— Việt nhạc bình dân.
- 3.— Phòng nhạc tại nước Việt (nói qua về các điệu Bắc, Nam trong nhạc tài tử)
- 4.— Ảnh hưởng Âu nhạc trong Việt nhạc.

Trong một thời gian ngắn ngủi, đi nhiều, nói nhiều mà ngủ ít, về đến Ba-lê, tôi thấy hơi thăm mệt nhưng hôm nay, được các bài báo bên Thụy-sĩ nói về Việt nhạc được thơ của Bảo tàng viện Genève mời tôi trở lại sang năm, được thơ của những người trách nhiệm trong hội Thanh niên yêu nhạc bên Thụy-sĩ, tôi thấy rằng người tôi có mối, nước miếng có khô, mà được bao nhiêu người ngoại quốc chú ý đến Việt nhạc là tôi thấy sung sướng lắm rồi.

Nhờ bạn chuyển lời tôi cảm ơn tất cả những bạn xa gần đã giúp tôi tài liệu, hình ảnh, nhạc khí để cho trong kỳ đi này sự trình bày của tôi thêm phần hào hứng, khi nói chuyện về hát bội có chiếu cả hình và phim màu, và trong lúc nói về nhạc hay trong mấy buổi phát thanh và truyền hình có thêm được tiếng ti bà.

Xa-xôi...

TRẦN-VĂN-KHẾ

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Tập 6 (61.72)

Sẽ có bán cùng với BÁCH-KHOA số KỶ NIỆM ĐỀ TAM CHU NIÊN, ngày 15-5-59. Tại các hiệu sách và tại tòa soạn BÁCH-KHOA.

THE CHARTERED BANK

Anh - Quốc Ân - Chiếu Ngân - Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ân-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000 000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhút
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành-lập tại các
nước Viễn Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐIỂM SÁCH

Tác-phẩm : **ĐƯỜNG THI** trích-dịch

Tác-giá : **Đỗ-Bằng-Đoàn**
(dịch nghĩa và chú giải)

Bùi-Khánh-Đản
(dịch dẫn)

Tác-phẩm in ronéo gửi tặng các văn-hữu.

☆ **NGUYỄN-HIỆN-LÊ**



(tiếp theo B.K. số 71)

[?]
Ở trên tôi đã nói sô người dịch thơ Đường tuy nhiều, nhưng sô người dịch được nhiều thơ Đường thì ít ; mà công trình đáng kể nhất từ trước tới nay, tức cuốn *Đường Thi* của cụ Trần-Trọng-Kim, lại chỉ có giá trị về lượng chứ không về phẩm. Xét cho cùng, chúng ta không nên trách các vị đó. Vì dịch thơ là một công việc rất bạc bẽo và khô khan : ít người chuyên tâm và thành công được.

Bạc bẽo lắm. Cổ kim đã có được mấy người lưu danh về dịch thơ ? Delille, ở thế kỷ 18, tốn biết bao tâm huyết để dịch Milton và Virgile, mà trong văn học sử Pháp có

có nghe nhắc tới tên ông đâu. Ở Trung-Hoa tôi không thấy nhà nào chuyên dịch thơ. Dịch văn xuôi thì có : Huyền - Trang đời Đường và Lâm - Thư, cuối đời Thanh. Nhưng người ta biết Huyền-Trang đi thỉnh kinh hơn là dịch kinh ; còn Lâm-Thư thì tôi chắc độ một thế kỷ nữa, không còn ai nhớ đến cả. Thi mới cách có ba chục năm, mà bản dịch. *Thơ ngụ ngôn La Fontaine* của Nguyễn-văn-Vinh không còn ai tính đem tái bản, trong khi một sô tiểu thuyết tầm thường vẫn được in đi in lại. Đã vậy dịch mà thất bại thì tất bị người ta bêu môi chê bai rồi ; mà có thành công thì cũng bị chê là không có tài sáng tác mới phải dựa vào công của người khác.

Có ai chịu hiểu cho rằng dịch cũng khó lắm, có phần khó hơn là sáng tác. Khó ngay từ bước đầu, nghĩa là từ lúc lựa lời dịch. Ai cũng biết dịch thì phải đúng từng chữ : đúng nghĩa, đúng ý, đúng thể, đúng giọng, đúng hình ảnh, đúng nhạc điệu. Nhưng làm sao dịch đúng cho hết được ? Trăm lần không được một lần may mắn như vậy. Còn những lần khác thì phải biết lựa chọn, hy sinh, chằm chước. Người ta nói dịch là phản, đó chỉ là lời nói đùa. Tôi nghĩ dịch là chằm chước.



Có hai lỗi chằm-chước trong việc dịch thơ.
● Một là chằm-chước nghĩa mà giữ cái hồn thơ, cái ý, cái nhạc. Các thi sĩ hay dùng lời này. Như Tản Đà dịch cặp thực trong bài *Đăng cao* của Đỗ-Phủ, ra là :

Lào rào lá rụng cây ai đếm ?

Cuồn cuộn sông dài nước chảy đâu ?

thì ngẫm lên thấy thật, nhưng đem so với nguyên văn :

Vô biên lạc một tiêu tiêu hạ,

Bất tận tràng giang còn cồn lại.

ta thấy tài hào họ Nguyễn đã đi quá xa. *Vô biên* mà dịch là *cây ai đếm* thì còn tạm tạm được vì ta có thể hiểu *cây ai đếm* ? là cây nhiều quá không ai đếm cho hết ; chứ *bất tận* mà dịch là *nước chảy đâu* ? thì còn đâu là liên-lạc nữa ?

● Hai là chằm-chước nhạc, hồn thơ để giữ cho đúng nghĩa. Như hai câu :

Thỉnh quân thi vấn đồng lưu thủy,

Biệt ý dư chi thủy đoạn trường.

trong bài *Kim Lăng tửu tử lưu biệt* của Lý-Bạch, mà một nhà nho dịch là.

Xin anh thử hỏi nước dòng trôi,

Ý biệt đem so ai vấn dài ?

thì quả là không thiếu nghĩa một chữ nào cả, nhưng *nước dòng trôi*, nhất là *ý biệt* thì nghe ra cũng gượng.

Ấy đây, cả hai lỗi đều là miễn cưỡng cả, lỗi nào cũng có khuyết điểm. Biết lựa ra sao ?

Tôi đôi khi cao hứng dịch thơ Trung-Hoa, lần nào cũng phân vân trước vắn-đề nguyên-tác đó. Không biết trong lòng ông Bùi-Khánh-Đàn có sự xung đột ấy không, nhưng đọc những bài dịch vắn của ông, thì thấy rõ là ông theo lời thứ nhì, tức lời dịch cho sát nghĩa. Ông lựa lời đó thực là hợp với mục-dịch của ông : dọn vườn để đón khách xem hoa, như tôi đã nói.



Chúng ta thử xét ông có thành công hay không. Dịch đã là chằm-chước thì xét những bản dịch lại càng phải chằm-chước. Dịch năm trăm rưỡi bài thơ là một công việc đáng kể. Ai đã kinh nghiệm tất phải nhận rằng có bài 8 câu dịch xuôi được 6 rưỡi, chỉ còn 2 câu nữa mà xoay xở cách nào cũng không ổn, phải bỏ, đổi vắn và dịch đi dịch lại năm sáu lần mới được vừa ý. Như vậy thì năm trăm bài dịch không thể đắc ý được cả năm trăm, cũng khó đắc ý được lấy năm chục ; câu được mười lăm, hai chục bài là đủ mãn nguyện. Cho nên phân tích kỹ *Đường thi trích dịch* là một việc không nên và ở dưới đây, tôi chỉ xin góp vài thiện ý với ông Bùi rồi giới thiệu những dụng công của ông với độc giả.

Tự nhiên tôi nghĩ ngay đến bài đầu tiên ông Bùi dịch trong cái đêm xuân ở Hà-Nội, trên Hồ-Tây, tức bài *Tặng biệt Nghiêm-Sĩ-Nguyên* của Lưu-Tường-Khanh :

*Xuân phong ý trạo Hạp-Lư thành
Thủy quốc xuân hàn ẩm phục tình.*

Tế vũ thấp y khan bất kiến,
 Nhàn hoa lạc địa thính vô thanh.
 Nhật tà giang thượng cô phàm ảnh,
 Thảo lục hồ nam vạn lý tình.
 Đông đạo nhược phùng tương thức vấn
 Thanh bào kim dĩ nội nho sinh.

Bài đó ông Đỗ-Bằng-Đoàn dịch nghĩa rất dùng những chữ nào cần thêm cho hết ý thì ông đặt trong dấu ngoặc và chỉ diễn cho vừa đủ chứ không bàn rộng.

- 1.— *Gió xuân nổi, gác mái chèo ở bên thành Hạp-lư.*
- 2.— *Nơi thủy quốc, khí xuân lạnh, trời lúc đêm lúc tanh.*
- 3.— *Những hạt mưa nhỏ ngấm (1) ướt áo mà trông không thấy (Phân nân bị kẻ ngày ngày dèm pha, mình không biết để phân trần đến nỗi bị đuổi, cũng như hạt mưa nhỏ ướt áo lúc nào không biết).*
- 4.— *Cánh hoa đẹp rụng xuống đất, nghe không thấy tiếng (Nhàn hoa: Hoa đã hết mùa xuân không có người thưởng ngoạn, ý nói kẻ sĩ bị ruồng bỏ).*
- 5.— *Lúc chiều ở trên sông (thấy) bóng một cánh buồm (ý nói phiêu-lưu).*
- 6.— *Cỏ xanh phía nam hồ, gọi đến tình (bè bạn cách xa) muôn dặm.*
- 7.— *(Ông sang) đông đạo (1) hỏi gặp người tương thức hỏi (đến tôi thì nói giúp rằng)*

8.— *Vì áo thanh bào (chức quan nhỏ) nay đã làm lỡ đời kẻ nho sinh.*

Bài thơ rất hàm súc, man mĩ buồn. Hay nhất là cặp thực: đôi khéo, cảnh đẹp, nhạc trong câu bốn (thính vô thanh) rất êm, rõ ra những cánh hoa lặng lẽ rơi xuống đất, mà ý thì bóng bẩy, triển miên. Thật là hoàn toàn.

Không kể câu nhì ba chữ âm phục tình ông Bùi chưa dịch, tôi chỉ xét hai câu tam tứ thôi. Hai chữ *nhàn hoa* thì không thể nào dịch được rồi, chỉ còn cách là chú thích. Nhưng còn sáu chữ *khan bất kiến* và *thính vô thanh*, nó là cái linh hồn của hai câu, thì phải rán lột cho được dù có phải hy-sinh một vài chữ nào khác cũng đành.

Bùi quân dịch là :

*Không nghe hoa rụng rơi đầy đất
 Nào biết mưa bay thấm ướt mình.*

Đã là công phu. Đổi chỉnh. Không sai nghĩa. Nhưng không nghe diễn chưa hết cái ý *thính vô thanh* mà *khan bất kiến* dịch là *nào biết* thì cũng chưa được. Lại thêm âm thanh của câu

Không nghe hoa rụng rơi đầy đất
 nặng nề, không nhẹ nhàng như nguyên văn.

Ôi ! khó sao mà khó ! Tôi biết vậy mà chịu, không sao sửa nổi.

Bài Lũng tây hành của Trần Đào, câu kết cũng chưa lột được hết ý.

Nguyên văn :

*Thệ tảo Hung Nô bất cổ thân.
 Ngũ thiên điều cảm táng Hà trần.
 Khả liên Vô-định hà biên cốt.
 Do thị xuân khuê mộng lý nhân.*

(1) Nên đôi là thăm như trong bài dịch văn thì hơn. Thăm nhẹ hơn ngấm.

(1) Hai chữ *đông đạo* này nếu dịch là đường về phía đông tức Tràng An thì những độc giả ít biết chữ Hán chắc dễ hiểu hơn.

Dịch văn :

Bài ca đi thú ở đất Lũng-Tây

*Thề quyết liềm thân diệt rợ Hồ,
Năm nghìn quân táng đất Hung Nô
Thương thay xương chất bờ Vô-định,
Bao kẻ thâm khuê vẫn đợi chờ.*

Thâm khuê không tính từ bằng xuân khuê, mà mộng lý dịch là vẫn đợi chờ thì hơi hợt quá. Ông Đỗ-Băng-Đoàn dịch nghĩa là người mơ tưởng cũng chưa đúng hẳn. Người mơ tưởng chỉ là người ước ao được gặp ; mộng lý nhân là người thấy trong mộng. Tôi chắc Trần-Đào muốn nói : Đáng thương thay những đồng xương kia vẫn còn là những giấc mộng trong phòng xuân của những thiếu phụ. Như vậy ý mới chua xót, vì thực khác mộng quá xa, mà chữ xuân khuê mới là đặc thể.

Dịch lại những bài mà người trước đã nhiều lần dịch rồi, là một việc rất đáng ngại. Lẽ thứ nhất vì những bài đó đều là những bài hay và khó dịch. Lẽ thứ nhì là mình dịch sau thì phải biết những bản dịch trước, mà khi đã đọc những bản này thì không nhiều cũng ít thể nào cũng chịu ảnh hưởng, mà rồi vô tình dùng lại ít chữ của người trước. Thế là mang tiếng. Cho nên phải rán dịch khác hẳn đi. Nhưng có khi rán mà không được. Chấn hạn nếu ta dịch bài

*Tự quân chi xuất hĩ
Lục thảo biến giai sinh.*

.
.

Của Trần-Hậu-Chư thì câu đầu tự nhiên ai cũng dịch ngay ra là :

*Từ ngày chàng ra đi
nếu dùng thể ngũ ngôn như nguyên tác hoặc :*

*Từ ngày chàng bước ra đi
nếu dùng thể lục bát. Muốn cho khỏi trùng*

với người trước thì đổi ra cách nào được bây giờ.

Có nhận xét như vậy, ta mới thấy công phu của ông Bùi. Như bài *Hoàng-Hạc lâu* của Thôi-Hiệu, từ trước đến nay đã có ít nhất là mười bản dịch, mà những bản của Tán Đà và Ngô-Tất-Tô được nhiều người biết nhất. Chúng tôi xin chép lại đây nguyên văn với hai bản đó và bản của ông Bùi để độc giả so-sánh.

*Tích nhân di thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng-hạc lâu.
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

Tán Đà dịch :

Gác Hoàng-hạc

*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?
Mà đây Hoàng-hạc riêng lầu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-Dương sông tạnh cây bầy,
Bài xa Anh-Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn.
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai !*

Ngô Tất Tô dịch :

Lầu Hoàng-hạc

*Người xưa cưỡi hạc đã lên mây,
Lầu Hạc còn đứng với chốn này.
Một vắng, hạc vàng xa lánh hẳn,
Nghìn năm mây bạc vẫn vờ bay.*

Vàng gieo bên Hán, ngàn cây hừng,
Xanh ngút châu Anh, lớp cỏ dày.
Trời tối quê nhà đâu tá nhĩ?
Đầy sông khói sóng gợi niềm tây.

Ông Bùi Khánh Đan theo bản của Thánh Thán, như trên chúng tôi đã nói, dịch lại là:

Lầu Hoàng-hạc

Người cưỡi hạc vàng xưa đã khuất
Để lầu Hoàng hạc chốn này trơ.
Hạc vàng một biệt không ngày lại
Mây trắng nghìn năm vẫn lững lơ.
Sông tạnh Hán-Dương cây bát ngát
Bãi hoang Anh-Vũ cỏ tiền sơ.
Bông chiều đã ngã, đâu làng cũ
Khói sóng sông đầy khách ngán ngơ.

Bản của Tân-Đà hay ở hai câu cuối, diễn được hết cái hồn thơ trong nguyên tác: Yên ba giang thượng dịch là trên sông khói sóng thì rất đúng mà Sứ nhân sầu dịch là cho buồn lòng ai thì tuyệt: chưa có bản nào lột được chữ nhân như vậy. Nhưng tiếc rằng câu đầu thi sĩ đã phải đổi làm câu hỏi, không đúng ý của Thôi Hiệu; mà dịch lại dùng thể lục bát, mất tính cách đối trong hai cặp thực và luận.

Bản của Ngô-Tắt-Tò, câu cuối kém của Tân-Đà (gợi niềm tây đã sáo mà lại nhạt), cặp luận kém nhất (làm gì có vàng gieo có xanh ngút tình mà dịch là hừng thì ép, lịch lịch, thể thể đều bỏ cả, châu Anh cũng gương vì ta có thể hiểu là Châu Quận); nhưng được hai điểm đáng khen là những câu khác dịch đúng nghĩa lại giữ được thể thất ngôn của nguyên tác.

Bản của ông Bùi-Khánh-Đan không tài tình như của Tân-Đà, ba chữ không ngày lại hơi vụng, ba chữ đâu làng cũ không gợi cảm; nhưng đã giữ được thể thất ngôn mà đủ

nghĩa nhất. Như vậy chủ trương của ông cũng kẻ là đã đạt được.

Nhưng bài Tuyệt cú của Đỗ-Phủ, thì tôi thích bản dịch của Tân-Đà hơn.

Lưỡng cá hoàng li minh thủy liễu
Nhất hàng bạch lộ thương thanh thiên.
Song hàm Tây lĩnh thiên thu tuyết
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

Tuyệt cú

Hai cái oanh vàng kêu liễu liễu,
Một hàng nhạn trắng vút trời xanh,
Nghìn năm tuyết núi song in sắc,
Vạn dặm thuyền Ngô bến rập rình.

Tân Đà

Hai chiếc oanh vàng ca dưới liễu
Một đàn cò trắng lượn trên không.
Đông Ngô muôn dặm thuyền bên cửa,
Tây Lĩnh nghìn năm tuyết trước song.

Bùi Khánh Đan

Bài này, hai câu trên đối nhau, hai câu dưới đối nhau, hợp thành một bộ tứ bình, vẻ nên bốn cảnh rất đẹp. Nhất là hai câu đầu, hoàng li cân với thủy liễu, bạch lộ cân với thanh thiên.

Hai câu trên Tân-Đà dịch rất đúng, rất đối, thương dịch là vút thì từ nghĩa cho đến âm, đều không chê được. Ông Bùi dịch thiếu hai chữ thủy và thanh làm cho kém màu sắc, mà tiếng lượn không đúng nghĩa.

Hai câu dưới Tân-Đà dịch thiếu những chữ Tây và Đông, hàn môn bạc, mà dù in sắc, bến rập rình. Tính cách đối không được trọn vẹn. Ông Bùi đảo câu 4 lên ba, điều đó không hại; dịch đúng hơn, chỉ thiếu hai

chữ *hàm* và *bạc* ; nhưng đọc giả chắc nhận thấy, bỏ hai chữ đó mà không dùng động từ khác nào thay vào thì câu thơ mất tính cách tả cảnh chỉ còn tính cách tự sự kém phần linh động. Vặt xét chung cả bài, thì dịch sót nhiều cũng như Tản-Đà mà tài hoa có kém.

Bồn vắn thơ *Đặng-Vương* các — mà tôi không hiểu tại sao dịch giả không xếp rời làm hai bài từ tuyệt, lại chép chung làm một bài bát cú — dịch cũng không đúng hẳn :

Hạm ngoại Trường giang không tự lưu.
dịch là :

Trường giang muôn thuở chảy bên lầu :
Bản dịch của cụ Á Nam Trần-Tuân-Khải (1) cũng chưa sát nhưng toàn bài có một giọng buồn man mác, dễ yêu hơn bản của ông Bùi.



Tôi chưa có thì giờ đọc kỹ cả cuốn nhưng cũng đã gặp được mười bài dịch khá, như *Mã Ngôi* của Lý-Thương-Ẩn, *Tây Tái sơn hoài cổ* của Lưu-Vũ-Tích, *Dã Vọng* của Vương Tích, *Trừ dạ tức Thạch-Đầu* dịch của Đái-Thúc-Luân, *Khúc giang đôi tầu* của Đỗ-Phủ, *Tình trụ Ngũ-trương* nguyên của Đỗ-Phủ, *Đề trương Tư-mã biệt thự* của Lý-Tấn, *Kinh Dương-Đề hành cung* của Lưu-Thương, *Xuân nhật ngẫu tác* của Ôn-Đình-Quân, *Xuân giang hoa nguyệt dạ* của Trương-Nhược-Hư (bài này dịch đủ nghĩa hơn bài dịch của Trần-Trọng-Kim, tiếc rằng ông Bùi ba bốn lần dùng chữ *nguyệt* thay chữ *trăng* thành thử kém phần linh-lung ; giá từ đầu tới cuối chỉ dùng chữ *trăng*, cho nó láy đi láy lại hoài thì phải hơn...)

Vì sách không bán, nên tôi xin phép dịch giả chép lại đây hai bài dịch đặc ý để giới

thiệu với đọc giả. Một bài giữ được nguyên thể :

Tây Tái-Sơn hoài cổ

Vương Tuấn lầu thuyền hạ *Ich châu*,
Kim-Lang vọng khí âm nhiên thâu.
Thiên tâm thiết tỏa trầm giang để,
Nhất phiên hàng phiên xuất *Thạch-Đầu*.
Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự,
Sơn hình y cự chằm hàn lưu
Kim phùng tức hải vi gia nhật,
Cổ lũy tiền tiền lưu địch thu.

Lưu-Vũ-Tích

Dịch :

Tây Tái-Sơn hoài cổ

Vương Tuấn lầu thuyền xuống *Ich châu*,
Kim-Lang vọng khí bỗng rầu rầu.
Nghìn tâm xích sắt chìm chân sóng,
Một ngọn hàng phiên lộ *Thạch-Đầu*.
Cõi thế bao phen buồn chuyện cũ,
Hình non muôn thửa gởi dòng sâu.
Nay mừng bốn bể cùng chung mối,
Hin hát thành xưa mấy khóm lau.

Mười phần dịch đúng đến chín, câu cuối hay.

Và một bài dùng thể lục bát ;

Trừ dạ tức Thạch-Đầu dịch

Lữ quán thùi tương vẫn ?
Hàn đăng độc khả thân.
Nhất niên tương tận dạ,
Vạn lý vị quy nhân
Liêu-lạc bi tiền sự
Chi ly tiễn thử thân.
Sân nhan dư suy mẩn
Minh nhật hieu phùng xuân.

Đái-Thúc-Luân

(1) *Văn-Hóa tạp-chí* số 1 tháng hai năm 1959.

Dịch :

Đêm trừ tịch ngủ ở trạm Thạch-Đầu

*Quê người ai kẻ hỏi han,
Bạn thân duy ngọn đèn tàn lạnh soi.
Đêm nay là hết năm rồi,
Đường về muôn dặm mà người vẫn xa.
Long đong buồn chuyện đã qua,
Tình đời lạnh nhạt nghĩ ta đáng cười.
Má dần cùng mái tóc phai,
Bẽ bàng lại đón ngày mai xuân về.*

Ngũ ngôn dịch ra lục bát thì cứ hai câu thêm bốn chữ (một bên là 5+5 ; một bên là 6+8), thêm chữ tức là thêm ý (chẳng hạn thêm tình đời, bẽ bàng), nhưng cả bài nghĩa không thiếu mà không sai, lời êm, nhã, mà chữ chia ly dịch đúng nghĩa là lạnh nhạt, như vậy là thành công.

Ngoài ra, còn có những bài dịch không đều, được ba bốn câu hay, như bài vô đề của Lý-thương-Ẩn, mà bốn câu đầu :

*Tương kiến thời nan biệt diệc nan
Đông phong vô lực bách hoa tàn
Xuân tâm đáo tí ty phương tận,
Lạp cự thành hồi lệ thủy can
.....*

Ông Bùi dịch là :

*Khó gặp nhau càng khó biệt nhau,
Gió đông nỡ để cánh hoa rầu.
Thân tâm đến thác tơ còn vương,
Ngọn nến thành than lệ mới lau.
.....*

thì lời tha thiết, giọng xưa lắm, chỉ tiếc vẫn au bắt buộc ông hạ chữ lau, ép quá. (Chính vẫn là can nghĩa là khô). Nhưng bốn câu sau dịch kém, kém nhất là câu cuối :

Thanh điếu nhờ thăm đã khẩn cầu.

Tôi biết ông đã khổ tâm lắm mới hạ ba chữ đã khẩn cầu !



Xét toàn thể, mới thấy công phu của ông Bùi. Ông đã tự ép mình vào những quy tắc chặt chẽ.

Quy tắc thứ nhất là trình bày nhất hệ từng mục. Phần thất ngôn luật gồm 107 bài, ông đều dịch ra thất ngôn luật. Phần thất ngôn tuyệt cú, cũng vậy dịch thành toàn thất ngôn tuyệt cú, phần ngũ ngôn luật vì ý hàm súc quá, ông không thể giữ nguyên thể được, phải dịch ra lục bát ; phần ngũ ngôn tuyệt cú, mỗi bài có hai bản dịch vẫn : một bản ngũ ngôn, một bản lục bát.

Quy tắc thứ nhì là ông giữ niêm luật rất kỹ, cả những bài cổ phong cũng dịch ra luật thi, như bài *Tạp thi* của Vương-Duy :

*Quán tịch cổ hương lai.
Ứng tri cổ hương sự.
Lai nhật ý song tiền
Hàn mai trước hoa vị.*

Dịch là :

*Ông tự quê ra chơi
Chuyện quê chắc rõ rồi.
Khi qua bên cửa sổ
Có thấy hoa mai tươi ?*

Quy tắc thứ ba là hạ vần rất kỹ, chẳng hạn không cho ông vần với ôn, ang vần với an, âm với ần, iêm với yên...

Những điều đó, hệ đề ý là nhận thấy ; nhưng còn những dụng công dưới đây thì tôi xin thú thực chính ông đã vạch cho tôi xét.

— rất ít khi hai bài liền nhau mà trùng vần,

— rất ít dùng vần đời, vì vần đó dễ dùng nhất,

— Sau cùng, rón tránh nguyên-vận.

Tôi nghĩ không nên câu chấp quá. Dịch chỉ cần hay và đúng, còn dùng nguyên vận hay không, không thành vấn đề. Và tôi chắc rằng bài *Mã Ngôi*, bài *Tây Tái-Sơn hoai* có nếu không dùng nguyên vận thì ông đã không thành công được như ý muốn. Nhưng tôi cũng nhận như André Gide rằng « nghệ thuật sống là nhờ bỏ buộc », và biết tự đặt những quy tắc nghiêm khắc thế này, ông Bùi đã có một lòng yêu nghệ thuật đáng quý mà công phu dịch văn của ông không kém công phu tra cứu điển tích, giải thích và dịch nghĩa của ông Đỗ.

Yêu nghệ thuật đã đành rồi, mà cũng phải thầy phảng phất trong tâm sự cổ nhân một chút tâm sự của mình nữa, thì mới có thể cặm cụi trong ba bốn năm như hai ông để làm một công việc mà nhiều người thời này có thể cho là phí sức.

Cuối bài *Đế* đánh máy riêng lên một miếng giấy nhỏ rồi khiêm tốn nhét vào đầu phần ngũ ngôn luật (1), ông Bùi-Khánh-Đản có hai câu :

*Chép lại lòng người trước
Trông đầu viết ý mình.*

Vâng, tôi hiểu lắm. Hai ông đã gởi nhiều tâm sự của mình trong dịch phẩm. Sao người ta cứ bảo rằng dịch không phải sáng tác nhỉ ? Đọc kia còn là cộng tác với tác giả, hưởng hổi là dịch !

Tôi mong rằng sau khi thu thập được ý kiến của hàng trăm « khách thăm hoa », hai ông sẽ sửa chữa lại, rồi xuất bản, và tiếp tục dịch nốt thu tập cho đủ bộ.

Thề nào, không sớm thì muộn, một ngày kia nước mình cũng phải dịch những danh tác căn bản của khắp thế giới, về mọi khu vực : triết học, văn học, sử học, khoa học.... Riêng về Trung-Hoa, tôi đoán phỏng chừng ít nhất cũng trăm bộ. Lúc đó chắc chắn chúng ta đã có sẵn được một bộ, tức bộ *Đường Thi trích dịch* của hai người yêu thơ : ông Đỗ và ông Bùi.

Sài-gòn 16-12-1959
NGUYỄN-HIỀN-LÊ

(1) Tất cả có bốn bài *Đế*—Coi Bách Khoa số 71

Đã có bán VĂN-HÓA Á-CHÂU Số 21, Tháng 12

Với những bài : TÍN NGƯỞNG TÂY TẠNG (Nguyễn-Đăng-Thục) — TÌM HIỂU HAI LÀNG TIỀN ĐIỂN VÀ UY VIỄN (Ng. Thiệu-Lâu) — LƯỢC KHẢO VỀ HAI CUỐN BINH THƯ VIỆT NAM (Phan-Lạc-Tuyên) — ÓC CHÂM BIÊM, HÀI HƯỚC VÀ TRÀO PHÚNG TRONG VĂN-CHƯƠNG VIỆT NAM (Hiệu-Chân) — ÔN LẠI CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (Ng. Công-Huân) — CUỘC ĐỜI VÀ THI NGHIỆP HÀN MẠC TỬ (Đường-Bá-Bôn) — VĨNH HÔN VÀ LY DỊ (Hoài-Kim-Yên) — BẢNG KÊ TẬP SAN ĐÔNG-DƯƠNG VÀ VIỆT NAM (Nguyễn-Hùng-Cường) — TIỀNG NÓI CỦA TÁC GIẢ CUỐN VIỆT NAM VĂN HỌC TOÀN THƯ (Hoàng-Trọng-Miên) — CÁC NHÀ VĂN THƠ ĐỘC LẬP MIỀN NAM 1945-1950 (Thề-Phong).

Khắp mọi các hiệu sách và trụ-sở của Hội V.N.N.C.L.L.V.H.A.C.
201, Lê văn Duyệt Đ.T. : 24.655. Giá 20 đồng.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại lộ* NGUYỄN - HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 *A Queen's Road Central*

Tél. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1 000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. *A.) ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Legos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bala (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT-NAM KHUYẾT TRƯỞNG KỸ-NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Thư-Quán **XUÂN-THU**

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn phòng

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS, RÉSERVATIONS
65, RUE LE THANH-TON - SAIGON

TÉL. : { 22.102
SGN. 34

TRẢ LỜI CUỘC PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

✱ XLII.— BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Sanh năm 1914 tại Tân-uyên (Biên-hòa).

Tên thật là Tô-Văn-Tuân. Sau khi ra trường, đi buôn, rồi làm công chức; sau cuộc cách mạng 1945, chuyên sống về nghề viết. Hiện chủ trương nhà xuất bản «Bền Nghé» và tuần báo «Vui Sống».

Nhập tịch vào làng văn từ 1943 (nhóm «Thanh niên» ở Nam). Tác phẩm đầu tay: «Hương gió Đông-nai», bản thảo bị thất lạc trong thời tản cư.

Từ 1950, cộng tác với hầu hết các báo ở miền Nam. Có lẽ là nhà văn sáng tác đều và nhiều nhất hiện giờ ở nước Việt tự-do: mười bài thơ, vài tập truyện bằng thơ, 15 truyện dài, 500 truyện ngắn, nhưng mới được xuất bản một tập truyện ngắn: Nhốt gió, (1951) và tự xuất - bản trong năm 1959 hai cuốn truyện dài: (Đò dọc, Gieo gió gặt bão.)

Hỏi tôi những truyện ngắn nào hay, tôi đáp rất dễ-dàng, nhưng hỏi truyện hay nhất thì tôi bồi rồi quá. Vẽ đẹp thiên-hình vạn-trạng, khó mà cho rằng màu hồng đẹp hơn màu xanh.

Nhưng chắc nhà báo cũng định hỏi thử xem sao thì tôi cũng xin chọn thử vậy.

Tôi nghĩ đến truyện «Ma đậu» của Bùi-Hiền; trước nhất vì tôi thấy đó là một truyện ngắn dựng lên chặt-chẻ nhất. Nhưng tôi chợt nhận thức rằng truyện ấy chỉ hay nhất về hình thức thôi, chứ nội dung không có gì nên tôi lại đổi ý. Tôi rất trọng hình-thức, nhưng không thể bỏ qua nội-dung được.

Xin nhắc rằng «Ma đậu» là truyện chót

trong tập truyện ngắn nhan là «Năm vạ» của Bùi-Hiền, do nhà Đời-Nay xuất-bản lần đầu hồi tiền-chiến (1). Truyện kể một mưu-mẹo tài tình mà một ông lão nhà quê dùng để cho chị vợ nọ thuận ăn ở với một anh chồng cục-mịch.

Tôi khỏi phải do-dự lâu trước hai truyện nổi tiếng khác là truyện «Sợi tóc» của Thạch-Lam (2) và truyện «Năm hạn» của Trần-Tiêu.

Truyện «Sợi tóc» mà ai cũng biết, rất nặng phần phân-tách (theo kiểu Stefan Zweig)

(1) Năm 1941. (Tất cả lời chú trong loạt bài kỳ này đều là của người phụ trách cuộc phỏng vấn.)

(2) Đời-Nay xuất bản, Hà-nội, 1942. Phượng-Giang vừa tái bản.

nền mặc dầu sâu sắc, nó không đáng là một truyện ngắn theo quan-niệm của toàn thể thế-giới. Nên nhớ là thế-giới xem Marcel Proust là nhà văn hơn là nhà tiểu-thuyết, và xem Stefan Zweig là nhà văn hơn là nhà truyện ngắn, vì tiểu-thuyết và truyện ngắn phải có đức tánh khác hơn là chỉ phân-tách sâu-sắc thôi.

Vậy tôi chọn ngay truyện «*Năm hạn*», «*Năm hạn*» là truyện đầu của tập truyện ngắn nhan là «*Truyện quê*» do nhà «*Lưom lúa vàng*» xuất-bản hồi tiền chiến (2).

Truyện bắt đầu bằng một cảnh bồi rồi của dân làng nơi một xóm quê kia. Kể mang gừng, người rệu thuốc, dân làng chạy tới chạy lui lảng-xăng vì trong làng có một con bệnh nguy. Con bệnh ấy phải là người quan-trọng, con ông Chánh-tổng chẳng hạn, vì cả vùng nhao-nhao lên kia mà, và hẳn phải là một nhơn-vật rất được cảm tình, vì ai cũng xót xa vì bệnh-trạng của hẳn.

Tác-giả tả cảnh bồi-rời, xót xa nầy rất hoạt và rất hay. Câu chuyện cứ kéo dài như thế cho đến khi chấm dứt người đọc mới được biết con bệnh mà sở mạng làm hối-hộp cả một vùng ấy là một.... con trâu.

Vậy, con trâu độc nhứt trong vùng mà người dân ai cũng nhờ nó để cày bừa cho đỡ nhọc, con trâu cứu tinh ấy hấp-hối thì người ta xót xa vì nó hơn là vua chết, không còn làm ngạc-nhiên ai nữa.

Thăm cảnh của dân quê miền châu-thỏ Nhì-hà, tác-giả đã đưa ra một cách thán-nhiên, lạnh-lùng, nhưng hùng-biến, không nói ra mà người đọc thấy ngay, linh-hoạt hơn lời phân tách sâu-sắc nào cả. Nghệ-thuật là ở chỗ đó : để sự việc nói thay cho tác-giả.

(2) Hà-nội, 1942.

Nghệ-thuật của tác-giả ở đây, làm ta nhớ đến nghệ-thuật của Somerset Maugham trong truyện ngắn «*Mr. Know-All*». (3) Trong truyện nầy nhà văn Anh chỉ tả từ đầu đến gần cuối sự làm phách của một anh chàng kia. Nhưng đại ý của câu chuyện thì khác : đó là truyện tả cái cao cả của một sự hi-sanh, anh chàng làm phách hi-sanh lòng tự-ái của hẳn. Nhưng nghệ-thuật siêu-việt của Maugham khiến nhiều người hiểu lầm, hoặc không thấy đại ý câu chuyện, hoặc thấy, nhưng cho là truyện thiếu thăng bằng, cái đoạn tả sự làm phách dài quá.

Sự thật thì chính nghệ-thuật là ở chỗ đó. Sự làm phách càng được nói đến nhiều thì sự hi-sanh lòng tự-ái mới thấy là to tát, mà tác-giả khỏi nói ra là nó to tát.

Nghệ-thuật của Trần-Tiêu cũng thế. Sự bồi rồi, xót xa của dân làng càng được tả nhiều thì cái chết của con bệnh mới thấy là quan-trọng, và con bệnh mới thấy là cần thiết cho họ, và như thế cái khổ minh-mông của họ, khỏi phải nói ra, vẫn rõ bong bong và đánh mạnh vào lòng ta hơn là lời thuyết dụ nào cả.

(3) Thạch-Lam dịch là «*Ông Tự-Vị*» (*Bình-Nguyên-Lộc* chủ) Chúng tôi nhớ có đọc truyện dịch này trong báo «*Ngày Nay*» vào khoảng năm 1940 và nhớ dịch-giả là Thế-Lữ, chứ chẳng phải là Thạch-Lam. Rất có thể là bản dịch ấy viết tắt T.L., anh Bình-Nguyên-Lộc hiểu là Thạch-Lam, còn chúng tôi lại hiểu là Thế-Lữ, vì thấy Thế-Lữ hay dịch truyện và tiểu-thuyết Anh. Đoán rằng nay chỉ có mình ông Nhất-Linh là có thể có trọn bộ *Ngày Nay*, chúng tôi có thư nhờ ông cho biết chi tiết này, nhưng chẳng được ông trả lời. Vậy bạn nào biết chắc tên dịch-giả thì xin cho chúng tôi rõ (còn may hơn nữa, bạn nào còn giữ được số *Ngày Nay* ấy, xin cho biết thêm số và ngày). Mới đây, trên báo *Ngày Mới* (số 6, bộ mới, ngày 8-5-1959), có đăng một bản dịch của Quốc-Ấn, nhan là «*Ông Bách-Khoa*», (*Lời chủ của Nguyễn-Ngu-I*)

Vậy tôi chọn truyện « Năm hạn » vì truyện này có một nội dung hay và nội dung này được nâng đỡ bằng một nghệ-thuật tuyệt vời.



Truyện ngắn ngoại quốc nào hay nhất à ? Phần đông bạn hữu tôi đều cho là truyện « Ông Tự Vị » nói trên hay nhất. Nhưng theo tôi thì truyện « Johnny, người gấu » của John Steinbeck mới là truyện hay nhất.

Nhà xuất bản Pierre Seghers ở Ba-Lê có ấn hành một tập nhan là « Hai mươi tác phẩm truyện hay nhất của Hoa-Kỳ » do ông Alain Bosquet chọn truyện. Nhưng ông A. B. đã chọn truyện « Người lãnh tụ » của John Steinbeck mà đáng lý gì phải chọn truyện « Johnny, người gấu » mới phải.

Thế mới biết việc chọn truyện thay đổi từng người, tùy sở-thích từng người. Nhưng lý-do của ai vững thì sự lựa chọn của người này là đúng. Mà khổ là ai cũng tưởng lý do của mình là đúng. Vậy bạn đọc cứ tin theo lý do nào hợp với quan-niệm của bạn. Ta nên hiểu đây là một cuộc dò thử của nhà báo, chứ không phải là một cuộc triển-lãm khuôn vàng thước ngọc, cần phải nghe theo, và xin bạn trẻ chớ tin tôi lắm, mà nên vận dụng trí phán-đoán riêng của các bạn.

Tiện đây cũng xin nhắc rằng có những tập truyện ngắn Pháp nhan là « Năm mươi bốn truyện ngắn quốc tế hay nhất », hoặc « Những truyện ngắn quốc tế hay nhất ».

Nên biết rằng đó là những truyện dự thi, trong một năm, do một tạp chí kia đề xướng(1), chứ không phải là đó là những chuyện từ cổ chí kim, và nhất là những truyện của những

người chịu dự thi, phần đông là những người mới viết, chứ không của phải toàn thể văn nhân thế giới.



« Johnny, người gấu » đăng trong tập « Thung lũng lớn » của John, Steinbeck.

Loma, một làng hẻo lánh trong tiểu-bang Californie, là nơi cò ho khi gáy. Tôi tôi đồn ông trong làng không biết giải-trí ở đâu, nên tụ họp tại quán rượu Buffalo để uống whisky và tán truyện gấu.

Quán Buffalo có một ẩm khách kỳ-dị. Đó là một đứa đàn-độn trong làng, không nói được một câu có nghĩa, nhưng có tài nhái giọng người khác. Nó nhái y hệt đến chính người bị nhái cũng phải kinh-ngạc. Nó cao lớn đĩnh-dàng, bộ tịch chậm-chạp và đi đứng êm ái y hệt như một con gấu, nên người ta thường gọi nó là Johnny-người-gấu.

Người gấu thích uống whisky mà không tiền, nên hay chà lết ở quán rượu vào giờ đầu hôm, nhái một mẫu chuyện nghe lóm được ở đâu đó, để được khách tò mò thưởng rượu cho.

Người gấu hay rình để bắt chợt chuyện thầm kín của người khác để có đề tài nhái họ mỗi đêm. Không vách nhà, không bụi rậm nào giữ nhem chuyện gì được đòi với hắn.

Người đời luôn luôn tò mò để biết chuyện xấu của thiên hạ, vợ ai chửi ai như thế nào, ông chủ ve vãn cô thợ ký làm sao v.v..., nên hắn ta đêm nào cũng có rượu uống phủ-phê. Khách hàng của quán rượu ai cũng sợ bị hắn phanh-phui chuyện riêng mà không làm gì hắn được vì hắn to lớn vạm-vỡ lắm, nhưng ai cũng thích hắn tiết lộ chuyện riêng của kẻ khác.

(1) Rõ ràng hơn là do nhật báo « New York Herald Tribune » và Hãng Báo-chí ở Luân-Đôn và ở Nữu-Uớc tổ chức lần đầu năm 1952, với sự hợp tác của 23 quốc gia trên khắp thế giới.

TRẢ LỜI CUỘC PHÒNG-VẤN

Mỗi tối người-gấu lòi ra một mẩu chuyện bất ngờ mà hẳn nghe lóm được đêm rồi dưới cửa sổ các tư gia. Nó không kể chuyện mà chỉ nhái lời và giọng của hai người nào đó thôi. Không-khí ghê sợ như có ma hay có tay phù-thủy nào xen vào đời tư của mỗi người. Người ta hồi-hộp nín thở mà nghe con đống cốt ấy tỏ cáo mọi việc bí ẩn xảy ra trong vùng.

Một hôm, theo lệ thường, người gấu vào quán Baffalo và bắt đầu quay cái đĩa hát miêng kỳ-di mà hẳn vừa thu-thanh được đêm qua. Lần này giọng hai phụ-nữ làm cho thính-giả thoát thất-vọng. À, vợ chửi chồng, ông chủ ve chị vú, nghĩa là phải một nam một nữ thì nghe mới hấp-dẫn, chớ còn hai bà nói với nhau thì còn thú-vị gì. Hơn nữa đó là hai bà đạo-đức thì có gì lộn xộn trong đời họ đâu mà nghe cho mất công.

Hai bà bị nhái là hai cô gái già, tên Emaly và Amy, hai chị em ruột, con của một nghị-sĩ ngày xưa. Là chủ đồn-điền giàu có, hai chị em rất đoan-trang, rất mộ đạo và ưa làm việc phước-thiện. Trong làng, người ta nêu đời sống của hai chị em ra để làm gương mẫu cho con cái họ.

Thằng người-gấu không được một giọt rượu nào. Nhưng mà kìa, nó lại nhái giọng cô chị để máng cô em về sự động cón của cô này trong những lúc đêm khuya canh vắng. Sự kinh-ngạc của thính-giả lên đến cực độ. Cho đến anh chủ quán keo-kiệt Carl, cũng rót rượu mà thường cao tên phù-thủy đáng sợ này. Người ta còn muốn nghe tiếp cho biết chuyện gì đã xảy ra sau công kin tường cao kia, vì có một câu của Emaly hơi tối nghĩa. « Tao không bao giờ dè, nếu tao không thấy máy như vậy. Máy là con quỉ! »

Thầy kiêu ăn được, người gấu tiếp tục rình nhà hai chị em cô gái già ấy. Rồi cứ mỗi đầu hôm nó một phát giác thêm một mẩu chuyện rọi ánh sáng ghê rợn vào gia đình đoan chánh đó.

Một đêm kia, khi nghe nó, người ta mới hay rằng cô Amy đã treo cổ tự tử. Vị bác-sĩ riêng của gia-đình đến cứu chữa và nói cho cô Emaly biết rằng cô Amy đã mang thai.

Mẩu chuyện cuối cùng về nhà ấy, cho người ta biết đoạn đầu của cuộc sa-đọa của cô gái già đạo-đức : mỗi tối một anh tá-điền Trung-Hoa, vào nhà dạy Amy học tiếng Khách...

Viết truyện ngắn này, hình như J. Steinbeck thách đồ cả làng văn thê-giới. Nhà văn ấy cô chọn một đề-tài sáo, một câu chuyện thường hay xảy ra, và đã được khai-thác nhiều lần rồi. Nhưng quả chưa nhà văn nào khai-thác đề tài cũ ấy được hấp-dẫn cả. Như ông, như tôi, người ta đã trình bày câu chuyện theo một mạch tự-nhiên : Hai cô gái già đoan - chính sống hòa-thuận với nhau trong sự kính nể của người chung quanh. Bỗng dưng một cái, một cô mang thai, rồi tự tử. Như thế thì ai nói cũng được, không đợi đến nghệ-thuật tuyệt xảo của một nhà tiểu-thuyết nữa.

Một truyện ngắn hay phải có đủ những đức tính này : nội-dung câu chuyện và nghệ-thuật. Câu chuyện lắm khi không cần mà người đọc vẫn không thấy chán nhờ nghệ-bù qua.

Nghệ-thuật thì gồm lời dựng truyện, cách bố-trí, hành văn và linh hồn truyện, tức là những chi-tiết nhỏ, những ý nghĩ nhỏ rải-rác trong đó.

Xin các bạn chớ ngạc-nhiên mà thầy tôi

ĐỘC-GIÁ BÁCH-KHOA GÓP Ý-KIẾN

không đá động đến hai điểm cuối cùng : hành văn và hồn truyện khi chọn truyện ngắn hay nhứt ở trên.

Tôi chỉ noi gương các nhà chọn truyện thể-giới mà làm việc thôi. Thường thì người ta lấy truyện đã ra truyện rồi mà chọn, tức là lấy những truyện văn đã hay và đã có hồn. Những truyện khác, mặc dầu nội-dung sâu-sắc, bố-trí tài-tình bao nhiêu, mà hổng về văn, về hồn, thì đã bị loại, không thể nào in được, thì không còn vấn-đề chọn lọc nữa.

Vậy những chuyện được đưa ra chọn là

ngắm hiểu với nhau rằng đó là những truyện đã hay rồi về hành văn và đã có hồn rồi.

Các nhà phê-bình ngoại-quốc cũng ít khi nói đến văn cũng vì lẽ trên.

Trở lại vấn-đề chánh. Hai truyện **Năm hạn** và **Johnny, Người gấu** có đủ đức tánh vừa nói qua, nên xin cử nó là hai truyện đầu đàn của ta và của thể-giới.

Có lẽ tôi chủ-quan. Nhưng tôi thành-thật.

Sài-gòn ngày 18-3-1959

BÌNH-NGUYỄN-LỘC



★ ĐỘC-GIÁ BÁCH-KHOA GÓP Ý KIẾN :

Lời nói đầu của người phụ trách cuộc phỏng-vấn.

Kỳ này, chúng tôi xin giới-thiệu cùng quý bạn bốn người... bạn của Bách-Khoa trong số những bạn đã viết thư và góp ý. Đó là bốn bạn : **ĐẶNG-TRẦN-HUÂN**, **PHAN-NAM-XUYÊN**, **VŨ-HÂN** và một độc-giá không cho biết tên ở Côn-đảo.

Bạn thì mang quân-phục, bạn thì là một nhà mô-phạm, bạn lại từng viết sách, làm thơ, đang dưỡng bệnh ở bển Hàn-giang, bạn là một phạm nhân hành-trị còn ở đảo Côn-sơn, tuy có khác nhau vì « nghề », nhưng lại cùng chung một « nghiệp » : nghiệp văn-chương. Nên bốn bạn đã sốt-sắng cầm bút mà góp ý, tỏ tình, về mấy câu hỏi của cuộc phỏng-vấn do chúng tôi phụ-trách

Để rộng đường bàn, xét, chúng tôi xin đăng bài bốn bạn trên đây, theo thứ tự nhận được. Mong rằng các bài này, vì chẳng đem lại điều gì mới, lạ, cũng nói được chút gì..., chẳng hạn chút tình của vài bạn đọc của Bách-Khoa, đã chẳng thờ-ơ với một việc-làm văn-nghệ do tờ tạp-chí của mình đề-xướng.

Và với ý-kiến của bốn bạn đọc này, là cuộc phỏng-vấn chấm-dứt. Xin mời các bạn xem bài tổng-kết trong số Kỷ-niệm đệ-tam châu-niên.

NGUYỄN-NGU-Í

★ XLIII.— Đặng-Trần-Huân

(...) Xin góp ý kiến về «truyện ngắn hay nhất». Trong mục này, ông có phòng văn nhiều nhà văn. Tôi muốn trả lời quá, nhưng không phải là nhà văn mà chỉ mới là độc giả. Vậy xin trả lời *để mà chơi* (1) để ông biết ý kiến của một «phi văn sĩ» và để giải thoát một cái gì trong lòng tôi mà không biết nói với ai.

I.— Truyện ngắn Việt

Không thể nói một truyện ngắn thích nhất. Tôi chỉ có thể nói những truyện ngắn tôi thích nhất :

a)— Truyện NHÀ BÊN KIA (2) của Đỗ-Đức-Thu. Tôi thích truyện này vì nó như một phim chớp bóng. Chỉ ngồi nhìn những bóng đen bên nhà hàng xóm qua cửa sổ mà đoán ra câu chuyện như đi xem phim câm, quả là thích thú vô cùng. Đọc «Nhà bên kia» của Đỗ-Đức-Thu, tôi thích như xem phim «Fenêtre sur cour» (3) hay tiểu thuyết «Grand Hôtel» của Vicki Baum vậy. Cái khoái của một người nhìn qua lỗ khóa.

b)— Truyện TIỀNG SÁO của Thạch-Lam (đăng trong *Nắng trong vườn*) (4). Xem truyện như lạc vào cõi mộng. Không khí lãng mạn của câu chuyện làm mình quên cả cuộc đời hỗn-độn ngoài thực tế.

c)— Một truyện trào phúng tôi rất thích mà chắc ông chưa đọc vì tác giả không nổi tiếng và đã chết. Chính tôi cũng quên tên. Đó là một truyện ngắn của Tùng-Khanh

(1) Tuy tác-giả bảo «trả lời *để mà chơi*», nhưng mà chúng tôi thấy rằng thật sự ông bận họ Đặng-Trần trả lời khá kỹ-càng và rất duyên dáng nữa.

(2) Trong tập truyện ngắn do Cộng-lực (Hà-nội) xuất-bản năm 1942, nhan mang tên truyện ngắn này.

(3) Do Alfred Hitchcock đạo diễn

(4) Đời-Nay, Hà-nội, 1938.

đăng trong tuần báo «Thanh-Niên», xuất-bản ở Hà-Nội hồi 1950-1953. Có lẽ tên truyện là «GÁC CHO THUÊ». Truyện tả một thanh niên nghèo thuê nhà được con gái chủ nhà mề. Nhưng vì ở trên gác mà chủ nhà quá khó tính không chịu mở cửa cầu thang về đêm nên thanh niên này đã phải đại tiện vào một tờ báo rồi ném qua cửa sổ sang nhà hàng xóm. Không may, vì lúng túng quá, gói phân đã rớt xuống sân nhà dưới. Cô con gái chủ nhà tưởng thanh niên gửi quà tỏ tình, ngược mắt lên gác cười túm rồi chạy ra nhặt vội... gói phân.

Câu chuyện giản dị như thề nhưng Tùng-Khanh viết rất có duyên, vừa sâu cay vừa buồn cười.

Tôi phục «Khao» của Đỗ-Phấn, «Sở đồ» của Vũ-Trọng-Phụng, nhưng Đỗ-Phấn tàn ác quá, và V.Tr.Ph. hể quá. Và cả Đ.Ph. lẫn V.Tr.Ph. chỉ làm ta mỉm cười chứ không bắt ta bật cười ra tiếng như Tùng-Khanh.

Đọc «Gác cho thuê», tôi thấy như xem phim Charlot, có giá trị cả về khôi hài lẫn trào phúng.

2.— Truyện ngắn ngoại quốc

a) Tôi thích nhất truyện *Pluie* (Mưa) của Somerset Maugham (đăng trong tập *L'archipel aux sirènes*).

Truyện không có gì nhưng đọc rất ham. Truyện tả một giáo-sĩ tới một hòn đảo ở Thái-Bình-Dương rất bất bình về cuộc sống trụy lạc tại đây. Ông đã mang hết tâm trí, tài năng ra để thuyết phục một thương nữ trở về đời sống lương thiện. Nhưng cuối cùng chính giáo-sĩ đã sa ngã và đã phạm tội với người kỹ nữ ấy. Hồi hận ông cứ cố tự sát. «Pluie» hay vì đoạn kết có nhân loại tính; «Pluie» là một truyện rất «người».

Còn toàn truyện làm cho độc giả thấy một không khí mưa tràn trề, mưa lai rai, dầm dề khó chịu, diễn tả đúng cái nhan đề văn tắt mà đủ nghĩa : Rain.

b) Truyện thứ hai mà tôi thích là một truyện Mỹ «Le grand contrat pour la fourniture du bœuf conservé» (Bảng đại khê ước để cung cấp thịt bò hộp) của Mark Twain đăng trong một cuốn Contes choisis của M. Twain do Mercure de France xuất bản.

Thích vì truyện quá chua chát khi công kích căn bệnh quốc tề tại một sở cơ quan là bệnh câu nệ nguyên tắc giấy tờ thái quá.

Vì thích truyện này quá nên tôi đã liên dịch một cách rất tối truyện này ra Việt ngữ và đã đăng trong «Văn-ngệ Tiên-phong» số 94, ngày 10/4/1958.

3.— Ngoại lệ

Có một truyện của Áo tôi đọc năm 1950— Tôi đọc nó tới 4 lần : 2 lần bằng tiếng Pháp. Sau đó đọc bản dịch của Ngọc-Giao, nhan « Tâm sự người điên », rồi bản dịch (thiếu sót) của bà Vũ-Bá-Hùng, nhan « Người điên ngã trên quan tài », và gần đây đọc lại vẫn thấy thích vô cùng. Tôi thích hơn cả Pluie và Le grand contrat...

Đó là truyện Amok của Stefan Zweig.

Truyện viết theo lời kể chuyện : tác-giả kể cho chúng ta nghe và một bác sĩ kể cho tác-giả nghe... Nhưng đến đoạn kết, chính viên bác sĩ đã tự tử trước mắt tác giả. Thành ra khi hết chuyện, người kể chuyện (bác-sĩ) và người viết lại truyện (tác-giả) đều trở thành những nhân vật của câu chuyện.

Tôi đọc Amok thấy hấp dẫn hơn một tiểu thuyết trinh thám. (...)

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

★ XLIV.— PHAN-NAM-XUYỀN

Kính gởi Anh...)

(....) Phân-vân như thế, cũng phải trả lời hai câu hỏi 2 và 4.

I.— Truyện ngắn Việt

(...) Có những truyện mà tôi đã đọc trong thời học-sinh, tôi thích lắm ; bây giờ tôi hết thích, nhưng tôi vẫn thấy là hay ; thật ỡm-ờ ! Như **Sống chết mặc bay** ! của Phạm-Duy-Tôn. Về sau, các tác-phẩm của Tự-lực văn-đoàn hấp-dẫn tôi mạnh-mẽ nhất, bây giờ tôi mới thấy họ nói đến những gì mà mình đã cảm thấy, mà cái tuổi thanh-niên của mình hằng tơ-tưởng, băn-khoăn hay ước mong... Nhà văn cảm-thông với mình lắm !

Tôi rất thích (chứ không thích nhất) truyện **Cái tẩy**, trong tập *Hai buổi chiều vàng* của Nhật-Linh (1). Anh cho phép tôi kể lại một tí : đây là chuyện anh « Huy địa-dư », một học-sinh đã thi tú-tài hai lần ; nổi tiếng giỏi sử - địa, mà thi hỏng sử - địa vì... cái tẩy. Về sau... chiều chiều anh ngồi cho lác rang vào chai, để giúp vợ bán hàng tạp-hóa tại một làng quê xa vắng. Tôi quên làm sao được cái tâm-sự khả-liên của Huy địa-dư hốn-nhiên kể cho một người bạn học cũ nghe (một kỹ-sư), câu chuyện bên cạnh giàn mướp sau hiên nhà tối-tàn của chàng, dưới ánh trăng khuya trong thôn - trang xa vắng. Câu chuyện kể một cách tự-nhiên, ngắn mà thâu-đáo ; bản-sắc hốn-nhiên của Huy nổi rõ, tự nhiên ta cảm-động thương-thương chàng mà biết rằng chàng không nghĩ đến việc được ai thương. Mía-mai, cay đắng, mà vui-vui, thật quá, mà không náo nức. « Sự nghèo khổ không nguy hiểm cho người ta bằng sự truy-lạc về tình thần », cảm tưởng

(1) Đời-Nay, Hà-nội, 1937

ây của người bạn cũ càng làm nổi bật cái cá-tính của Huy và khiến cho người đọc suy ngẫm. Trong giới học sinh, có biết bao nhiêu là «Huy địa-dư», và trong đời biết bao nhiêu người đã gặp, đương gặp và sẽ gặp «cái tây»; nhưng được mấy người tự-nhiên, ung dung như «Huy địa-dư»?—Còn truyện *Hồn bướm mơ tiên* của Khái-Hưng (xấp-xi 100 trang) anh có cho là một truyện ngắn không? trong khi truyện *Một tình đầu* (Premier amour, của Tourgueniev), 110 trang, đã xếp vào hạng nouvelle (truyện ngắn (?)). Tôi đọc truyện ấy không chán. Nó như một con đường ở sơn-thôn, len-lỏi theo những dãy đồi xanh-tươi và những cánh đồng bé nhỏ xinh xinh; mỗi khúc quanh để hiện ra một cảnh mới lạ, thình-thoảng ta nghe tiếng suối khuật-nẻo róc-rách đầu đó và tiếng chim mách-lẻo trong lùm cây. Phong cảnh bên đường buồn hay vui cũng nhẹ-nhàng, không thái quá, khiến ta háo-kỳ, vui chân đi mãi. Tác giả kể vui, nước truyện chập-chờn, các tình-tiết như kết thúc mà không kết hẳn. Tác-giả thôi kể mà câu chuyện như vẫn còn.

Gần đây tôi có đọc các ông Lưu-Nghị, Võ-Phiên, Nguyễn-Văn-Xuân, Bình-Nguyên-Lộc; tác phẩm các vị ấy có những đặc-sắc khiến tôi chú ý lắm. Tôi chưa có những ấn-tượng gì rõ-rệt, nên chưa dám trình bày. Và lại, công việc hàng ngày bận rộn quá, anh ạ. Bây giờ, mời anh đi ngoại quốc.

2.— Truyện ngắn ngoại-quốc :

Từ truyện « Quả cam » trong Kim Cổ Ký Quan, « Những đêm trắng » (Les nuits blanches, của Dossoievsky) cho đến « Những cánh thư hè » (Les lettres de mon moulin, A.

Daudet) và « Trên sông khuya » (Sur l'eau của Guy de Maupassant) v.v. thật là những kỳ hoa dị thảo. Tôi rất thích « Những vì sao » (Les étoiles, A. Daudet) và « Các cụ già » (Les vieux, A. Daudet). Ông Daudet có lối văn nhanh-nhẹn, linh động và vui vẻ; những nhân-vật của ông ngộ-nghĩnh, đèn đầu làm vui đó. Nhưng điều đáng chú-ý hơn trong tác-phẩm của ông là ông tả rất linh-động những nếp sông và phong tục dân-gian ở chồn thôn dã. Đọc ông, ta như nghe rõ tiếng vọng của quê-hương, ngửi mùi vị chắt-phác và đậm-đà của đất nước, cũng như ở vài đoạn trong « Ngày mới » của Thạch-Lam. Về Maupassant, tôi thích một truyện mà tôi quên mất tên, ở trong tập « Trên sông khuya » (Sur l'eau). Có lẽ đây là truyện « trong sạch » độc nhất của ông: Truyện chỉ có một nhân-vật và một chiếc thuyền trềng sông khuya dày đặc sương mù, và... gần sáng, một cái... xác người, kéo từ dưới sông lên. Cái cảm-giác được gợi mạnh mẽ nhất trong đó là sự sợ hãi. Truyện không có gì, nhưng trí tưởng-tượng của tác-giả khéo quá và vi hay quá nên kể lại không nổi. Guy de Maupassant có tài tả thực tuyệt khéo; cây bút của ông linh hoạt, già dặn; ông đã nói ra những chuyện thâm kín, tội lỗi của con người mà ông kể một cách dễ-dàng, duyên-dáng, nửa đùa nửa thật. Lắm đoạn trong tác-phẩm ông rất văn-chương, rất nên thơ, làm cho người đọc rung động thích-thú.

Tổng chi, tôi không thể nói được truyện ngắn nào hay nhất và cũng không nói được thích nhất, chỉ có thể nói « thích lắm », mà nói thế cũng không phải hoàn-toàn chú-quan, vì không phải riêng mình khám phá cái hay, cái đẹp của một tác-phẩm. Tuy nhiên, tôi

tưởng không có công-chúng thì cái hay của các văn-phẩm cũng không được phát-giác.

Vậy nên, tôi đã nói đây là một văn-đề mệnh-mông ; tuy có đáp-vấn mà không thật có đủ thâm quyền, không thể nói một cách độc-đoán. Nhưng tôi thấy cần nên phát-biểu ý-kiến của mình, gọi là không thờ-ơ với một văn-đề văn-nghệ mới-mẻ rất đáng chú-ý.

Mền chào anh,

Khu Bàn-Cờ, mùa mưa 1959

(Nam-Xuyên PHAN-NGỌC-CHÂU)



★ XLV.— VŨ-HÂN

Cửa Hàn, mùa thu ki-hội.

(...) Nếu anh cho phép tôi trả lời ngay và gọn gàng rằng truyện ngắn Việt nào mà tôi thích nhất, thì tôi xin thưa : « Theo chủ-quan của tôi, tập truyện ngắn **« Kép tư Bến »** của *Nguyễn-Công-Hoan* (1) thời tiền chiến và những truyện ngắn của Phan-Du ở thời hậu-chiến này thịnh-thoảng cho đăng trên « Mùa lúa mới » hồi năm ngoái, năm kia và và trên « Bách-Khoa » hiện nay là những truyện mà tôi thích nhất. Bởi lẽ trong những truyện đó tác-giả của nó đã nêu lên được những tâm-trạng cùng những kiếp sống của con người thời-đại.

Nghệ-sĩ « Kép tư Bến » của *Nguyễn-Công-Hoan* sống một cuộc sống đen tối, có khi bị thám đèn cháy nước mắt nơi hậu trường, một cuộc sống không được xã-hội bảo-đảm, thế mà đêm đêm phải ra sân khấu dang cười cho thiên hạ.

(1) Nhà Tân-Dân xuất-bản, Hà-nội, 1935.

Lão « **Thập Bản** » của *Phan-Du*, cuộc sống kéo sát xuống gần bằng con vật, và cũng vì muốn được thưởng một chút vinh hàm đèn nổi phải làm con « Ngựa hai chân », để mua vui cho cậu ấm, cô chiêu..., phải chăng « Kép tư Bến » và « Thập Bản » là những nạn nhân của một chế độ đã qua ? Thế mà chưa bưa, Phan-Du còn đưa ra một nạn nhân của thời đại gần đây nữa : lão « **Lắc Đầu** » trong truyện « **Ngôi sao xa** ». Những tội ác nào của thời đại đã làm cho « **Lão Lắc Đầu** » cứ lắc đầu mãi cho đến chết, cứ mang mãi đèn trợn kiếp một tâm thân tàn ma dại ! Dục vọng và bạo quyền của con người ư ? Thật là sâu sắc thay *Nguyễn-Công-Hoan* trước kia, và Phan-Du hiện nay !

Còn về truyện ngắn quốc tế, xin thú thật với anh là tôi ít được đọc. Tuy nhiên, nếu ôn lại những truyện mà tôi thỉnh thoảng được đọc qua trong mấy năm nay thì tôi không quên hai mẫu truyện nó làm cho tôi ưa thích và suy nghĩ nhiều. Đó là truyện « **Người có bộ óc vàng** » trong tập « **Những bức thư viết tại cối xay gió** » của *Alphonse Daudet* trước kia và truyện « **Lão du khách háo danh** » khi đi thăm đàn tề trời tức đàn Nam-giao ở Trung-Hoa của nhà văn Anh *Somerset Maugham*. Tiếc rằng tôi không còn nhớ rõ đầu đề cái truyện ngắn kể trên của *Somerset Maugham*. Xin anh lục tìm lại hộ cho tôi với. Chỉ nhớ rằng cốt truyện ấy thật rất giản dị. *Somerset Maugham* kể lại cuộc viễn du của một du khách hình như tên là *Hasting Nebraska* qua Trung-Hoa tìm đèn thăm đàn Nam-giao (đàn tề trời). Thấy cái cảnh tượng hùng vĩ và có vẻ bắt tử của đàn, chàng du khách kia cũng muốn danh hiệu mình được bắt tử và hùng vĩ như cái đàn tề trời kia vậy. Du khách bèn tìm mẫu than nhỏ viết ngay hai

chữ Hasting Nebraska trên sàng đàn trước khi từ giả ra về. Nhưng du khách vừa bước khỏi xuống mây bụi tam cấp thì người thủ từ Trung-Hoa vội lặng lẽ tiền đèn nhỏ gọn một bãi nước bọt trên sàng, đúng chỗ du khách vừa ghi tên và lấy chân chà mặt hẳn cái danh hiệu quý hóa ấy đi.

Thật quả Somerset Mangham đã đánh một đòn rất mạnh vào những thằng người dốt nát và khờ khạo mà muốn mình được bắt tữ và hùng vĩ với non sông.

Còn câu truyện « Người có bộ óc vàng » (L'homme à la cervelle d'or) của Alphonse Daudet kể rất cảm-động. Theo ý tôi, cái anh chàng có bộ óc vàng kia là hình ảnh của những chân nghệ-sĩ xưa nay trên thế-gian. Những bậc chân nghệ-sĩ trên đời thường đem tim óc, đem tất cả năng-lực của mình ra cống hiến cho đời, dù còn một chút tàn lực cũng không hề tiếc. Cái anh chàng có bộ óc vàng của Alphonse Daudet cũng vậy. Chàng đã móc tất cả khối vàng trong có mình đem ra dần dần hiến cho mọi người. Đến lúc bộ óc chàng trống rỗng, chàng cũng cò móc ra một chút ít vàng còn sót lẫn lộn với máu để đổi lấy đôi giày đem tặng người yêu mình. Chung tình đến thế là cùng ! Cái độ chung tình của con người

nghệ-sĩ nào có thua gì cái anh chàng có bộ óc vàng kia, phải thế không, anh Ngu-Í ?

VŨ-HÂN



★ XLVI.— MỘT ĐỘC - GIÀ Ở CÔN-ĐÀO

(...) Truyện ngắn Việt mà tôi được biết và tôi thích ý nhất, hẳn là chuyện «con Tâm con Cám». Tôi không cần thuật lại câu chuyện ấy lại, tin rằng trên mảnh đất Việt này, bất cứ trẻ con nào thấy đều thuật lại được.

Con Tâm con Cám là một câu chuyện cổ tích Việt. Tôi có đọc, trong sách nào quên rồi, (nhưng hình như trong «Thái bình quảng kí» đời nhà Tống hay trong Chinese short stories của Lâm - Ngữ - Đường) thì chuyện ấy truyền sang qua Tàu, rồi mấy trăm năm sau, sang qua Âu-châu. Ở Âu-châu, chuyện ấy được phỏng theo mà thành ra Cendrillon, nó đã tràn lan khắp thế giới và ai đọc cũng cho là hay cả. Được thế-giới công nhận là chuyện hay, thì ít nữa, chuyện không phải là dở. Khiêu thẩm mỹ tôi rất kém, tôi vịn vào cái lý thô sơ ấy mà cho rằng «*Con Tâm con Cám*» là truyện Việt hay hơn hết.

Một độc giả của Bách-Khoa ở Côn-Son



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 2 kỳ trước và ghi những vấn đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra.

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của «*Bách-Khoa*» được biết nét chánh trong các bài trả lời từ hai số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, đăng cuộc theo dõi hứng thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý-kiến, hầu bài khép lại cuộc phòng-văn đầu tiên về văn-nghệ của «*Bách-Khoa*» nhờ độ mà đầy, đủ, vui, tươi.

✧ Số 69

XXXI.— **Võ-Đức-Diên** thích nhất :

✧ *Anh phải sông* của *Khái-Hưng* : đập mạnh trí óc, cảm xúc sâu xa tâm hồn.

✧ *Le collier* của *Guy de Maupassant* (Pháp) : cho thấy cái giá trị của một hạng người nhỏ nhoi trong xã hội.

XXXII.— **Phạm-Cao-Củng** cho biết xưa: *Khái-Hưng*, nay *Võ-Phiền* là hai nhà văn viết truyện ngắn mà ông cho là «thú» nhất.

Về truyện ngắn ngoại quốc, tác giả «Chiếc tất nhuộm bùn» không nói đến.

XXXIII.— **Nguyễn-Văn-Cồn** cho là hay vào bậc nhất :

✧ *Anh phải sông* của *Khái-Hưng* : văn gọn gàng, sáng sủa, êm dịu ; làm ta thấy đời sống cơ cực của của một hạng dân đen đem sức mong manh của con người tranh đấu với sức mạnh mù quáng của vũ trụ để kiếm miếng ăn, cùng lòng hi sinh không bờ bến của người mẹ...

✧ *Người vợ thứ nhất* của *Nguyên* của *Pearl Buck* (Hoa-Kì) : kín đáo mà sâu sắc, làm nổi bật cái sỗ phạm đáng thương của một nạn nhân vô tội do Mới và Cũ xung đột.

XXXIV.— **Vũ-Kỷ** nhớ kỹ :

✧ *Bóng người trên sương mù* của *Nhật-Linh* : kết cấu thật chặt chẽ, động tác tiền đều, nội dung là một sự dung hòa đẹp để tài tình, trộn vện giữa tinh thần duy linh của Đông-phương và tinh thần duy lý của Tây-phương.

✧ *La dernière classe* của *Alphonse Daudet* (Pháp) : tề nhị và cao quý, đọc rồi mà tình ý còn bàng hoàng, sững sốt, đau thương, và vì là nhà giáo, liên tưởng đến những nói

ân hận tuyệt vời có thể xảy đến cho mình như đối với ông giáo già trong truyện.

✧ Số 70.

XXXV.— **Giản-Chi** thích nhất :

✧ *Người đẹp trong tranh* của *Vũ-Khắc-Khoan* : văn uyển chuyển, biến hóa, rất chải chuốt, bóng bảy ; nhân vật rất «người», rất «sống», trong một cảnh giới rất là chân thật.

✧ *Lễ chúc phúc* của *Lỗ-Tân* (Trung-Hoa) : văn rất hàm súc mà nhân vật thì linh động và «thật» vô cùng, người đọc bị truyện hấp dẫn mà vẫn nhận rõ truyện tiềm tàng một ý nghĩa sâu xa.

B.— Vấn-đề câu hỏi được nêu ra hay được gợi ra.

1.— **Võ-Đức-Diên** quan-niệm : xây-dựng một truyện hay cũng như xây dựng một công-trình kiến-trúc đẹp : « người thợ lành nghề, khéo tay cần phải có, mà còn người nghệ-sĩ với những rung cảm chân thành, vắng cũng không được ». Các bạn chia quan niệm này chớ ?

2.— «Trí nhớ mà sắc bén thì trí tưởng-tượng bị nghèo nàn », cái kinh-nghiệm riêng này của nhà văn trinh-thám **Phạm-Cao-Củng** có phải là một kinh-nghiệm rất là riêng tây, hay là gần như một định luật ?

3.— Chắc các bạn đồng-ý với **Giản-Chi** về hai lý-do khiến đọc-giả thích một tác-phẩm văn-nghệ :

- a) Giá-trị nghệ-thuật nội-tại của tác-phẩm ;
- b) Tương quan « giao lưu cộng minh » giữa tâm sự tác-giả và tâm sự đọc-giả.



✧ Số 71

A.— Ý-kiến

XXXVI.— Cô Trúc-Liên

✧ lúng túng trước việc phải chọn một truyện ngắn Việt mà cô đang thích nhất vì « cùng một lúc, bỗng dưng dồn dập đến trong đầu tôi bao nhiêu truyện » cũng thích...

✧ Những con người hái chín cái xuân xanh của Dariz Ollivro (Pháp) : cốt truyện nhẹ-nhàng, không có nhân vật phi thường, không có tư tưởng cao cả, chỉ có đôi tâm hồn ngây thơ ngỡ ngàng trên đường tình và một ông thầy tu bức-tức, rồi tò-mò, rồi cảm động, gián tiếp giúp cho đôi trẻ làm lành với nhau.

XXXVII.— Sơn-Nam cho hay nhất :

✧ Muồng - Tênh của Khổng - Nghi : cốt truyện đơn giản, khéo diễn-tả tâm hồn của người Kờ-Me, bị phụ bạc mà vẫn hi-sanh cho kẻ lỗi nguyên và vẫn tiếp tục... sống.

✧ Những truyện của Henry Miller (Hoa-Kỳ), như *Plexus*, *Dimanche après la guerre*, *Le cauchemar climatisé...*, *Le sourire au pied de l'échelle* : thành-thật, độc đáo, khát khao chân lí, của Jacques Chardonne (Pháp) : êm dịu, sâu sắc, của Vasco Pratolini (Ý) : tâm hồn rất đẹp.

XXXVIII.— Bà Văn-Trang thích nhất :

✧ Hồn ma cũ của Bình-Nguyên-Lộc : hành văn khác thường, tìm lại dĩ vãng một cách tài tình, khéo léo vô song.

✧ Nhóm lửa và Miếng thịt bò của Jack London (Hoa-Kỳ) : văn cuốn cuộn như nước lớn, làm say mê người đọc từ đầu tới cuối, « cuốn tâm trí mình theo » « như nước lớn cuốn cánh bèo lẻ bèo », thêm phần triết-lý sâu xa và thâm-thía.

XXXIX.— Trần-Văn-Khê thích nhất.

✧ Rừng mấm của Bình-Nguyên-Lộc : nêu lên một ý-nghĩa tượng trưng : lò hi-sinh, can-đảm của tiền nhân và của người đương thời trong cuộc tiến vào Nam, nhiều chi-tiết về tâm-lý đúng và ngộ, vẽ lại đời sống gian khổ của nông-dân vùng Cà-Mau nơi ông đã sống trong những ngày đầu cuộc kháng chiến; câu chuyện được kể bằng lời văn nhẹ-nhàng tự nhiên, dùng toàn những chữ đặc-biệt miền Nam.

✧ Buổi học cuối cùng của Alphonse Daudet (Pháp) : gợi hai kỷ-miêm ở học đường (có cảm giác mình là người học trò nhỏ trong truyện) và ở gia-đình (« buổi hòa nhạc cuối cùng » cho người cô yêu quý sắp chết),

XI.— Trang-Thế-Hỷ cho rằng anh chưa đủ tư-cách để phát-biểu ý-kiến, vì :

— Văn nghiệp chưa thành hình rõ-ràng.

— Sò vồn đọc và hiểu của anh còn non so với tầm quan-trọng của văn-đề đặt ra.

XLI.— Pierre-Kèn Dariville thích nhất :

✧ Trước kia : Sông chết mặc bay ! của Phạm-Duy-Tôn vì tánh cách xã-hội của nó.

Giờ đây : Con thần lẩn chọn nghiệp của Hồ-Hữu-Tường : đặt một văn-đề trọng-đại của thời đại : sự « Tự-do Chọn-lựa » và bao hàm cái triết-lý : cứu cánh và Phương tiện.

✧ Truyện : *Les aventurs du dernier Abencérage* của Chateaubriand (Pháp) : gợi một nỗi xót đau : văn-đề chủng-tộc nặng nợ với nhau, không phải nợ thương yêu, mà là nợ oán cừu.

B.— Văn-đề, câu hỏi được nêu lên hay gợi ra.

1.— Sơn-Nam chủ trương : « Nghệ thuật phải hồn nhiên, đồng thời cũng phải trau

chuột về kỹ thuật. Hồn nhiên và trau chuốt là hai điểm không mâu thuẫn nhau : trái lại, dung hòa nhau để tạo nên cái Đẹp. Các bạn có tán thành tác giả «*Tìm hiểu Hậu-giang*» ?

2.— Và ý-kiến này của người chủ trương nhà xuất bản «*Phù-sa*» : «truyện hay phải là truyện đọc ra tiếng mà «*nghe*» được, truyện cảm được» ?

✧ Số 72

A.— Ý-kiến

XLII.— **Bình-Nguyên-Lộc** cho hay nhất:

✧ *Năm hạn* của *Trần-Tiêu* : đưa ra thảm cảnh của dân quê miền châu thổ sông Nhĩ-hà một cảnh thân nhiên, lạnh lùng nhưng hùng biện, không nói ra mà người đọc thấy ngay, linh hoạt hơn lời phân tích sâu sắc.

✧ *Johnny*, người gấu của *John Steinbeck* (Hoa-Kỳ) dường như khi viết truyện này, tác giả thách đố cả làng văn thề giới vì cớ ý chọn một đề tài xáo, một câu chuyện thường xảy ra, đã được khai thác nhiều lần, nhưng không ai khai thác được hấp dẫn như tác giả «*Chùm nho phần nộ*».

XLIII.— **Đặng - Trần - Huân** (độc-giã) thích nhất những truyện ngắn sau đây :

✧ *Nhà bên kia* của *Đỗ-Đức-Thu* : như một phim chớp bóng

— *Tiếng sáo* của *Thạch-Lam* : đưa vào cõi mộng...

— Một truyện ngắn của *Tùng-Khanh*, có lẽ là *Gác cho thuê* : viết rất cổ duyên, vừa sâu cay vừa buồn cười.

✧ *Mưa* của *Somerset Maugham* (Anh) : toàn truyện gây một không khí mưa tràn trề, mưa lai rai, dầm dề, khó chịu,

— *Bản đại khế-ước* để cung-cấp thịt bò hộp của *Mark Twain* (Hoa-Kỳ) : quá chua chát, công kích căn bệnh quốc tề, bình câu nệ nguyên tắc giấy tờ thái quá.

XLIV.— **Phan - Nam - Xuyên** (độc-giã) rất thích :

✧ *Cái-táy* của *Nhật-Linh* : mỉa mai, cay đắng, mà vui vui, thật quá mà không nào nề.

✧ *Những vì sao* và *Các cụ già* của *Al-*

o Ít người có thể sống tuyệt đối cô độc, còn phần nhiều người vẫn cảm thấy cần dựa vào một cái gì cao hơn, lớn hơn và thường ước ao có được một kẻ ở trên biết dẫn dắt họ và họ có thể tin cậy được. Do đấy, người dưới thường có khuynh hướng coi người trên có những đức tính siêu phàm và người trên thường cũng có ý muốn khuyến khích cái khuynh hướng đó, bởi lẽ giản dị thích được người ta coi trọng. Song đó là một ngón chơi nguy hiểm, vì kết quả sẽ đi tới chỗ gây ra xung quanh người trên một bè lũ nịnh hót chỉ biết nhìn sự việc bằng con mắt của mình và sẽ mất dịp được nhìn sự việc dưới những khía cạnh khách quan. Người ấy sẽ không còn tiếp xúc được với hoàn cảnh thiết thật và khó lòng biết rõ được nguồn gốc các sự việc. (L.M. Courtois)

phonse Daudet (Pháp) : văn nhanh nhẹn, linh động và vui vẻ, nhân vật ngộ nghĩnh, làm nổi những nếp sống và phong tục dân gian ở thôn dã.

— Một truyện trong tập « *Sur l'eau* » của *Guy de Maupassant* (Pháp) : truyện không có gì, song trí tưởng tượng khéo quá.

XLV.— **Vũ-Hân** (độc-giả) thích nhất :

★ *Kép tư Bến* (cả tập) của *Nguyễn-Công-Hoan* : sự bi thảm và trái ngược của cuộc đời, đời thật và đời sân khấu.

— *Thập Bản, Ngôi sao xa* của *Phan-Du* : hai nạn nhân rất đáng thương ở vào hai thời đại rất gần ta.

✱ *Người có bộ óc vàng* của *Alphonse Daudet* (Pháp) : hình ảnh cảm động của những chân nghệ-sĩ xưa và nay.

— *Lão du khách hào danh* của *Somerset Maughams* : một đòn rất mạnh đánh vào những kẻ dốt, khờ mà muồn hữu danh thiên cổ bằng hành vi lên lút, bắt-chánh

XLVI.— Một độc-giả ở Côn-đảo cho biết rằng chuyện cổ tích « *Con Tằm con Cám* » theo ông là truyện hay nhất vì nó đã « đi » qua Tàu rồi qua Âu-châu, hóa thành « *Cendrillon* » mà cả thế giới đều cho là hay.

B.— **Văn-đề**, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra.

1.— Nghệ thuật của truyện gồm có : «lời dựng truyện, cách bố trí, hành văn và linh hồn truyện ; tức là những chi tiết nhỏ, những ý nghĩ nhỏ rải rác trong đó» (định nghĩa của *Bình-Nguyên-Lộc*). Các bạn có đồng ý với tác-giả «*Nhốt-gió*» ?

2.— *Chuyện và truyện, chuyện ngắn và truyện ngắn, chuyện cổ tích và truyện cổ tích*, từ xưa đến nay, trên báo chí cũng như trong sách vở, viết thường không nhất trí ; mà các từ điển tuy có định nghĩa đầy, nhưng chưa căn-kẻ, rành rọt. Mong các bạn góp ý để chúng ta rồi sẽ phân biệt dứt khoát thế nào là chuyện, thế nào là truyện.

3.— Cái thuyết truyện cổ tích «*Cendrillon*» (con Lọ-Lem) của Pháp vốn do truyện đời xưa «*Con Tằm con Cám*» của Việt, do một bạn đọc ở Côn-đảo nhắc lại, ta có nên «ghi-ngờ không ? Cũng như cái thuyết truyện «*Từ Thức*» của ta là biến thể truyện «*Lưu-Nguyễn*» của Tàu (ở Nhật, cũng có một truyện xưa tương tự). Sự trùng nhau trong kho tàng văn chương truyền khẩu của các dân tộc, đáng rằng lắm lúc vốn bà-con, nhưng nhiều khi cũng rất là xa lạ.

NGUYỄN-NGU-Í.

o Người trên dù có những đức tính cao siêu đến thế nào chẳng nữa cũng không phải là một siêu nhân, và trước sau rồi người dưới cũng sẽ thấy mình đã đánh giá quá cao người trên. — Nếu người trên khiêm tốn, người dưới sẽ cho sự đánh giá quá cao ấy là do tự mình nhìn nhận sai lầm, và sự tận tâm của họ sẽ không suy giảm. Trái lại, nếu người dưới cho là họ bị lừa gạt vì người trên không giữ lời đã hứa thì phản ứng của họ sẽ phát ra rất mạnh, có thể đi tới chỗ khinh bỉ người trên ! (L.M. Courtois)



CÂY GIÁNG-SINH

THƯỢNG-GIỚI

★ DOSTOEVSKY

NGUYỄN dịch

TÔI là một tiểu-thuyết gia và tôi giả-thiết là chính tôi đã dựng lên truyện sau này. Tôi viết là « tôi giả-thiết » mặc dầu tôi biết chắc là tôi dựng truyện này, nhưng dầu vậy tôi vẫn có cảm-tưởng rằng câu chuyện sắp kể sau đây đã phải xảy ra tại một nơi nào, vào một thời nào, rằng nó đã phải xảy ra vào đêm trước lễ Giáng-Sinh tại một đô-thị lớn nào đó trong một ngày giá buốt căm căm.

Tôi thấy trong tâm mắt một em trai, một em nhỏ trạc độ 6 tuổi hay có lẽ

còn non dại hơn nữa. Buổi sáng hôm đó em nhỏ tỉnh giấc trong một căn hầm âm lạnh. Bé mặc một cái áo choàng dài và run lên căm cập vì lạnh. Hơi thở của bé phả ra thành những làn hơi đùng đục như mây, bé ngồi trên một cái hòm trong xó hầm hà hơi ra và thần người nhìn làn hơi bay đi cho đỡ buồn. Nhưng bé đói quá. Sáng đó bé đã mấy lần leo lên chiếc giường gỗ nơi người mẹ ốm đang nằm liệt trên chiếc chiếu mỏng dính, đầu gối lên một cái bọc thay gối. Sao bà ta lại lưu lạc tới nơi này ?

Chắc là bà ta cùng con từ một tỉnh nào đó đến đây và bị cơn bệnh vật ngã bất thần. Mụ chủ đất, người cho thuê những «xó xinh» này đã bị giải lên Ty Cảnh-Sát hai ngày nay, người thuê đã dậy đi làm cả vì ngày lễ đã đến sau lưng rồi. Chỉ còn có mỗi một người say bí-tỉ nằm lì bì suốt hai mươi bốn giờ qua là không chờ đón lễ Giáng-Sinh. Trong một xó buồng khác, một bà lão tám mươi ồm khặc khừ—trước kia bà cụ đã có một thời làm vú em, nay nằm chờ chết tro trọi một thân một mình—đang rên lên hừ hừ vì bệnh phổi. Bà cụ cứ hướng vào bé mà cầu nhau nguyên rủa làm bé chẳng dám sán đến gần. Bé đã được uống một hùm nước ở buồng ngoài, nhưng bé chẳng tìm được một mảnh vụn bánh nào cả, thành thử bé cứ định lay mẹ dậy đến hàng chục bận. Rồi tôi quá bé đâm sợ: trời đã nhập nhoạng từ lâu rồi mà chẳng có đèn đóm gì cả. Rờ mặt mẹ, bé kinh ngạc không thấy mẹ bé động đậy, đã thế người mẹ bé lại lạnh buốt như vách hầm. Bé nghĩ thầm: «Ở đây lạnh ghê». Bé đứng bần thần một lát, hai tay vô-tình đặt trên vai người đàn bà đã chết, rồi bé ha hơi vào tay cho ấm, lặng lẽ mò mẫm tìm cái mũi để trên giường đoan lẩn ra khỏi hầm. Đáng lẽ bé đi sớm hơn cơ, nhưng bé sợ con chó to tướng nó cứ tru lên suốt ngày ở nhà bên cạnh ngay sát cửa hầm. Nhưng bây giờ thì con chó không còn ở đây nữa rồi, bé yên tâm đi ra đường.

Xin chúa thương xót chúng con,

sao mà lại có một thành phố đèn như thế này? Bé chưa hề thấy thế bao giờ. Tại thành phố bé ở trước kia, đêm đèn là phố xá cứ tối mò mò. Cả dãy phố chỉ có mỗi một ngọn đèn đường, những căn nhà gỗ nhỏ bé lụp xụp đóng cửa im im, cứ chập choạng tối là ngoài phố chẳng còn một bóng người, dân cư đều du dú ở trong nhà cả, chỉ có tiếng chó tru, có hằng trăm hàng ngàn con cần nhau ầm ĩ và tru lên suốt đêm. Nhưng ở đây ầm ập nhiều, và bé còn được cấp cái ăn, chứ còn ở đây — Khổ thân em bé, giá bé được một chút gì gọi là để cảm lòng thôi nhĩ! Mà ở đây sao mà ầm ĩ nhộn nhịp thế, sao mà sáng thế, gồm nào người nào ngựa, nào xe và trời sao mà rét ghê rét gồm! Đám hơi lạnh mù mù như mây bay lập lờ trên thân lũ ngựa, trên những làn hơi ầm ầm phì phì thoát ra từ mõm chúng; tiếng móng ngựa gõ qua làn bụi tuyết xuống mặt đá nghe ròn tan, và — Khổ thân em bé, bé muốn có được một miếng gì để đỡ lòng quá, bỗng nhiên bé cảm thấy sao bé khổ thế. Một viên Cảnh-sát đi ngang, quay mặt đi để khỏi phải nhìn thấy em nhỏ.

Đây lại một đường nữa này — trời ơi sao mà rộng thế, bé có thể bị chẹt chết như bốn; mà sao thiên-hạ hồ hết, chen chúc và đánh xe đi đông quá vậy, còn đèn đuốc thì trời ơi cứ là chóa cả mắt! Còn gì đây nữa nhĩ? Một khung cửa kính thật lớn san sau lần kính là một cái cây cao chót vót

ngón chạm đèn tận trần nhà; đó là một cây thông, trên cây giăng hăng hà sa sô là đèn, là giấy trang-kim, biết bao nhiêu là tảo và những con búp bê xinh thật là xinh và cả ngựa nữa chứ, rồi lại có bao nhiêu là trẻ em sạch sẽ diện áo đẹp tung tăng chạy nhảy quanh phòng, cười đùa, ăn uống. Và rồi một cô bé bước ra nhảy với một chú bé, cô bé sao mà kháu thể! Đứng ở ngoài cửa sổ bé cũng nghe thấy tiếng nhạc. Bé ngậy người ra ngắm và cười vang, mặc dầu chân bé nhức buốt vì lạnh và ngón tay bé tím ngắt lạnh cóng cả lại, mỗi lần co là mỗi một lần đau nhức. Bỗng nhiên bé chợt nhớ là ngón tay ngón chân bé nhức nhối, bé òa ra khóc và bỏ chạy, rồi qua một một cửa sổ khác bé lại thấy một cây Giáng-Sinh nữa và một cái bàn bày đủ mọi thứ bánh — bánh hạnh-nhân này, bánh đỏ này, bánh vàng này; có ba bà trẻ tuổi sang-trọng ngồi ở đây phát bánh cho những người tới gần, cửa vẫn mở rộng, tài-tử giai-nhân lũ lượt từ ngoài phố kéo vào. Em bé lên tới,

bắt thần đẩy cửa bước vào. Chao ơi, họ quát họ mắng bé xa xa và đuổi bé như đuổi tà! Một bà chạy vội tới dúm một cái Kopeck vào tay bé và thân hành mở cửa mời bé ra. Bé sợ bay cả hồn vía! Cái Kopeck lọc cọc lăn xuống bậc cửa, những ngón tay tím ngắt của bé không quắp lại nổi để giữ miếng bánh cho chặt nữa. Bé bỏ chạy, chạy mãi chẳng biết tới đâu. Bé đã lại suýt òa lên khóc nhưng bé sợ, thành thử bé cứ vừa chạy vừa hà hơi sưởi những ngón tay. Bé khổ sở quá vì bé đột nhiên cảm thấy vô cùng cô-độc và kinh hoàng, và kia — xin chúa thương xót chúng con! Lại gì nữa thể kia! Thiên-hạ đang tùm năm tùm ba lại ngắm nghĩa.

Sau một tủ kính có 3 hình nộm nhỏ, mặc quần áo xanh xanh đỏ đỏ trông cứ y hệt như người sống vậy. Một người nộm là một ông cụ đang ngồi kéo đại một hồ-cầm, hai người nộm kia đứng kê bên chơi vĩ cầm, đầu gật gù theo nhịp điệu, mắt đưa đầy liếc nhìn nhau, môi mấp máy, họ đang nói, nói thật đầy, chỉ tại mọi người đứng

- o Người trên không bao giờ chờ đợi sự biết ơn của người dưới và không nên phàn nàn vì người dưới không biết ơn — Sénèque nói: « Làm ơn cho người mà phàn nàn người không biết ơn là dấu hiệu tỏ ra ơn mình làm chưa phải là ơn. »
- o Người trên không nên để cho người dưới xưng tụng vì kẻ xưng tụng thường hay vụ lợi. Lời xưng tụng càng tinh tế thì lại càng nguy hiểm, La Bruyère nói: « Người ta tưởng mình ghét lời nịnh hót, nhưng thật ra người ta chỉ ghét cách nịnh hót đó thôi ! »

ở ngoài tủ kính nên không nghe được đầy chữ. Mới đầu bé ngỡ là người thật nên lúc biết đây chỉ là hình nộm, bé cười khanh khách. Bé chưa được thấy hình nộm nào như thế bao giờ và bé không có thể ngờ rằng lại có thể có những hình nộm tinh xảo đến như thế ! Bé rưng rưng muốn khóc, nhưng những hình nộm kia làm bé cảm thấy vui vui. Đột nhiên bé cảm thấy như có ai nắm lấy lưng áo bé : một đứa con trai độc ác lực lưỡng đứng bên bé, đột nhiên đánh vào đầu bé một cái, giật phắt lấy mũ và ngáng chân khoèo bé ngã bổ chửng. Bé ngã lăn xuống đất, vừa lúc đó có một tiếng thét chói tai, bé kinh hoàng vùng ngay dậy đâm đầu chạy thẳng một mạch. Bé cảm đầu cảm cổ chạy, không biết trốn vào đâu, bé lên vào cổng tiền một sân nhà nào đó, ngồi thu mình sau một đồng củi : «Họ chẳng thể tìm được mình đâu, trời lại tối nữa !»

Bé sợ sệt nín thở ngồi co ro, bỗng nhiên bé cảm thấy khoan khoái quá : Tay chân bé bỗng nhiên hết cả nhức nhối và ấm ghê, ấm như là đang ngồi bên lò than ; bỗng toàn thân bé run lên bắn bật, bé rùng mình một cái, sao thế nhỉ, chắc là bé buồn ngủ đây. Ngủ ở đây một giấc thì tuyệt ! «Mình ngồi đây một lát rồi chốc nữa mình lại ra xem người nộm nữa», bé lầm bầm nói một mình, nghĩ đến những hình nộm lúc này bé mỉm cười : «Trông chúng nó giống người thật ghê!» Bỗng nhiên bé nghe tiếng má hát văng vẳng trên đầu «Má ơi, con buồn ngủ ; ngủ ở đây thích lắm !»

Một giọng nói dịu dàng bỗng thì thầm trên đầu bé : «Bé ơi, đèn cây Giăng-sinh của ta đi !»

Bé cứ tưởng đây vẫn là tiếng của má, nhưng không đây không phải là má, bé không trông thấy người gọi, nhưng có người cúi xuống ôm-ấp bé trong bóng đêm, bé giang hai tay ra đón, và... và tức thì — trời, ánh-sáng ngợp lòa ! Chao ơi, sao lại có một cây Giăng-Sinh đến như thế ! Mà cây đó không phải là cây thông, bé chưa từng thấy một cái cây nào như vậy. Lúc này bé đang ở đâu nhỉ ? Muôn vật đều lộng-lẫy chói lòa và quanh bé toàn búp-bê là búp-bê ; nhưng không, đây không phải là búp-bê mà là những bé trai bé gái, chỉ có điều là những em đó lộng-lẫy chói lòa. Toàn thể các em bay đến lượn quanh người bé, hôn bé, cầm tay xóc bé lên, bé cũng bay cũng lượn và bé thấy má nhìn bé cười sung-sướng. «Má ơi! má, ở đây thích ghê, má ơi !» Và bé lại hôn lũ trẻ và muốn kể chuyện những hình nộm ở cửa hiệu nọ cho chúng nghe ngay lập tức.

«Các anh là lũ ai đây ? Các chị là ai đây ?», bé tươi cười, han hỏi, say sưa nhìn các bạn.

Lũ trẻ trả lời: «Đây là cây Giăng Sinh, vào ngày này bao giờ Chúa cũng có một cây Giăng Sinh dành riêng cho những trẻ em không có». Bé nhận thấy chúng bạn đều là những đứa trẻ chẳng khác gì bé, em thì chết cồng trong những chiếc vỏ đựng hoang thai vứt ở trước cửa những nhà khá-giả ở Petersburg,

em thì bị chết ngạt trong khi đi xin cơm
bồ-thí ở viện Mổ côi với những thiếu
phụ Phần Lan, em thì chết trên ngực
những người mẹ đói khát, em thì chết
trong những toa xe lửa hạng ba vì
không khí quá ngột ngạt; vậy mà tất
cả đều quán-tụ ở nơi đây, tất cả
tựa hồ như những thiên thần bao
quanh đấng Christ. Người đứng
ở giữa lũ trẻ, giang tay ra chào
đón và ban phước cho chúng cũng
như những người mẹ tội-lỗi của
chúng... Và những người mẹ ấy đứng
về một phía. Khóc sứt sùi, họ đều
nhận ra con mình, lũ trẻ bay đến
với họ, hôn họ, những bàn tay xinh
xinh gặt lệ cho họ, khuyên van họ
đừng khóc nữa vì chúng sung sướng
lắm.

Và, ở tít dưới kia, sáng ra người
gác cửa thầy xác của em bé chết cứng
trên đồng củi, họ đi tìm mẹ em bé...
Bà ta đã chết trước con. Cả hai đã gặp
nhau trước mặt Đức Chúa Trời nơi
Thiên-giới.

Sao tôi lại dựng một truyện chẳng
căn cứ gì vào những chuyện xảy ra
thường nhật và nhất là chẳng phù-hợp
gì với những điều ghi chép trong :
nhật-ký của một tiểu-thuyết-gia như
vậy ? Mà tôi hứa là có hai điều viết
theo đúng sự thực ! Nhưng sự thực
là thế này, tôi vẫn có cảm tưởng rằng
tất cả những truyện này đều có thể

QUÀ TẶNG NOEL

*Tặng Em bông hoa trắng,
Biểu hiệu tâm hồn Em
Đêm Noel im lặng
Sương sa ở bên thềm
Bông mai rung trước gió
Tỏa ngát hương trong đêm
Lòng mai trong trắng quá
Đẹp như chuông đồ rền.*

DIỆU-LINH

xảy ra thực—đó là những chuyện xảy
ra trong hầm và trên đồng củi, nhưng
còn về cây Giáng Sinh của Chúa thì
tôi không dám quyết là có thật hay
không.

The Heavenly Christmas Tree
(1876)

do Constance Garnett dịch trong :
The short stories of Dostoevsky
NGUYỄN

ÂM - HƯƠNG

Người đi thuở trước, mình đi liền
Đến lượt mình đi, vắng một người
Năm đất từ đây ai ấp ủ ?
Gương thề mặt đá, bóng trắng soi

(Giã từ)
PHẠM-TÁNG

Thơ ĐOÀN-THÊM

Gương thề, nặt đá bóng trắng soi
Đêm chưa tàn canh, mộng tỉnh rồi
Sương thấm lòng hoa, hoa đã rụng
Úa vàng, cỏ ngậm giọt chia phôi

Tha-thiết yêu đương, lỗi phận mình
Máu đào dâng hận ngập cao xanh
Bão lòng một trận tan vàng đá
Ba thước chôn sâu một mảnh tình

Hồn em u-uất lạc chân mây
Mộ vắng, hương thừa, thoảng khói bay
Anh khóc thương em, em hồi tiếc
Nửa đường, phút chốc nở rời tay

MAC-THU hạc

Gương cứ thề mà trắng cứ soi
Dẫu có thương, hoa cũng rụng rồi
Vội biết chắm hoa từ ở ngọn
Thì chi đau xót lúc pha-phôi

Đừng nói yêu-đương, chớ dối mình
Máu đào từng cạn buổi còn xanh
Ai đi thì cứ ai đưa tiễn
Nẻo Giác ta không bận bụi tình

Siêu-thoát hồn ta gọi nước, mây
Ngàn trùng nương gió cánh hồn bay
Thương chung những kẻ vương trần lụy
Ngủ một đêm rồi mộng trắng tay

Vẫn tưởng ngàn thu ngậm oán hờn
Nhìn anh gối chiếc với chăn đơn
Đăm đăm trăng khuyết vừa ly biệt
Đã ngổ mười năm nhạc lạc đàn

Xa nhau mới biết rõ lòng nhau
Trút nợ trần-duyên, nặng gánh sầu
Kẻ ở, người đi, ai đứt ruột?
Suối vàng thánh-thốt hạt mưa ngâu...

Thăm viếng canh trường mượn giấc
Trông nhau càng xót cảnh bơ-vơ
Trao thương gửi nhớ đôi hàng lệ
Khuất nẻo u-minh ánh nguyệt mờ...

Đời phen rung lá động cành sương
Nấp bóng chiều hôm đứng cạnh
Em sát bên anh, anh chỉ thấy
Ngàn trùng mây khói biệt âm-dương.

Vì em anh bỏ phí ngày xuân
Giữa hội yên-hoa tóc bạc dần
Bao đóa hồng tươi mong kẻ hái
Tiếc chi ai-cúc chốn khâu-phần

Cứ mãi yêu, ghen với giận, hờn
Cười trong đại-yến, tiếc cô-đơn
Nơi chốn xum-hạp, lo chia biệt
Nghe quý hò reo, tưởng tiếng đàn

Đến thuở nằm xuôi họa biết nhau
Hãy rót hồn đi trong rượu sầu
Cứ tìm mãi thân vào lớp bụi
Ngàn mây ta tắm nước sông ngâu...

Dương-thế ta vừa trải giấc mơ
Hờn, yêu lạc-lỡng, hận vu-vơ
Khóc hảo, ghen xuông, thương giọt lệ
Xót hoa sớm héo, trách gương mờ...

Nghiêng nằm nghe rụng mấy đài
Từ thuở chẵn hoa tủi chiều giường
Một mảnh hồn hoang, ngàn cỏ úa
Khát-khao từng giọt nước cành
dương

Ta, đến bây giờ mới thấy xuân
Phù-hoa trần-thế mãi xa dần
Xương tàn một năm ba tầng đất
Còn có chi đâu dưới mộ-phần

Hương lửa cùng anh, ước tái lai
Cõi trần, em lại muốn đầu thai...
Nụ xanh chưa nở, anh già cõi
Chẳng lẽ yêu-đào sánh lão-mai?

Mong anh sớm gặp khách thuyền-
quyên
Hình dáng như em, nét dịu hiền
Nghĩa trước tình sau anh trọn vẹn
Mắt còn em đỡ tủi tơ duyên

Bạn gái thương em kiếp lỡ làng
Đạp-thanh viếng mộ buổi xuân-quang
Đuốc hoa sớm tắt thân vùi dập
Nghĩ-ngút làm chi mấy nén nhang

Chung tình em luống ngại tiêu-vong
Giữa mộ xin ương một khóm hồng
Thề-xác em tan thành nhựa sống
Nhuộm màu huyết-lệ thấm đôi bông

Anh chiết vài chi, cắm trước nhà
Nhớ nhung, khỏi ngại quăng đường
xa
Nước trong anh tưới hồn em mát
Muôn thuở, thôi đành một kiếp hoa..

B.T.

Đừng bận lòng ai chuyện khứ, lai
Thất-tình từ nhiệm lúc hoài-thai
Thâu canh nửa giấc, nỗi kẻ chín
Gác vắng, hiên ngoài đã gió mai

Đầu cành eo-óc cái chim quyên
Giục sớm sang trưa, gió trở hiên
Giây tơ ví chẳng vào chung-khúc
Thì hãy coi là chuyện trái duyên

Nghiệp trái, tiền oan, dứt lệ-làng
Sông trăng vời - vợi nhuộm trời
quang
Mảnh gương kim-cổ còn soi đó
Riêng tắt từ lâu chuyện lửa-nhang

Đã có tồn thì phải có vong
Lận-đận ham chi lớp bụi hồng
Mỗi sợi tóc tơ là sợi lụy
Gai hồng kêu máu, nhỏ vài bông

Thôi hết rồi quê, thôi hết nhà!
Thôi rồi bến cũ, thôi trời xa!
Thôi cung-bạc hững, thôi thơ lạnh!
Ngọn gió đưa... và, một cánh hoa.

M.T.

TRUYỆN LIÊU-TRAI

TRU'ONG TAM - QUAN (1)

BỒ-TÙNG-LINH (1)

KIỀU-YIÊU dịch

TẠI huyện Chư-Thành (nay thuộc tỉnh Sơn-Đông), có một sĩ nhân tên là Thương Sĩ-Vũ (1), một hôm uống rượu say, nói chơi xúc phạm vị thân sĩ trong huyện. Kẻ hào phú kia xúi gia đình đả cho y một trận đòn như tử. Khiêng về nhà là trút hơi thở cuối cùng.

Vũ có hai trai, con cả tên Thần, con thứ tên Lễ, một gái tên Tam-Quan, mười sáu tuổi, đã định ngày xuất giá, nhưng vì việc rủi ấy mà hôn sự dở dang. Hai anh thừa lên quan trên, dằng dai cả năm vẫn chưa kết quả.

Đàng trai cho người sang thương-lượng với bà mẹ, yêu cầu nên từng quyền, làm phát lễ thành-hôn. Bà mẹ sắp hứa chịu, thì cô gái bước vào thưa: « Thi thể cha chưa lạnh, lòng đâu tính cuộc vui mừng ? » Chả lẽ riêng nhà ấy là không cha không mẹ sao ? Đàng trai nghe mà thẹn, tạm đình vụ đó lại.

Chẳng bao lâu, hai anh em thua

(1) Nếu dùng La-mã tự mà chú quốc âm của họ, thì người Trung-Hoa sẽ viết thế này : Shang Sankwan ; Pu Sungling ; Shang Shinyu không đánh dấu nối giữa họ và tên, chỉ là vì muốn giữ vẹn đặc tính của Hán văn (K-Y.)



Bao Chứng nữa sao ? Hai cốt phôi trở trở ra đây, lòng dạ nào nỡ thể » Hai anh phục lời nói phải, bèn lo chôn cất cho cha.

Mai táng xong, Tam-Quan đương đem lên trôn, chẳng biết là đi đâu. Bà mẹ lấy làm ê chề quá, nơm nớp sợ nhà trai biết được, không dám cho thân tộc hay, chỉ dặn hai con, lén dò la tin tức. Ngót nửa năm trời, vẫn không sao tìm được bóng chim tăm cá.

Một hôm vị thân sĩ ăn mừng sanh nhật, rước phường hát giúp vui. Kép hát Tôn-Thuần dắt hai đệ tử theo giúp sức. Một người tên là Vương Thành, dung mạo bình thường, nhưng giọng hát lời ca trong trẻo vui tai, tân khách đều tán thưởng.

Một người tên Lí-Ngọc, dáng điệu thanh tú như mỹ nữ. Bảo hát, y từ chối, viện cớ không thuộc. Nài ép quá, thì trong các khúc điệu y cho nghe, phân nửa là hát huê tình, hát ru em, khiến cử tọa vỗ tay cười ngất.

Tôn rất xấu hổ, thưa cùng chủ nhân : « Cậu này theo học chưa bao lâu, chỉ giỏi nâng li mời khách thôi. Xin đừng bắt lỗi. » Bèn sai y rót rượu.

Ngọc lẳng xẵng phục dịch, khéo đón ý chủ nhân. Vị thân sĩ lấy làm thích. Lúc rượu tàn canh và khách đã chia tay, cầm y lại hầu hạ lúc ngủ. Ngọc dọn giường, cởi giày cho ông ta, ân cần châu áo. Mượn hơi say mở lời cợt nhả, thì y chỉ cười tủm tỉm. Ông ta càng mê hồn, truyền cho tôi tớ lui đi cả, chỉ giữ một mình Ngọc.

kiện, ôm nỗi oan khuất trở về, cả nhà đều bị phân. Hai anh em toan giữ xác cha, không chôn, dự định kiện tới, Tam-Quan phân trần : « Người ta bị sát hại, mà chẳng đem xía gì cả. Sự đời đã đến nước ấy, khỏi nói cũng dư hiểu. Trời có lí đâu chỉ vì vụ kiện của hai anh mà tái sanh một

Ngọc đợi đến khi tôi tớ ra hết, liền đóng cửa cài then rõ chặt. Kẻ ăn người ở rủ nhau vào phòng khác đánh chén. Một lát sau bỗng nghe ở sảnh đường có tiếng lách cách. Một tên đầy tớ bước sang xem thử, thấy trong phòng tối om, lạnh ngắt. Định trở gót, chợt có tiếng động dữ dội, như treo vật gì nặng trĩu mà đứt dây.

Vội hỏi, tuyệt không ai trả lời. Ráo mọi người lại động cửa ập vào, thì ra thì thể chủ nhân đứt làm hai đoạn. Còn Ngọc thì đã tự ái, dây đứt nên rơi xuống đất, trên xà và quanh cổ còn lủng lẳng mỗi dây.

Ai nầy đều kinh hãi, chạy đi mách cho nội nhà hay. Cùng đổ xô lại, không hiểu đâu là đâu. Xúm nhau khiêng thấy Ngọc ra trước sân, mới nhận thấy giày vớ phập phồng như không có bàn chân. Cởi ra, lòi giày bó chân trắng bốp, mũi cong lên. Té ra là con gái, càng thêm khiếp đảm.

Bèn gọi Tôn Thuần lại đề cật vấn, sợ quỳnh, không biết ăn làm sao nói làm sao bây giờ, chỉ thưa rằng thảng trước Ngọc tìm đến xin làm đệ tử, nay

tự nguyện đi theo để chúc thọ cho chủ nhân. Thật tình chẳng rõ ở đâu lại. Nhà hào phú thấy ả mặc tang phục, nghi là kẻ thích khách do họ Thương sai khiến, bèn cắt hai người canh giữ.

Cô gái mặt mũi như ngọc. Sờ thấy mình mây còn ấm nóng, mềm mại, hai người kia bàn tính chuyện tà dâm. Một người quàng tay ôm thì thể xoay nằm nghiêng lại, toan mở nút thắt lưng; hốt nhiên trên sọ như có cái gì đập cho một vô, máu trong miệng phọt ra, chỉ giây lát rồi chết. Người kia hoảng cả vía, đi học chuyện cho các đồng bạn nghe, ai nấy đều tôn kính coi như bực thần minh.

Sáng ra báo tin lên quận. Quan quận tra vấn Thương-Thần và Thương-Lễ, cả hai đều khai chẳng hiểu ngọn ngành gì hết, chỉ biết em gái bỏ nhà đã nửa năm rồi. Báo họ đi xem thử, thì quả là Tam Quan. Quận trưởng lấy làm lạ, cho phép anh lãnh về chôn cất truyền lệnh cho người nhà hào phú không được báo thù.

KIỀU-YIÊU dịch

o Người trên không thể tự hạ trước người dưới, vì phải giữ uy tín. Nhưng trước công việc, người trên phải tỏ ra có tính thần khiêm nhượng; người trên dù ở bậc cao quý đến đâu cũng phải luôn luôn nhớ mình không phải là qui tắc cho thiên hạ và chỉ là kẻ thuyết minh cho qui tắc ấy mà thôi.

(Cha Courtois)

o Người trên thường khó chịu khi bị người dưới phê bình. Song người trên nếu không biết ơn thì cũng phải biết bình tĩnh khi nghe người dưới phê bình. Dù không căn cứ lời phê bình người dưới bao giờ cũng có một phần sự thật mà người trên hay quên và thường giúp người trên cải thiện.

KHÉP NÉP

Rồi những chiều mưa lên nhòa phố hẹp
Tôi lại trở về nhung nhớ mênh mông
Dáng cũ hình xưa dịu hiu lẳng đọng
Người đã đi rồi, chẳng hẹn bến sông...

Tôi ở nơi này hoài công mong đợi
Bởi quá chung tình nên khổ vu vơ
Ánh mắt sâu đêm, mùi thơm hơi thở
Một buổi lâm hành không rượu tiễn đưa

Mộng úa hồn đơn nghe chừng bờ ngõ
Khép nép hoa lòng bất thoáng tương tư
Chỉ một lần nào mà ra gặp gỡ
Quen nhớ quen buồn từ dạo ban sơ

Tôi sẽ không còn làm thơ được nữa?
Mai mốt ai chờ mà nhớ mà thương?
Tôi sẽ không về đường xưa lối cũ
Hoa bướm đi rồi nhạt sắc phai hương

Vì trót chân tình nên ra hờ hững
Một thửa nào về ôm ấp vàng son
Không đẹp gót hài người sang xứ mộng
Cho lỡ cung sầu vò vố cô đơn

Rồi đếm thời gian tôi về phố hẹp
Mơ thuở tự tình, đan díu mi môi
Dáng dấp qua rèm mang theo giấc điệp
Khép nép tôi chờ người đến trong tôi...

Sông Phồ, 59

LÊ-HÙNG

(Văn-Đoàn Viễn-Xứ)

Kbc 3025

KÈN ĐƯA MA

VIỆT-TRƯ

MỘT kèn dài loa gõ, một chiếc ôc tù-và, một tay trống tiêu, một cây đàn nhị hòa tâu. Đàn nhạc cổ đưa ma thật đơn-giản và chẳng biết hương-linh có thấu đến nỗi sáu tứ biệt hay không chứ đối với người sống thì cũng đã lâm-ly.

Trống từ hồi rung-rức, đàn cách nhịp tàn-tàn, tù-và âm-u lắng xuống mà tiếng kèn lại cồ vuron lên i-ôi, dai-dẳng để chấp dài những đoạn tí-tê, đứt nối. Cứ như thế, nhạc rền-rĩ, đều đều một điệu từ lúc đi quan cho đến giờ hạ huyết.

Tang gia càng bồi-rối, hoàn-cảnh càng đau thương, nhạc càng như thê-

thiết. Vợ khóc chồng, kẻ lẻ mối tình dang-dở, kêu van «đứt cánh nửa đường», con khóc cha quặn thắt chưa tròn hiếu đạo, lồng trong giọng nhạc chơi-vơi, đã làm não lòng bao nhiêu quyền thuộc, thân-bằng, lây sáu đến cả khách bàng-quang đưa tiễn.

Tuy-nhiên đời, giá có kẻ chân-thành cắt nón, nghiêng mình ái-ngại trước cái chết của người đứng, tiếc rẻ một bóng người tàn khuất theo cỗ quan-tài để rồi cảm nghe nặng buồn nhân-thế thì cũng còn vô số người có thể thờ-ơ, lạnh nhạt, cảm bằng dĩ-nhiên vắn-để sinh tử. Phải chăng vì thế mà ở đây, trong xã Kỳ-sơn

cũ-kỹ, chật-hẹp nấy, dàn nhạc đưa ma chỉ còn để làm rậm hay rợn đám. Trước kia đám ma, ngoài bàn triệu, cỗ nhạc vẫn còn có bàn đám, phường chèo, phường cộ, linh-xa v. v... nhiều, ít, lớn, nhỏ tùy theo thân-thể, tài-sản của gia-đình người quá cố. Gần đây, một phần lớn vì sinh-hoạt khó-khăn, phải tránh những lễ-nghi rườm-rà, hao tốn, một phần khác cũng vì nhận thức được ý-nghĩa chính của việc đưa ma, người ta đã thu gọn dàn đám, bỏ hẳn được phường chèo, phường cộ, nhưng ban nhạc cỗ vẫn còn được lưu lại, song song với bàn chưng lá triệu.

«Ma không triệu» ra đi «không trống, không kèn» vẫn là tiếng thị-phi mà người ta muốn tránh. Thế nên, Tư-Kèn vẫn còn phải phùng má, trương gân cổ òòò, í... í, íe, nhá giọng bi-ai, với các bạn đồng ban, khóc mướn, thương vay, đưa người chết đến nơi an nghỉ. Tư-Kèn trong ban nhạc cỗ, người ta vẫn để ý đến anh nhất; mỗi khi có đám ma, người ta vẫn thì-thăm đến Tư-Kèn, vì tiếng kèn của anh nổi bật lên, buồn thảm, nhưng cũng chẳng ai cần tìm hiểu tên thật anh là gì.

Tang chủ cần đến dàn nhạc cỗ sẽ được biết thêm rằng Tư-Kèn giữ vai trò quan trọng mới-mẻ ra, phải gọi anh là nhạc-trưởng. Thiếu anh, các bạn đàn, trống, tù-và chỉ còn là rần không đầu, chẳng bao giờ dám hợp tấu. Tư-Kèn không sông hẳn bằng chiếc kèn loa gỗ. Nghề chính của anh vẫn là nghề thợ hàn, dát.

Nhà anh ở ngay tại một thôn nhỏ giáp ranh ngoại-ô thành phố. Hằng ngày anh phải quảy gánh lang thang từ vùng nầy sang vùng khác, hàn, dát rong mới nuôi sống nổi gia-đình một vợ, ba con. Nhưng dù anh đã đi xa nhà chẳng nữa, gặp đám, các bạn đồng ban cũng phải chia nhau tróc cho kỳ được anh về. Riêng Tư Kèn, đôi với nghề nhạc cỗ, tuy là nghề phụ, vẫn giữ được đầy đủ lương-tâm.

Chẳng lợi lộc gì hơn, ngoài một bữa ăn tạ đám và một món thù lao lắm lúc chẳng cân xứng với hơi nghìn bỏ ra trong tiếng kèn ai-oán, nhưng bao giờ anh cũng sẵn-sàng, sốt sắng và nhất là không yêu-sách. Ít nhiều tùy lượng tang gia, đại diện toàn ban trong văn-đề giao-dịch, anh chẳng hề đòi hỏi hơn thua. Hình như trời khúc nhạc buồn trên đường vĩnh-biệt, Tư-Kèn đã cảm-thông tường-tận bao nhiêu đau-đớn của cảnh mắt, còn và cũng đã ví mình như kẻ thọ tang.

Hơn một tháng nay, bệnh đậu mùa hoành-hành tại một làng lân cận thôn anh. Các tổ-chức y-tế, xã-hội đã kịp thời hoạt-động ráo-riết, chặn đứng ngay được mối họa hiểm-nghèo, không để tràn lan thành dịch. Tuy nhiên, Tư Kèn cũng đã phải một phen khổ-nhọc, đưa mười lăm đám trong một tuần trắng. Từ lúc nắm vững tay kèn đến nay anh mới biết vất-vả, ê-chề là một. Thịt má còn đau, gân cổ còn mỏi, kèn vừa mới treo lên, một tang chủ khác đã hót-hải tìm đến...

Tư Kèn vẫn cố gắng. Anh không nỡ để ma đi vào huyết trong âm-thăm, lặng lẽ. Lần cuối cùng mà anh ra tài khóc mướn vào dịp này, lại là lần khóc mướn không công. Giọng anh đã khàn, môi anh đã dộp rát, má anh đã phụng sưng lên, nhưng anh vẫn không có cách chỗi từ. Người chết chẳng còn ai xa lạ. là chính bác Lãm, tay ộc tù-và trong ban cổ-nhạc :

— Bác Tư ơi! Bác Tư ơi, chị Lãm gào lên uất-ức, nhà tôi sinh tiền vẫn nhờ bác dạy cho thôi được tù - và. Nhà tôi chưa bao giờ rời bác trong một đám tang nào. Bác nỡ để vong-linh nhà tôi túi-hồ ra đi « không trông, không kèn »! Bác Tư ơi!...

Tư Kèn thù người suy-nghĩ, rồi nước mắt luân tròn, anh nghẹn-ngào : « Phải!... Phải lắm! Vong linh bác nhà thâu rõ cho tôi! Trọn đời tí-tê khóc người dựng, thiên hạ để rồi, chết đi... Vâng, túi hồ... tôi

biết lắm! ».

Thế là, đám ma bác Lãm được cử hành như vợ bác ấy mong muốn, cũng kèn kèn, trống trống như ai. Vợ chồng bác Lãm nghèo khó chẳng hơn gì gia-đình Tư Kèn, nên ngoài chiếc quan-tài dĩ nhiên phải có, dàn nhạc cổ theo ngay sau bàn triệu—Vồn thương bạn, hơn nữa không muốn lần này dàn nhạc cổ lại sút kém những lần khác, Tư Kèn cấp

thêm chiếc ộc tù-và, thỉnh thoảng nghĩ kèn thổi ộc tu lên, u-trăm, ảo-não.

Chôn cất xong xuôi, chị Lãm bày lên lưngchai rượu ta, dăm miếng

trầu, sứt-sùi tạ ơn ban cổ-nhạc. Tư Kèn tươi tỉnh lên. Anh nhấp non chén rượu, với lấy miếng trầu, rồi bằng một giọng sung sướng : « Thừa bác, chúng tôi mãn nguyện lắm rồi! Sáng nay, thức dậy, môi vẫn còn bong lên, má lại sưng, tôi chỉ sợ không kham nổi! Thế mà nhờ vong



o Người lãnh đạo không vụ lợi ích riêng mình. Người ấy đi tới mục đích là vì có bốn phận phải đi tới, thì không phải vì muốn thu được thắng lợi cho mình.

linh bác nhà phủ hộ, tôi chịu đau, thối già một lúc đã tê hần đi, thấy như không làm sao cả».

— Ấy thế mà lại còn tù thêm cả tù-và nữa, bác Trịnh đàn nhị xen vào! Không khéo lại loét cả môi ra thì khồn! Vừa nói, bác vừa nhắc chiếc ộc tù-và để cạnh đây, đưa cao lên nhìn vào ruột ộc rồi la to: «Trời ơi! Máu đọng cả lớp trong tù-và! Này xem!» Bác trao chiếc ộc qua, Tư Kèn cầm lấy và chẳng buồn nhìn đến: «Không làm sao đâu, hòng kèn cũng nghệt cả máu, tôi vừa xoi ra đây! Tính tôi vẫn thế, thà là đừng bày ra chứ đã tâu mà trông ngược, kèn xuôi hay không thành bộ sậu cũng chỉ tổ làm cho thiên-hạ chê cười, tủi cho vong-linh».

— Thế thì từ nay bác Tư lại phải thay nhà tôi thối luôn cả tù-và, chị Lãm thử dài để chằm dứt câu nói.

— Vâng, cũng đành phải tạm như thế đã, chẳng dễ gì tìm ra người thay được bác mà!

Chị Lãm khóc òa lên...

Bảng đi một dạo, Kỳ-Sơn sau nạn

đậu mùa, vừa bắt đầu trở lại cuộc sống yên lành, bình-dị xưa kia, thì sớm tinh sương ấy, những bác nông phu đánh trâu ra đồng nếp vào hai bên bờ đường đất đắp, ngo ngác nhìn theo một đám đưa ma lặng-lẽ đi qua. Bàn triệu dẫn đầu, tiếp ngay sau liền là cỗ quan-tài phất giấy điều, khiêng trản, không có dàn nhà mùng che ngoài. Tang gia hản là nghèo lắm! Trên quan-tài hai ngọn nến trắng sừng-sững vươn lên hai đầu, ngay ở giữa đặt chiếc kèn loa gỗ và chiếc ộc tù-và. Dàn nhạc cổ lẩn nẩy chỉ còn vồn-vẹn có tay trống tiêu và tay đàn nhị nhưng cả hai đều mang nhạc-khí sứt-sùi đi sát quan tài, không buồn, không dám tâu lên.

Từ chập, từ hồi đứt nôi, tiếng người quả phụ nghẹn-ngào nước mắt vang lên, l-ôi, buồn thảm: «Anh ơi! Trọn đời ti-tê khóc mướn thương vay... đem hơi tổng tiền người dựng thiên-hạ... Chết đi... anh lại phải ra đi thui-thủi... «không trồng, không kèn»! Đau đớn lắm, anh ơi!...»

Kỳ-Sơn, từ dạo ấy, chẳng bao giờ còn có nhạc đưa ma.

VIỆT-TRỮ

- o Bạn chớ bao giờ tự cho mình là tiên-tri: .. «Tôi đã biết trước mà!... Tôi đã bảo trước mà!..» Vì nếu bạn đã đoán trước được sự việc xảy ra, thì hoặc bạn đã có biện pháp đề phòng, trong trường hợp này, tưởng bạn chẳng nên ca tụng «chiến thắng» của mình vì chiến thắng của bạn là chiến thắng thất bại, hoặc bạn không có biện pháp đề phòng, trong trường hợp này, tưởng bạn càng nên im lặng, vì nhận mình là tiên tri, bạn chỉ làm cho bạn trở nên lỗ bịch và đáng ghét đối với những người cộng sự.

LỜI CÚ VỀ CHIỀU

Đây chiều chết lặng trong tim
Chiều ngưng trong máu, chiều im trong hồn
Chiều rơi thoi-thóp mỗi-mòn
Ta nhìn nằng động bên cồn ngàn-ngơ
Chiều đi hiu-hắt hoàng-sơ
Gió lay-lắt động vật-vờ cỏ cây
Chiều nghiêng phủ mái tranh gầy
Vườn nương hoang-phế, đỏ đây chạnh sầu
Sông dài cuốn chảy về đâu
Mênh-mông trời nước một màu quạnh-hiu
Núi mờ son nhạt cô-liêu
Xa-xôi, trăm-mặc giáng chiều nhuộm pha
Điêu-tàn, mấy cuộc can-qua
Thời gian hờ hững, lòng ta bồi hồi
Tang-thương vật đổi sao dời
Ta về lối cũ ngậm-ngùi, ngàn-ngơ

Trăm năm đâu bề xóa mờ
Riêng ta còn tiếc thời xưa huy-hoàng...

Sông Chợ-Cũ Tam Kỳ
Một buổi chiều
KIM-THU

NGƯỜI NỮ-TÌ

☆ VŨ-HẠNH ☆

(tiếp theo B.K. số 71)



Trong một gian phòng giữa chốn dư-dinh, Thừa-tướng họ Lã đang ngồi bên cạnh án thư, một tay chống cằm, một tay cầm bút nhúng yên trong chiếc nghiêng son, vẽ mặt trầm-tư... Giây lâu, Thừa-tướng buông viết, đứng lên, đi lại trong phòng.

Lã-Thạch-Phủ :

Còn viết những gì thêm nữa trên mây cánh hoa tiên ngựa rộng đón chờ ! Những vần thơ cô-độc ngày xưa bây giờ đã trở thành nhạt-nhẽo. Lòng ta đâu còn cô-độc ? Ngày xưa, mỗi hận thù nằm yên trong đáy hồn ta như nằm mổ hoang lạnh thì ngày nay nó đã mọc lá đơm hoa. Ta như kẻ làm vườn chờ ngày kết trái... Trái của hận thù... phải chăng làm bằng ý-vị chua cay lẫn chắt ngọn ngào ? Nêm vị ngọt ngào trong lúc tuổi già sức yếu mới thực vô cùng chua chát. Nhưng chua



chất lại là sự sống... Không, không, ta yếu hèn rồi...

Lã-Thạch-Phủ ! Nhà ngươi còn nghe rõ âm vang của gót giày ngươi, lượng đo được nhiều dài của mắt ngươi nhìn, biết được sức nặng của lời ngươi nói thì ngươi không có quyền ngã gục dưới bóng xế chiều. Những cái gì khiến ngươi khát vọng suốt cả đời ngươi thì bây giờ ngươi phải bầu chặt vào da thịt cuộc đời mà rút từng mảnh lớn, phải hút trong xương tủy cuộc đời ra từng dòng sôi. Hận thù phải làm cho phát tiết vinh quang, vinh quang phải làm cho xóa sạch hận thù... *(Nghe tiếng động bên ngoài)* Kia,... ngươi đã đến rồi, phải không Nguyên-Hạo ?

(Lách tấm rèm trúc-lệ, Nguyên-Hạo bước vào)

Nguyên-Hạo :

Thưa ngài, tôi xin đợi ngài truyền dạy.

Lã-Thạch-Phủ :

À... Nguyên-Hạo... hãy ngẩng mặt lên cho ta nhìn rõ ngươi hơn... Nhà ngươi quả thực sinh ra không phải để làm một kẻ lính hầu.

Nguyên-Hạo :

Xin ngài cho phép tôi được về quê nối nghiệp cuộc cày.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta không phải cho gọi đến đây để vì ngươi mà chấp thuận một sự yêu cầu. Ta muốn gọi ngươi đến đây để ngươi nghe lời ta dạy : Từ lâu, nhà

ngươi đã đổi khác rất nhiều. Dáng điệu nhanh nhẹn ngày xưa bây giờ đã mất, cặp mắt ngươi nhìn y như lui về dĩ vãng, đôi chân ngươi đi y như lạc loài giữa chốn hư-vô. Ngày xưa nhà ngươi dồi dào sinh lực bao nhiêu thì ngày nay héo hắt như cây thiếu ánh mặt trời. Kể từ ngày nghĩa-nữ của ta được tuyển vào cung thì ta muốn rằng niềm vui ở nơi lòng ta phải được truyền lan cho khắp mọi người. Ta không được biết nhà ngươi thay đổi vì những lẽ gì, nhưng đã sâu đau là đã thiệt thòi. Từ nay, ngươi sẽ không còn là kẻ lính hầu gác cổng tư-dinh. Hãy để điểm canh cho những kẻ không biết nhìn xa ra ngoài bụng chứa đồ ăn. Kẻ nào thiệt thòi nhiều nhất thì phải được đền bồi nhiều hơn, đó là lẽ công bình của Thiên-đạo. Đã biết tru-tư là biết suy nghĩ. Đem sự suy nghĩ mà xây một lâu đài lớn hơn ngàn cái điểm canh. Ta sẽ nhờ quyền thế của chánh-cung để cử cho ngươi làm chức Đốc-quân ở chốn nội-thành. Những kẻ trai trẻ thường hay nông nổi, tham lam muốn bán hai chim cho rớt một lần. Ta khuyên nhà ngươi chọn lấy một đường, con đường địa vị, địa vị có nghĩa là quyền hành, phú quý, ái-tình. Nhà ngươi rồi sẽ đi xa, nhưng thỉnh thoảng cũng nên nhớ rằng hai mái điểm canh của nhà họ Lã đã từng che mưa đỡ nắng cho ngươi.

Nguyên-Hạo :

Thưa ngài, xin cho tôi trở lại quê hương cày xới ruộng vườn. Không-khí phồn hoa làm tôi vàng vọt xanh xao và tiếng xe ngựa kinh thành chỉ

khiến cho tôi điên loạn. Cho tôi được nhìn lại bóng mình dưới nước ao đầm, thấy được hồn mình ở trong hoa cỏ. Đôi tay của tôi sẽ không gieo rắc tang-ma mà khơi lên sự sống ủ từ lòng đất...

Lã-Thạch-Phủ :

Nhà người đừng nghĩ thể mà lắm. Đôi tay của người từ lâu đã rời cày cuốc mà quen việc gươm đao, ruộng vườn chỉ chực uểng lầy mỡ-hôi của người mà chỗi từ ban cho sự sống. Đừng nông-nổi mà nghĩ rằng đất ruộng hiền lành. Đất ruộng vốn là một giống ngựa hay, cho nên đòi với những kẻ non nghề nó cũng sinh chứng bắt kham mà hất xuống ven đường. Cuộc sống đã tạo cho người một cái sở-trường thì không nên bỏ đây mà chạy tìm sở-đoán. Rèn cái sở-trường cho thành thiện-nghệ, đẩy cái thiện-nghệ cho đến tinh-anh. Mặt nước ao đầm chỉ phản chiếu cho người một hình ảnh lơ mờ, cỏ hoa sẽ rọi hồn người những buổi thanh-nhàn vô sự. Nhưng trong đau khổ, cỏ hoa là loài bạc-ác vô tình...

... Thôi đi, đừng nghĩ viển vông, hãy nghe lời ta dạy bảo.

Nguyên-Hạo :

Thưa ngài, tạo được địa-vị mà dựa vào quyền thế thì có khác gì nhô lên nhờ mặt sóng cồn. Một khi đợt sóng hạ rồi, e mình phải vùi thây nơi vực thẳm. Thà cam khổ cực mà thân-danh khỏi điều xấu hổ sau này...

Lã-Thạch-Phủ :

E ngại như vậy là bản lĩnh tầm

thường của những kẻ mới học làm đạo đức. Cái đạo đức thực sự không cần nề kiêng đạo đức.

Nếu cái tài của người chưa đủ để giúp người tiền-đạt thì hãy tìm xem xương sống cuộc đời là những thứ gì ? Ý dựa vào quyền thế ư ? Mua chuộc bằng đồng tiền ư ? Lợi dụng bằng sắc đẹp ư ? Nếu chỉ quả có thể thì hãy chấp nhận cái sự thực ấy, bởi vì quay lưng từ chối thì chỉ còn chọn lấy cái kiếp sống mồi meo của tên ăn-sĩ ở nơi hàn-cốc thâm-sơn. Chỉ sợ thiên hạ cho màu hồng-hoàng là đẹp mà người cũng bỏ tiền may áo hồng-hoàng chạy níu sau đuôi. Sao không lấy đất hoàng sa trộn cùng son gạch mà nhuộm áo hồng-hoàng mặc cho tươi đẹp hơn người để dẫn đầu thiên hạ rồi tìm cách bắt người may áo thiên thanh ? Hạng bắt tài phải dựa cậy quyền thế đã đành mà hạng có tài lại càng nên dựa cậy để khỏi uổng công tìm cách tiền thân. Chỉ sợ ngồi trên địa vị như ngồi chỗ giếng sâu thăm thẳm, mịt mờ mà tưởng trời bằng chiếc thúng đó thôi. Bây giờ nhà người chưa tỉnh khỏi cơn sầu não, hãy về yên nghĩ ba ngày, ngẫm kỹ những lời ta nói rồi sẽ đến đây tỏ ý thiệt hơn. Thôi, cho người lui.

Nguyên-Hạo :

Kính chào Thừa tướng. (quay ra)

Lã-Thạch-Phủ :

...Này..., Nguyên-Hạo ?

Nguyên-Hạo :

(quay lại) Xin ngài phán truyền....

Lã-Thạch-Phủ :

Ta hỏi điều này : trong đời người đã có lần nào người oán thù chưa ?

Nguyên-Hạo :

Thưa ngài, tôi thương yêu không hết, lấy đâu mà nói oán cừu.

Lã-Thạch-Phủ :

Đó là kiểu sống khiếp nhược.

Nguyên-Hạo :

Thưa ngài, cho tôi trộm nghĩ...

Lã-Thạch-Phủ :

Nói đi.

Nguyên-Hạo :

Cho tôi trộm nghĩ... thì sự oán thù nếu không phải là cốt-tình của loài ác thú...

Lã-Thạch-Phủ :

Của loài ác thú ?

Nguyên-Hạo :

Thì cũng là món đồ trang sức của hạng phong lưu hay cái quyền uy giả tưởng của phường ti tiện.

Lã-Thạch-Phủ :

Của phường ti tiện ? của kẻ phong lưu ? của loài ác thú ? Người lại lầm rồi ! Oán thù là phản ứng của lòng danh dự, là lẽ sống của những con người không chịu khuất phục con người. Nếu câu nói của nhà người không phải là vi dỗi trá thì chắc rằng người chưa từng sống bao giờ. Cho lui !

(Nguyên-Hạo cúi chào, ra ngoài. Lã-Thạch-Phủ đi đi lại lại trong phòng).

Phải chăng oán thù là đồ trang sức của hạng phong lưu, là cái quyền uy giả tưởng của phường ti-tiện ? Hay là cái lẽ phải của giống vô loài ? Hừ !... Bỗng nhiên những lời đại dột của đứa ngu-si lại làm quây rầy óc não của ta như con ruồi nhặng cò sức bám vào mâm cỗ. Nếu đem lý luận đơn giản để giải thích những lẽ tẻ nhạt huyền vi trong cõi tâm tình thì có phân biệt được gì giữa kiếp nhân sinh với loài thảo mộc, giữa bậc đại trí với kẻ phàm phu, giữa con thú quen nói tiếng người và giữa con người khoác áo thiên vương ? Hãy đem nỗi oán thù của người mà xáo trộn đất trời, hoang mang kim cổ, gây nên chuyện hải di sơn, làm cho muôn ngàn thế hệ về sau hiểu đâu là bờ bến của sức giận con người, con người già cả, con người cô đơn, con người u buồn, con người từ lâu tưởng đã chỗi từ tương lai mà quay về dĩ vãng. Nhưng ngoài công đình có tiếng ca nhạc, reo vui... Nghĩa nữ của ta đã đến... Sự sống phi thường bỗng dừng lại cuốn cuộn dâng lên ở trong mạch máu già nua... Tim ta trở đập rộn ràng y như đôi lại trong kiếp hóa sinh huyền diệu...

*Tiếng nhã-nhạc dừng lại ngoài thềm.
Áo vàng, mũ ngọc, Thúy-Hoa lộng-lẫy đi vào gieo rắc hương nồng bốn phía*

Thúy-Hoa :

Kính chúc ngài muôn tuổi thọ.

Lã-Thạch-Phủ :

Kính mừng hoàng-hậu ngàn năm bền vững ngôi cao.

Thúy-Hoa :

Xin ngài cứ gọi bằng tên Thúy-Hoa như trong năm tháng ngày xưa để tôi có dịp báo đền muôn một công ơn gây dựng của ngài.

Lã-Thạch-Phủ :

Không, ta không thể nào ngăn lại lời ta hai tiếng xưng hô Hoàng-hậu mà ta khao khát nói đến từ lâu. Hoàng-hậu ! Hoàng-hậu ! thực là tôn quý dường nào ! Cái lý tưởng cao nhất, đẹp nhất mà mọi kẻ phần son đều phải ước ao là được nghe từ miệng thần-dân những lời tụng xưng Hoàng-hậu ! Nhưng mỗi đời Hoàng-hậu phải tạo nên lịch sử riêng mình. Bằng quyền uy của ngôi báu, bằng huy hoàng long lẫy của châu ngọc muôn đời tích-lũy trong những kho tàng vương-giả. Và một bậc hoàng-hậu chỉ thực uy nghi khi mà dưới chân thơm đẹp của người phủ phục một đảng quân vương !

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, hoàng đế đã hết mực nuông chiều sủng ái, ngài luôn truyền phán : « Ái khanh là kẻ mà ta yêu quý nhất đời, »

Lã-Thạch-Phủ :

Muôn vạn đàn ông đều bảo rằng yêu quý nhất đời những kẻ đàn bà mà họ lần lượt gặp gỡ trong đời ! Thực ra họ rất chân thành trong phút say sưa nhưng chỉ trong phút ấy mà thôi. Tại sao ta còn bắt họ giữ lời khi họ đã hết say sưa ? Ái tình đâu phải là tù ngục mà luôn luôn thêm giữ những cái xác đã khô rồi sự sống ? Hoàng hậu... không nên thỏa mãn bằng những lời cam kết thiêng

liêng nhưng vô ích, phải bắt lời nói chuyển thành hành động, sao cho lời nói bay đi, đền đài còn lại. Nhan sắc của hoàng hậu phải ở nơi lầu ngọc thêm vàng, phải có vọng đài cao trên chín đợt để mà ngắm đền chân trời, phải có hồ dài trên trăm trượng để mà nhúng ướm gót sen... Phải ăn trong ca nhạc, ngủ trong tiêu thiếu, bồn vách cung phòng phải giát toàn châu châu ngọc, ướp kỹ xạ hương...

Thúy-Hoa :

Bao nhiêu long lẫy xa hoa, thưa ngài tôi đã trải nếm đủ rồi. Hoàng đế trước mặt tình yêu bao giờ cũng chỉ biết thỏa thuận mà không biết chối từ. Đền đài đang xây cất, vũ điện đang trang-hoàng, hồ sen, lầu ngọc, màn xạ, vách trâm thức thức mỗi ngày mỗi một điểm tô cho thêm say lòng vương giả... Nhưng thưa ngài, cái ham muốn vật chất không bao giờ có thể nguôi khuây mà tiếng dân oán thán đã xuyên thủng tường dày mà vào nơi cung cấm.

Lã-Thạch-Phủ :

Cái gì đo được sự lớn lao của các triều đại huy hoàng ? Ấy là thành quách, đền đài, lăng miếu nguy nga. Không có công trình nào trên cuộc đời này được dựng xây nên mà không nhờ đến sức người. Sức người càng đuối, tiếng kêu càng to. Tiếng kêu to lớn làm nên cái dư âm của các triều đại huy hoàng.

Thúy-Hoa :

Nhưng làm sao chịu được những lời oán thán rền vang bồn bức cung thành !

Lã-Thạch-Phủ :

Ấy là tại Hoàng hậu chưa hiểu cái lẽ then chốt của tâm não con người. Lời dân kêu ít thì nghe được rõ ràng nhưng lời dân kêu nhiều thì vang động bốn phương nghe không rõ nữa. Vài giọt mưa rơi trên lá có thể khiến ta ngâng mặt nghiêng đầu nhưng khắp trời mưa dội thì ta cứ khoan thai mà ngủ giấc yên lành. Hoàng-hậu không nên nghiêng đầu ngâng mặt mà tổn hại tâm thần. Hãy tìm cái giấc ngủ khoan thai để giữ lấy dung nhan.

Thúy-Hoa :

Nhưng một khi đau khổ não-nề, người dân đứng dậy.

Lã-Thạch-Phủ :

Thì cùm tay bịt miệng. Dân là một giống vật đã nuôi lâu đời trong nhà, nên sợ vọt roi, có gì đáng ngại ?

Thúy-Hoa :

Nhưng còn con người ? Một khi con người vùng lên...

Lã-Thạch-Phủ :

Thì tiêu diệt con người !

Thúy-Hoa :

Trời ! Làm sao mà diệt nổi con người ?

Lã-Thạch-Phủ :

Chỉ còn một cách : từ chối cái phần người sẵn có trong ta. Chỉ nhìn thấy cái bên ngoài, quay lưng lại cái bên trong, chỉ đếm cái xác, đừng kể cái hồn. Rồi lấy thói quen mà làm đạo sống. Bấy nhiêu tưởng cũng đủ rồi. Hoàng-hậu há chẳng thấy rằng các triều đại xưa kia của những vị

chúa huy hoàng bao giờ cũng tìm sự sống ở trên cái chết của con người đó sao ?

Thúy-Hoa :

Nhưng đây chỉ là sự sống thoi thóp, chóng tàn, sự sống chớp lờ vụt biến.

Lã-Thạch-Phủ :

Thì cái huy hoàng nào mà chẳng chóng tàn ! Tươi thắm như hoa thì sẽ héo lúc trời chiều, nhưng xanh dày sắc lá có khi chịu suốt mấy mùa. Hoàng hậu đã muốn tung bùng thì chớ lo héo hắt, đã muốn chớp sáng thì chớ ngại đêm dày. Cái héo hắt là bằng chứng của vẻ tung bùng và đêm dày càng làm rõ thêm chớp sáng. Đẳng nào cũng chọn lấy một bề, xin hoàng hậu hãy chọn lấy cái phần mà cuộc đời dành sẵn cho mình.

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, tôi không mong gì sửa đổi cuộc đời, nhưng chỉ mong cầm chân nó lại, kéo dài những phút mà niềm vui hẹn đến miên man. Những lời oán thán xuyên bức thành dày mà vào nơi cung cấm làm cho giấc mơ của tôi xáo động không yên...

Lã-Thạch-Phủ :

Ít nhiều nếp sống nô-ti ngày cũ còn lưu luyện trong hồn khiến Hoàng hậu chưa được bình tâm trong cảnh yên vui. Chung quanh chưa hết khổ đau mà ta muốn yên vui trọn vẹn, chỉ còn một cách : Rót thêm rượu nồng, ướp thêm hương xạ, trỗi lên ca nhạc tiêu thiếu, tập cho mắt nhìn muôn vẻ hoa hòe,

luyện cho tai nghe trăm lời êm dịu, mũi chỉ quen ngửi chắt thơm, tay chỉ quen đồ tề-nhuynh, sau một thời gian là sẽ bình tâm, vui vẻ khác thường. Lúc ấy, phá đi những bức tường dày cũng chẳng nghe lời ta thán, ngồi giữa lê-dân cũng chẳng nhìn thấy khổ đau. Từ đây, là bắt đầu hoan lạc.

Thúy-Hoa :

Và cũng bắt đầu sụp đổ !

Lã-Thạch-Phủ :

Thì hãy cho sụp đổ !

Thúy-Hoa :

Trời ơi !

Lã-Thạch-Phủ :

Kêu trời vô ích. Vì đó là chính lẽ trời.

Thúy-Hoa :

Và ngài cầu mong như thế ?

Lã-Thạch-Phủ :

Ta không cầu mong. Ta tạo ra sự sụp đổ.

Thúy-Hoa :

Trời !

Lã-Thạch-Phủ :

Hãy kêu trời đi. Vì nó là chính sức người.

Thúy-Hoa :

Làm sao mà hiểu rõ lòng ngài ? Ngài là một người luôn luôn một mực tôn xưng, ca ngợi hết lời !

Lã-Thạch-Phủ :

Những kẻ tôn xưng ca-ngợi chỉ là những quân phá - hoại. Ca -

ngợi tôn-xưng không phải khổ công suy nghĩ, không phải lo âu cho sinh mạng thiết thời, ai làm chẳng được ? Hãy dành lời tán tụng để tôn xưng những đảng tồi cao biểu hiệu cho lẽ toàn thiện toàn chân. Còn thể-nhân chúng ta, ai mà tránh khỏi sai lầm, thì sự nghiệp ta xây dựng nên làm sao cho được thập phần hoàn mỹ ? Bởi vậy dám nói điều lắm, dám chê cái dở, ấy là xây dựng cuộc đời, miễn là đừng giấu trong thớ lười chắt nọc của rắn độc phun người. Lã-Thạch-Phủ không phải là con người xây dựng. Ta cần phá hoại...

Thúy-Hoa :

Để làm gì ?

Lã-Thạch-Phủ :

Để xây dựng cho ta !

Thúy-Hoa :

Dẫu cho sống trăm năm nữa cũng không rõ được ý ngài !

Lã-Thạch-Phủ :

Làm sao mà rõ được ý người chủ động khi Hoàng-hậu chỉ đóng vai lệ thuộc ở trong cuộc đời !

Thúy-Hoa :

Nhưng thưa ngài, kẻ lệ thuộc, dù cho lệ thuộc mức nào, cũng vẫn là người.

Lã-Thạch-Phủ :

Xin Hoàng-hậu đừng vội vàng trách móc. Chính vì ta không quên Hoàng-hậu là người nên ta vẫn dành lấy cho nàng sẵn một chỗ ngồi.

Thúy-Hoa :

Hỏi ngài, trong buổi tóc đã nhuộm

màu sương tuyết, ngài còn khao khát điều gì ?

Lã-Thạch-Phủ :

Mỗi tuổi của con người lại có một điều khát vọng, chắt thêm bao nhiêu khát vọng dồn chứa trong đời. Cái khát vọng thứ nhất nơi ta, lưu cữu từ xưa, là cái khát vọng trả thù !

Thúy-Hoa :

Hận thù ?

Lã-Thạch-Phủ :

Ta còn giấu gì Hoàng-hậu, nghĩa-nữ của ta ! Hận thù của ta trước hết phải là hận thù nơi lòng Hoàng-hậu ! Con người chỉ có thể lớn lao bằng những tình cảm kiên trì. Trên năm mươi năm, ta đã ôm mối hận thù, để đến ngày nay phải trả !

Thúy-Hoa :

Trên năm mươi năm ! Khởi hận phải là sánh với đất trời ! Ngài đã phải chịu một sự thiệt thòi vô cùng to tát ?

Lã-Thạch-Phủ :

Nói vô cùng to tát mà thôi ư ? Không, không, ta chẳng tìm ra tiếng gọi cho vừa. Một sự thiệt thòi mà năm mươi năm qua ta không thể nguôi khuây, mà năm mươi năm qua ta tính từng ngày cái phút trả thù...

Thúy-Hoa :

Xin ngài chờ khá dừng lời... Xin ngài cho biết... Ngài hãy nói đi !

Lã-Thạch-Phủ :

Một sự xúc phạm đến danh dự con người !

Thúy-Hoa :

Kẻ nào xúc phạm ?

Lã-Thạch-Phủ :

Kẻ mà thần dân đều gọi là đảng Tiên-Vương ! Kẻ đã sinh ra người ngồi trên ngôi báu hiện giờ !

Thúy-Hoa :

Một người đã chết ?

Lã-Thạch-Phủ :

Nhưng trước kia nó sống !

Thúy-Hoa :

Bây giờ thì đã qua đời...

Lã-Thạch-Phủ :

Nhưng con nó còn đây.

Thúy-Hoa :

Trời ! Xúc phạm điều gì ?

Lã-Thạch-Phủ :

Một câu nói của kẻ bề trên khinh thường người dưới. Nhưng người dưới ấy, là Ta.

Thúy-Hoa :

Nói như thế nào ?

Lã-Thạch-Phủ :

Cách đây năm mươi năm, lúc ấy ta hai mươi tuổi đầu. Ta là một tên lính thị vệ trong triều. Tiên-Đề của các người trong buổi tiệc tùng yền ẩm, gọi ta hầu cận. Giữa buổi, nó truyền rót rượu. Ta vội vàng, cuống quýt lỡ tay làm vỡ chiếc bình, rượu nồng đổ cả thêm hoa. Nó mắng ta : « Quân ăn mày ! » rồi thét quân đuổi ta khỏi điện và truyền cho bãi chức. Ta được bãi chức, ta lấy làm mừng. Ta cũng là người, đi hầu hạ người, ta thực muôn phần cực nhọc, dù cho là hầu hạ ngài vàng. Nhưng mây tiếng « ăn mày » còn vang dội nơi ta, ám ảnh hồn ta, theo

đuôi giày vò cả ta, khi ăn khi ngủ. Ta, một kẻ ăn mày ? Ta ăn mày ai trên cõi đời này khi ta cũng có quyền được sống, được hưởng như bao nhiêu kẻ khác ? Ta ăn mày ai khi bao nhiêu chất quý nuôi sống con người ta phải nhin lấy để dâng cho một lớp người nhàn-nhã phong lưu ? Ta, một kẻ ăn mày, khi tâm hồn ta, sức lực ta có thể tranh chấp với bất cứ sức mạnh trí tuệ và thể chất nào ? Ta, một kẻ ăn mày ?

Thúy-Hoa :

Một câu nói lỡ lời của kẻ bề trên !

Lã-Thạch-Phủ :

Kẻ bề trên không được quyền lỡ lời. Kẻ bề trên không được quyền xúc phạm người dưới. Người dưới nếu phải lỡ lời, nếu phải xúc phạm bề trên, điều ấy có thể khoan dung. Bề trên không chỉ tiêu biểu cho quyền uy mà còn tượng trưng cho lẽ phải. Không có lẽ phải, đừng nói quyền uy.

Ta đã nuôi trong lòng ta cái mối

hận thù con người bị khinh rẻ như người mẹ chăm nom đứa con độc nhất của mình. Ta đã đầu quân, lao mình vào chiến địa, nuốt khói, ngậm tên quyết tạo cho mình sự nghiệp. Muốn đẩy một hòn đá lớn không thể dùng thân lao sảy mà làm chiếc đòn. Ta lập nên những chiến công hiển-hách lấy-lùng là để nâng ta lên cho kịp kẻ thù. Ta càng nỗ lực, cơ đồ kẻ thù càng vững chãi, tốt tươi. Nhưng ta có xô ngã được sự huy hoàng, tâm lòng kiêu hãnh của ta mới được mười phần thỏa mãn. Thế mà già nửa đời người, ta đành đứng ngắm kẻ thù của ta hiên ngang sống giữa huy-hoàng. Rồi một tối mùa đông y vội vàng từ giã cõi đời như lần tròn bàn tay rửa hận của ta. Tuy vậy, dòng máu ngạo mạn khinh người vẫn còn sót lại trên ngôi. Cặp mắt chế giễu ngày xưa bây giờ đã có cặp mắt thay thế sáng sủa hơn nhiều. Đôi môi miệt thị ngày xưa bây giờ đã có đôi môi thay thế linh hoạt hơn nhiều. Những kẻ khinh mạn con người, đã tự cho mình cao hơn con người thì không thể gọi là con

- o Cái tội là cái đáng ghét, nhất là khi thi hành quyền lực. Foerster nói : « Quyền lực thiếu khiêm tốn là quyền lực quái dị ». Kẻ nói : « ta đây là chủ » thật nói một câu tức cười ; kẻ nói : « ta đây có lý » thật nói một câu kiêu dõm... ;
- o Dấu hiệu chắc chắn nhất để nhìn nhận ra một người có tinh thần lãnh đạo là khi thấy cách thức người ấy làm việc cho kẻ tới tiếp tục công việc của mình bởi vì đó là bằng chứng người ấy đặt sự trường cửu của sự việc lên trên bản thân mình.

người được nữa ! Ta găm nhăm mỗi
cắm thù dòn uất trong lòng như con
hổ đói bị nhốt trong lồng nhai lầy
khúc xương đã cũ. Và một ngày kia...)
gặp con bỏ rơi bên đám lau bờ, ta đã
nhặt lên !

Thúy-Hoa :

(ôm mặt, kêu lên) Vì ngài đoán tôi là
giọt máu của một kẻ ăn mày ?

Lã-Thạch-Phủ :

Hoàng hậu đừng buộc ta phải giả
dối lắt đầu trước một câu hỏi như
thế.

Thúy-Hoa :

Trời ơi ! Sự thực lại ảm nhiều nọc
độc !

Lã-Thạch-Phủ :

Và cả hương thơm... Xin Hoàng
hậu bình tâm.

Thúy-Hoa :

Làm sao tôi biết được những gì sẽ

xảy ra đến ngày mai ?

Lã-Thạch-Phủ :

Cái gì phải đến.

Thúy-Hoa :

Ngài định xô ngã tôi xuống vực
thăm nào ? Tôi không dám nán lại
nhìn ngài, dù trong giây phút. Tôi đi,
tôi đi... (vội vàng quay ra)

Lã-Thạch-Phủ :

Hoàng hậu ! Người đã lắm rồi !

*Thúy-Hoa đã biến mất ngoài rèm trúc-
lệ. Một ít hương nồng lan tỏa theo hơi
gió lạnh thổi vào. Lã-Thạch-Phủ bước
đến đầu thềm bỗng nhiên dừng lại, cúi
đầu. Tiếng nhã nhạc tiên thiên réo-rắt
nghe như vội-vã cuốn đi ngoài cổng tư-dinh.
Trong không khí của văn phòng tịch mịch
thời-gian như ngừng thở, lắng nghe.*

(Còn nữa)

VŨ-HẠNH

XUÂN CANH-TÝ

★

BÁCH-KHOA

☆ SỔ KỶ-NIỆM ĐỆ-TAM CHU-NIÊN

☆ SỔ XUÂN CANH-TÝ

Ra mắt bạn đọc ngày 15-1-1960

Sẽ là công-trình chung

★ của các bạn thiết-tha đến mọi vấn-đề chính-trị, kinh-tế,
văn-học, nghệ-thuật... hằng gửi bài cộng tác với BÁCH-KHOA.

★ của các văn-nghệ-sĩ đã từng góp sáng-tác, xây-dựng
cho BÁCH-KHOA phần văn-nghệ càng ngày càng có biệt sắc.

★ của các bạn đọc bốn phương đã sốt sắng chỉ dẫn cho
BÁCH-KHOA tăng thêm ưu-điểm, sửa chữa khuyết điểm, hầu
cải-tiến cho thêm hoàn hảo.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

- Thème initiation à la dissertation của *Huy-Kinh*, sách luyện thi tú tài, do nhà Yên-Sơn phát hành và gửi tặng sách dày 172 trang.
- « Đạo phật với con người », của *Cư sĩ Chi Thành* và do hội Việt-Nam Phật-Giáo tại miền Nam ấn hành.
- « Pháp văn đệ nhị » (quyển 1, hậu bán thẻ kỷ 17 và quyển 2, thẻ kỷ 18 và đầu thẻ kỷ 19) sách do ông *Nguyễn-ngọc-Quang* soạn và do nhà xuất bản Đất Nước gửi tặng. Sách dày 120 trang giá 36\$
- « Lược khảo về hiến pháp các nước Á châu, Hiến pháp Thái-lan và Nhật-bản », do ông *Đoàn-Thêm* soạn và gửi tặng.

Xin trân trọng cảm tạ các tác giả, các nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-khoa.

« BÁCH - KHOA »

ĐÓNG TẬP

đã có tập 5 (48-60)

Giá 105\$ và 110\$



Có bán tại các hiệu sách
và Tòa-soạn **BÁCH-KHOA**

160, đường Phan-đình-Phùng
SAIGON

ĐÍNH CHÍNH

Trong Bách Khoa số 72

- Bài **Ngồi mà nghĩ** của *Lan-Đình*.
- Trang 95 cột 2, dòng 6 : cái «rùm» rơm xin đọc là : cái *mùn* rơm.
- Trang 96 cột 2, dòng 55 : «bối» xin đọc là : *hỏi*.
- Trang 98 cột 1, dòng 2 và 4 : «vải» xin đọc là : *nói*.

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ thời tiền-chiến sau đây :

- Hận chiến-trường của *Trần-Thanh-Tĩnh*
- Gửi hương cho gió của *Ngô-Xuân-Diệu*
- Tiếng địch sông Ô, Lòng hồi hận của *Phạm-Huy-Thông*, và những bài thơ của *Phí-Yên* (nhà thơ miền Nam, đã qua đời), để làm tài-liệu. Bạn nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại—tại chỗ, hay được đem về — chúng tôi rất cảm ơn.

B. K.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo ; COMMUBANK



Các hã*ng* Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

VIỆT-NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23.529

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT — SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE «**HERMES**»

PAPIER HELIO «**DOREL**»

ĐÍNH CHÍNH

Bách-Khoa số 71 bài *Trại Giáo hóa Thủ-Đức* của Vũ-Thanh-Lý:

— Trang 53 cột 1 dòng 4, xin đọc : «như không để che đậy gì cả».

— Cùng trang, dòng 12 : «không khí *mất* yên tĩnh», xin đọc «*rất* yên tĩnh».

— Trang 55, tiểu mục : «Nguyên nhân ở sự đổ vỡ của bọn trẻ là cuộc sống cấp bách của chúng ta hiện nay» xin sửa. Nguyên nhân sự đổ vỡ của bọn trẻ là ở cuộc sống cấp bách của chúng ta hiện nay.

Mục «Phỏng vấn» trang 80, cột 1, bài tường thuật cuộc phỏng vấn *Piere Kèn Dariville*, in sót câu mở đầu ,

Anh trầm ngâm nhìn tàu thuốc lá nơi tay, tàu thuốc lá đã thối nhả khói tự bao giờ.

Bách-Khoa số 70, mục *Phỏng vấn* trang 82, cột 2 đoạn tóm tắt ý-kiến Nguyễn-Hiền-Lê, xin thêm tiếp dòng 13 ;

— *Những vì sao, Cô gái thành Arles* của *Alphonse Daudet* (Pháp) ;

Mưa của *Somerset Maugham* (Anh)

— *Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà, Ngõ hẻm dưới trăng* của *Stefan Zweig* (Đức).

— *Người đánh bạc* của *Dostoiewsky* (Nga)

— Ông khách râu quăn do *Lâm-ngữ-Đường* (Trung-Hoa) kể lại.

ĐÃ PHÁT-HÀNH

Tìm hiểu ĐẤT HẬU-GIANG

của SƠN-NAM

CÓ LỜI KHAI-ĐỀ CỦA GIÁO-SƯ NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Một tài liệu về Sử-Địa cần-thiết cho

mọi giới Giáo-sư, Sinh-viên, Luật-sư, Kỹ-nghệ-gia...

Đã bán từ ngày 25-12-59 ở các hiệu sách lớn Sài-gòn

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HÒA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

vốn : 1.000 triệu phát lãg

**Cie d'Assurances Générales
contre l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.



**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN-PHI — HÀNG-HẢI — RỦI-RO

vốn : 1.000 triệu phát lãg

**Cie d'Assurances Générales
Accidents**

Vol — Maritime — Riques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.



CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

vốn : 105.000.000 phát lãg

**Assurance France Asiatique
Assurances Toutes Branches**

Capital : 105.000.000 Frs.



**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

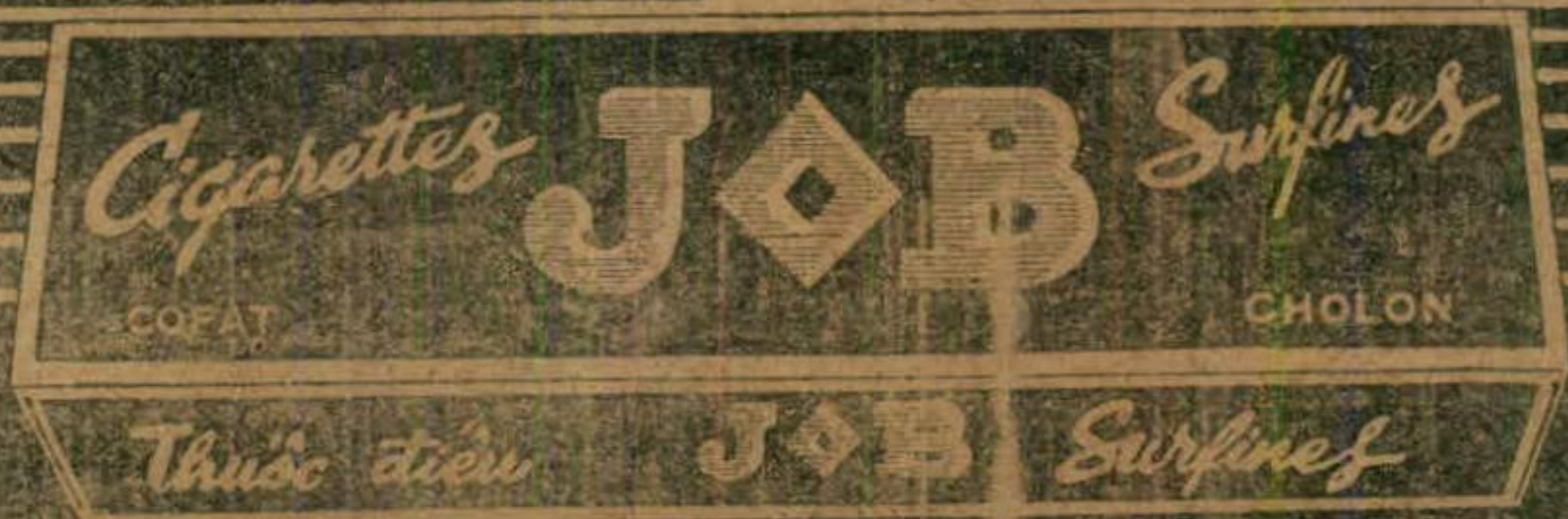
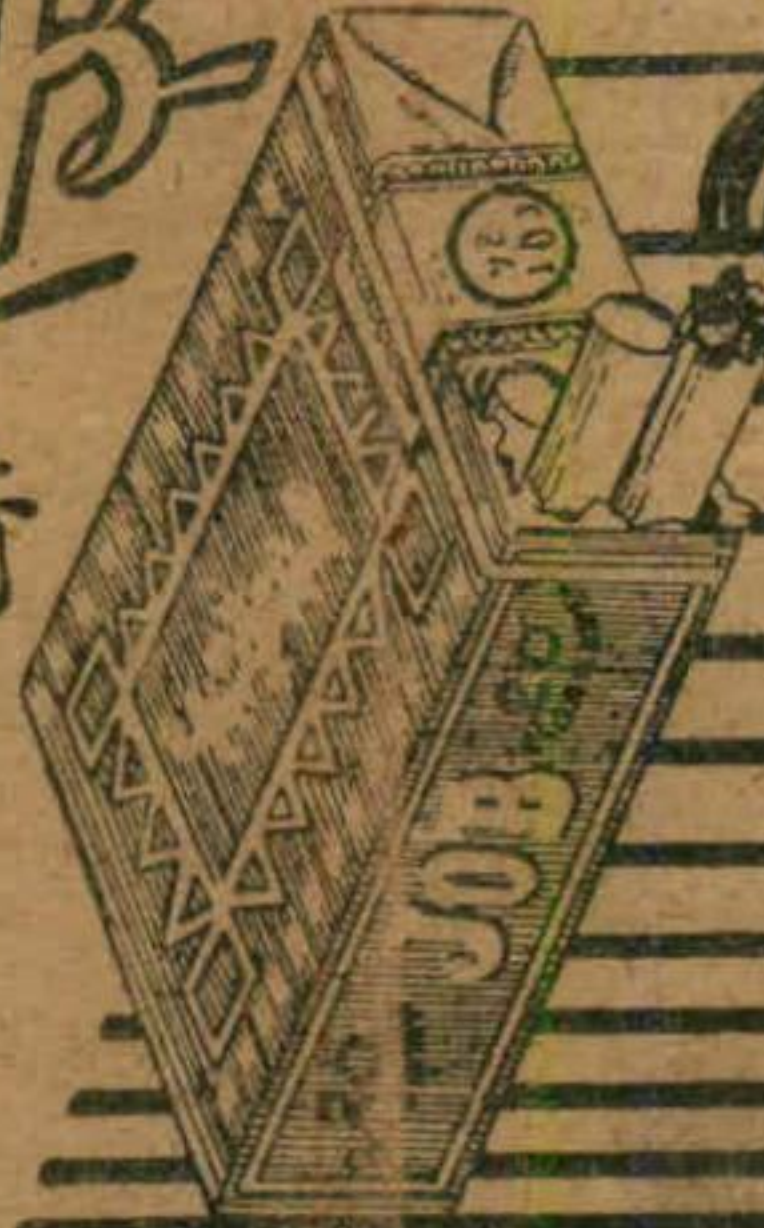
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ÈM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC VIỆT.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20.114 — 20.115 — 20.116 — 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

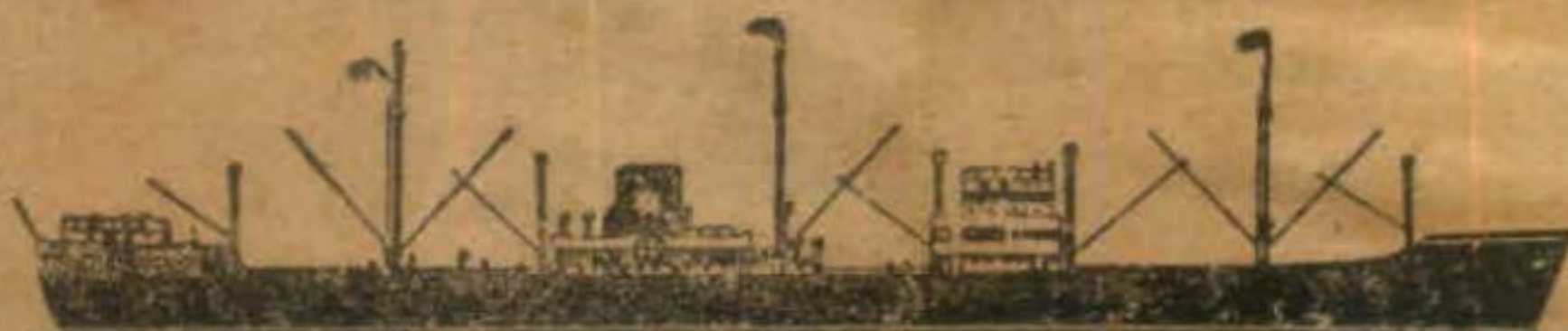
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS-TOURANE-CHOLON-DALAT-CANTHO-VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN, K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20.338 - 39 - 40



Long Size



Thuốc Thơm *điếu dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ

BACH KHOA BACH KHOA



百科雜誌

Nhà sách PHUOC THIATHE
58, Đại lộ Lê-Loi Saigon
Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Điện thoại : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON